

DỰ ÁN 83 HIỆP BÌNH

PHƯỜNG HIỆP BÌNH PHƯỚC, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

KHÁI TOÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ DỰ ÁN 83 HBP-TD

Bảng 1: Tổng diện tích đất dự án

STT	Người sở hữu	Số sổ	Vị trí		Mục đích sử dụng	Diện tích
			Thửa đất	Bản đồ		
1	Đặng Huỳnh Phúc Long	CO 349420	36	67	Đất ở đô thị - Lâu dài	515,0
2	Nguyễn Thị Nguyệt	CC 882209	541	67	Đất ở đô thị - Lâu dài	836,0
3	Đặng Hoàng Phúc	CO 349421	506	67	Đất ở đô thị - Lâu dài	1.178,5
4	Đặng Hoàng Phúc	CP 642901	35	67	Đất ở đô thị - Lâu dài	494,5
Tổng						3.024,0

Bảng 2: Cơ cấu sử dụng đất dự kiến

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu	Ghi chú
1	Tổng diện tích	m2	3.024	
2	Số lượng sản phẩm	căn	36	36 căn nền nhà phố
3	Loại hình phát triển			Nhà phố liền kề
4	Pháp lý bàn giao			Sổ hồng riêng từng
5	Mức độ hoàn thiện			Giao nhà thô, hoàn thiện bên ngoài
6	Số tầng dự kiến			1 trệt, 4 lầu, 0.5 sân thượng
7	Diện tích lô	m2		60m2-120m2
8	Diện tích 01 lô bình quân phổ biến	m2		60 m2
9	Diện tích sàn trung bình	m2		330 m2

Bảng 3: Thống kê sản phẩm đầu ra và doanh thu bán hàng dự kiến (trong năm 2023)

STT	Mã Căn MÃ NỀN	Số Thửa	Diện tích đất xây dựng thành phẩm (m2)	Giá bán khởi điểm (ngđ/m2) - tính trên NỀN ĐẤT	Hệ số điều chỉnh đơn giá	Đơn giá bán/m2 sau điều chỉnh (ngđ)	Giá thành sản phẩm - NỀN (trđ)	Giá NHÀ - bàn giao thô, hoàn thiện bên ngoài (ngđ)	GIÁ HOÀN THIỆN SẢN PHẨM (ngđ)	DOANH THU DỰ KIẾN (điều chỉnh 100% giá xây dựng nhà) - do cảnh quan, kiến trúc...	Tổng diện tích sàn xây dựng (m2)-GFA	Giá bán bình quân/m 2 sàn xây dựng	Đơn giá xây dựng nhà thô, hoàn thiện M&E và mặt ngoài, không có cổng (ngđ/m2)
1	A1	A1	57,80	120.000	1,00	120.000	6.936.000	2.861.100	9.797.100	12.658.200,0	317,90	39.818	9.000
2	A2	A2	75,00	120.000	1,00	120.000	9.000.000	3.034.350	12.034.350	15.068.700,0	337,15	44.694	9.000
3	A3	A3	54,80	120.000	1,00	120.000	6.576.000	2.712.600	9.288.600	12.001.200,0	301,40	39.818	9.000
4	A4	A4	63,00	120.000	1,00	120.000	7.560.000	2.970.000	10.530.000	13.500.000,0	330,00	40.909	9.000
5	A5	A5	64,00	120.000	1,00	120.000	7.680.000	2.970.000	10.650.000	13.620.000,0	330,00	41.273	9.000
6	A6	A6	64,50	120.000	1,00	120.000	7.740.000	2.970.000	10.710.000	13.680.000,0	330,00	41.455	9.000
7	A7	A7	64,90	120.000	1,00	120.000	7.788.000	2.970.000	10.758.000	13.728.000,0	330,00	41.600	9.000
8	A8	A8	65,30	120.000	1,00	120.000	7.836.000	2.970.000	10.806.000	13.776.000,0	330,00	41.745	9.000
9	A9	A9	65,70	120.000	1,00	120.000	7.884.000	2.970.000	10.854.000	13.824.000,0	330,00	41.891	9.000
10	A10	A10	65,80	120.000	1,00	120.000	7.896.000	2.970.000	10.866.000	13.836.000,0	330,00	41.927	9.000
11	A11	A11	65,80	120.000	1,00	120.000	7.896.000	2.970.000	10.866.000	13.836.000,0	330,00	41.927	9.000
12	A12	A12	65,70	120.000	1,00	120.000	7.884.000	2.970.000	10.854.000	13.824.000,0	330,00	41.891	9.000
13	A13	A13	65,70	120.000	1,00	120.000	7.884.000	2.970.000	10.854.000	13.824.000,0	330,00	41.891	9.000
14	A14	A14	65,67	120.000	1,00	120.000	7.880.400	2.970.000	10.850.400	13.820.400,0	330,00	41.880	9.000
15	A15	A15	65,60	120.000	1,00	120.000	7.872.000	2.970.000	10.842.000	13.812.000,0	330,00	41.855	9.000
16	A16	A16	65,60	120.000	1,00	120.000	7.872.000	2.970.000	10.842.000	13.812.000,0	330,00	41.855	9.000
17	A17	A17	71,60	120.000	1,00	120.000	8.592.000	3.143.250	11.735.250	14.878.500,0	349,25	42.601	9.000
18	B1	B1	66,20	120.000	1,00	120.000	7.944.000	3.276.900	11.220.900	14.497.800,0	364,10	39.818	9.000
19	B2	B2	62,00	120.000	1,00	120.000	7.440.000	3.069.000	10.509.000	13.578.000,0	341,00	39.818	9.000
20	B3	B3	61,83	120.000	1,00	120.000	7.419.600	3.060.585	10.480.185	13.540.770,0	340,07	39.818	9.000

21	B4	B4	77,70	120.000	1,00	120.000	9.324.000	3.356.100	12.680.100	16.036.200,0	372,90	43.004	9.000
22	B5	B5	62,20	120.000	1,00	120.000	7.464.000	2.970.000	10.434.000	13.404.000,0	330,00	40.618	9.000
23	B6	B6	62,50	120.000	1,00	120.000	7.500.000	2.970.000	10.470.000	13.440.000,0	330,00	40.727	9.000
24	B7	B7	62,90	120.000	1,00	120.000	7.548.000	2.970.000	10.518.000	13.488.000,0	330,00	40.873	9.000
25	B8	B8	63,30	120.000	1,00	120.000	7.596.000	2.970.000	10.566.000	13.536.000,0	330,00	41.018	9.000
26	B9	B9	63,70	120.000	1,00	120.000	7.644.000	2.970.000	10.614.000	13.584.000,0	330,00	41.164	9.000
27	B10	B10	64,10	120.000	1,00	120.000	7.692.000	2.970.000	10.662.000	13.632.000,0	330,00	41.309	9.000
28	B11	B11	64,50	120.000	1,00	120.000	7.740.000	2.970.000	10.710.000	13.680.000,0	330,00	41.455	9.000
29	B12	B12	64,80	120.000	1,00	120.000	7.776.000	2.970.000	10.746.000	13.716.000,0	330,00	41.564	9.000
30	B13	B13	65,20	120.000	1,00	120.000	7.824.000	2.970.000	10.794.000	13.764.000,0	330,00	41.709	9.000
31	B14	B14	65,50	120.000	1,00	120.000	7.860.000	2.970.000	10.830.000	13.800.000,0	330,00	41.818	9.000
32	B15	B15	65,90	120.000	1,00	120.000	7.908.000	2.970.000	10.878.000	13.848.000,0	330,00	41.964	9.000
33	B16	B16	66,20	120.000	1,00	120.000	7.944.000	2.970.000	10.914.000	13.884.000,0	330,00	42.073	9.000
34	B17	B17	66,50	120.000	1,00	120.000	7.980.000	2.970.000	10.950.000	13.920.000,0	330,00	42.182	9.000
35	B18	B18	66,90	120.000	1,00	120.000	8.028.000	2.970.000	10.998.000	13.968.000,0	330,00	42.327	9.000
36	B19	B19	122,30	120.000	1,00	120.000	14.676.000	4.841.100	19.517.100	24.358.200,0	537,90	45.284	9.000
	Tổng cộng		2.400,70				288.084.000	109.544.985	397.628.985	507.173.970	12.172	41.599	
	Diện tích khuôn viên hạ tầng ngoài nhà		623,30							109.544.985,0			
	Tổng diện tích đất dự án		3.024,00							-			

Bảng 4: Dự toán chi tiết chi phí xây dựng

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền (Đã bao gồm VAT)
1	Chi phí xây dựng nhà				109,544,985
2	Chi phí xây dựng hạ tầng ngoài nhà		623.30	3,000	1,869,900
3	Tổng chi phí xây dựng				111,414,885
4	Chi phí điện khu vực dự án (trạm hạ thế, di dời cột điện...)				2,000,000
5	Chi tiết dự toán thi công các hạng mục chính				
					
					
					
	Tổng cộng chi phí xây dựng				113,414,885

Bảng 5: Tổng dự toán đầu tư

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (ngđ)	Ghi chú
1	Tiền thu mua đất	280,000,000	
2	Chi phí xây dựng toàn dự án	113,414,885	
3	Chi phí pháp lý đến khâu GPXD, tách	10,000,000	
4	Chi phí mua thêm phần đất mặt tiền	15,000,000	
5	Chi phí bán hàng dự kiến	10,000,000	0.3 tỷ/căn
6	Chi phí tài chính	28,000,000	10%
7	Chi phí dự phòng	10,000,000	2%
8	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	466,414,885	

Bảng 6: Khái toán hiệu quả đầu tư

1	Tổng mức đầu tư	466,414,885	
2	Doanh thu dự kiến	507,173,970	
	- Số lượng sản phẩm	36	
	- Giá bán/sản phẩm	14,088,166	
3	Lợi nhuận dự kiến	40,759,085	

Bảng 7: Dự kiến phương án điều chỉnh quy hoạch

1	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	466,414,885	
2	Chi phí giá đất	280,000,000	
3	Chi phí xây dựng	113,414,885	
4	Chi phí pháp lý đến khâu GPXD, tách thửa	10,000,000	
5	Chi phí mua thêm phần đất mặt tiền	15,000,000	
6	Chi phí bán hàng dự kiến	10,000,000	
7	Chi phí tài chính	28,000,000	
8	Chi phí dự phòng	10,000,000	
9	DOANH THU DỰ KIẾN	536,500,000	
10	- Diện tích đất dự án	3,024.00	
11	- Diện tích đất thành phẩm (80%)	2,419.20	hệ số 0.8
12	- Diện tích sàn xây dựng GFA (1 trệt, 4 lầu)	10,886.40	hệ số 4.5
13	- Diện tích sàn kinh doanh thương phẩm	8,164.80	hệ số 0.75
14	- Số lượng nền nhà phố dự kiến (căn)	37.22	diện tích 5*13
15	- Giá bán 01 đơn vị nhà phố dự kiến (tính theo giá bán căn nhà phố)	14,500,000	
16	- Doanh thu theo giá trị bán sản phẩm	536,500,000	37 căn
17	LỢI NHUẬN DỰ KIẾN	70,085,115	
18	- Giá bán tính/m2 đơn vị sàn thương phẩm	65,709	

VỊ TRÍ KHU ĐẤT



VỊ TRÍ KHU ĐẤT



GIAO THÔNG



VỀ GIAO THÔNG:

- SỞ HỮU VỊ TRÍ ĐẮC ĐỊA, NẴM TRÊN ĐƯỜNG HIỆP BÌNH, LÀ CON ĐƯỜNG GIAO NHAU GIỮA 2 ĐẠI LỘ LỚN LÀ PHẠM VĂN ĐỒNG VÀ QUỐC LỘ 13
- TIỆN ÍCH XUNG QUANH ĐA DẠNG, CÓ TRƯỜNG TRUNG HỌC, GIGAMALL, VINCOM, CHỢ HIỆP BÌNH, CHỢ THỦ ĐỨC, BỆNH VIỆN THỦ ĐỨC...
- GẦN KHU ĐẠI ĐÔ THỊ VẠN PHÚC VÀ CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ CAO TRONG KHU VỰC.
- DI CHUYỂN ĐẾN SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT CHỈ MẤT 15 PHÚT.

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CẢNH QUAN



HÌNH ẢNH THỰC TẾ



CÁC DỰ ÁN LÂN CẬN VÀ GIÁ THÀNH DỰ KIẾN



VẠN PHÚC CITY

GOLDEN SHOPHOUSE

Nhà phố

ROYAL VAN PHUC

Nhà phố

VAN PHUC CENTER

Căn hộ

MANSION VAN PHUC

Biệt thự

ĐẠI LỘ PHẠM VĂN ĐỒNG

QUỐC LỘ 13

JARDIN VILLAS

Biệt thự

NGUYỄN THỊ NHUNG

SUNLAKE VILLAS

Biệt thự phố

ĐỊNH THỊ THI

SÔNG SÀI GÒN

Nhà phố **5 x 20m** (Giá từ **18 - 21 tỷ/căn**) ~ **190tr/m²**
Nhà phố thương mại **7 x 20m** (Giá từ **27 tỷ/căn**) – **193tr/m²**
Shophouse đường chính Nguyễn Thị Nhung và Định Thị Thi (Giá từ **35 tỷ/căn**)
Shophouse Phố đi bộ (Giá từ **35 tỷ/căn**)

URBAN GREEN

Urban Green 1 phòng ngủ (50 - 55m²): 2.7 - 3.0 tỷ
Urban Green 2 phòng ngủ/1WC (60 - 73m²): 3.4 - 3.8 tỷ
Urban Green 2 phòng ngủ/2WC (80 - 90m²): 4.1 - 4.6 tỷ.
Urban Green 3 phòng ngủ/2WC (102 - 118m²): 5.5 - 6.0 tỷ
Urban Green 4 phòng ngủ/3WC (174 - 202m²): 8.7 - 10 tỷ.zz

50 - 55tr/m²

KHU DÂN CƯ HỒNG LONG

Đất nền giá từ **80 – 105tr/m²**





2,2KM

1 KM



KDC
HỒNG LONG

400 M



Tình hình giá đất của đường Hiệp
bình không có nhiều biến động,
giá trung bình của nhà mặt tiền
và nhà hẻm xe hơi là **95,3tr/m²**.

Đường

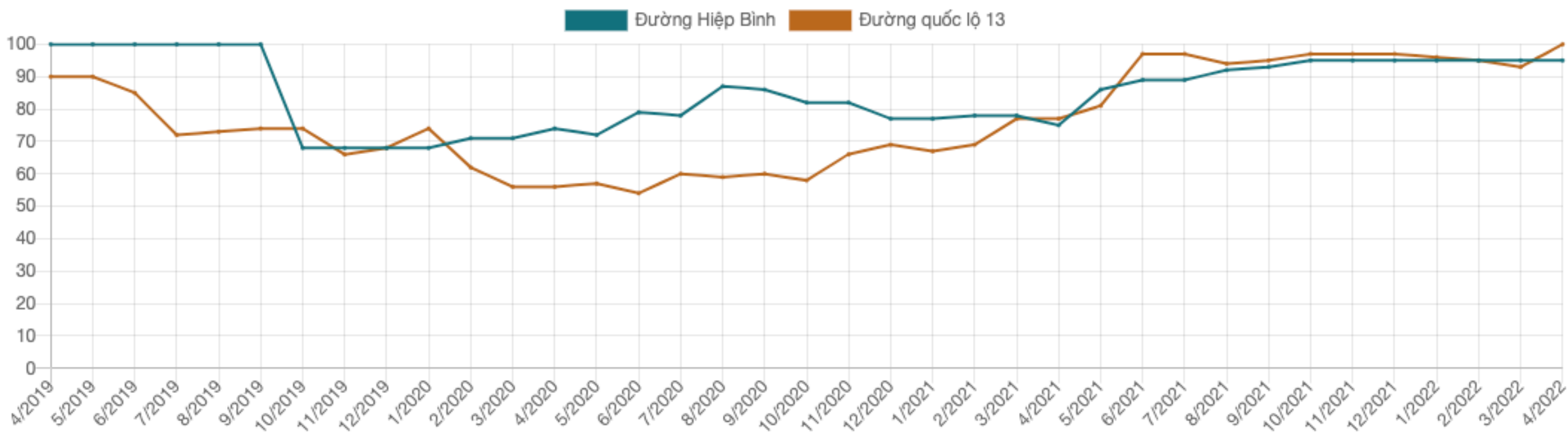
Đơn giá
trung bình

Đường Hiệp
Bình

95,3
triệu VNĐ/m²

0% ▲

Triệu VNĐ/m²



Lượng cung khan hiếm, thống kê trong 6 tháng gần đây hầu hết là phát sinh giao dịch ở hẻm.

Đường	Giá trung bình (Triệu VNĐ/m ²)			Giá giao dịch (Triệu VNĐ)			Loại hình bds	Phân cấp
Đường Tỉnh Lộ Số 43	55,954	0%	▲	66,137	0%	▲	Nhà riêng Hẻm	Hẻm >= 3m
Đường Số 7	90,924	2,29%	▼	74,111	0%	▲	Nhà riêng Hẻm	Hẻm >= 3m
Đường Số 9	71,907	2,38%	▲	47,129	41,47%	▼	Nhà riêng Hẻm	Hẻm >= 3m
Đường quốc lộ 13	100,182	2,54%	▼	94,659	23,6%	▼	Nhà riêng Hẻm	Hẻm >= 3m
Đường Ngô Chí Quốc	57,995	1,1%	▼	50,561	0%	▲	Nhà riêng Hẻm	Hẻm >= 3m
Đường Số 17	109,395	1,75%	▼	143,936	0%	▲	Nhà riêng Hẻm	Hẻm >= 3m
Đường Số 49	90,86	11,01%	▲		0%	▲	Nhà riêng Hẻm	Hẻm >= 3m
Đường Hiệp Bình	95,295	0%	▲	96,065	0%	▲	Nhà riêng Hẻm	Hẻm >= 3m
Đường Số 2	98,985	0%	▲	81,203	0%	▲	Nhà riêng Hẻm	Hẻm >= 3m
Đường Số 27	82,053	0%	▲	80,239	0%	▲	Nhà riêng Hẻm	Hẻm >= 3m

Bán nhà mặt tiền Hiệp Bình- ngay Chợ Phường Hiệp Bình Chánh TP Thủ Đức, khu sầm uất nhất

16 tỷ · 111 m² ·

Bán nhà mặt tiền Hiệp Bình- ngay Chợ Phường Hiệp Bình Chánh TP Thủ Đức, khu sầm uất nhất

Mặt tiền Hiệp Bình - ngay chợ phường Hiệp Bình Chánh TP Thủ Đức. Khu sầm uất nhất. - Diện tích 111m2 công nhận đủ. - Nhà 1 trệt 2 lầu cũ. Đang cho thuê tháng 25tr. - Giá: 16 t...

144tr/m²

Mặt tiền kinh doanh 4 lầu đường Hiệp Bình, Hiệp Bình Chánh giá 23 tỷ. Liên hệ: 0961139* Hòa**

23 tỷ · 130 m² · 6 🛏 · 6 🚿

177tr/m²

Thủ Đức, Hồ Chí Minh

Mặt tiền KD 4 lầu đường Hiệp Bình giá 23 tỷ. Liên hệ: 0961 139*** (Hòa) LK1.- Chủ kẹt cần bán căn nhà tâm huyết mặt tiền kinh doanh phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức. - Diện tích: 130m2 ngang 4.4m. - Giá 23 tỷ. - Hiện trạng: Nhà 4 lầu, cho thuê 45tr/tháng. - S...

Siêu hot! Bán nhà mặt tiền đường Hiệp Bình đoạn ngay chợ vị trí siêu hiếm

17 tỷ · 100 m² · Thủ Đức, Hồ Chí Minh

170tr/m²

Cần bán nhà mặt tiền đường Hiệp Bình, Phường Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức. - Vị trí ngay chợ hiệp bình, kinh doanh buôn bán cực kỳ sầm uất. - Diện tích 100m2. Ngang 4m dài...



15 tỷ 129,64 triệu/m²

Bán nhà mặt tiền đường Hiệp Bình,

📍 Đ. Hiệp Bình, P. Hiệp Bình Chánh, Quậ...

🛏 1 🛏 2 📏 115.7m² 📍 Bắc

130tr/m²

Một số ít nhà mặt tiền tại đường Hiệp Bình được chào bán

Khu Compound này sẽ mang tính đột phá,
độc đáo duy nhất trong khu vực về an
ninh và kiến trúc kiểu mẫu.

Giá đề xuất: **120tr/m²**



Ý TƯỞNG THIẾT KẾ |

MẶT BẰNG TẦNG TRỆT



GHI CHÚ:
TẦNG TRỆT GỒM:
- KHU GARAGE XE: 24 m²
- PHÒNG ĂN + BẾP: 20.6 m²
- KHU KỸ THUẬT THANG, THANG MÁY, WC: 15.4 m²

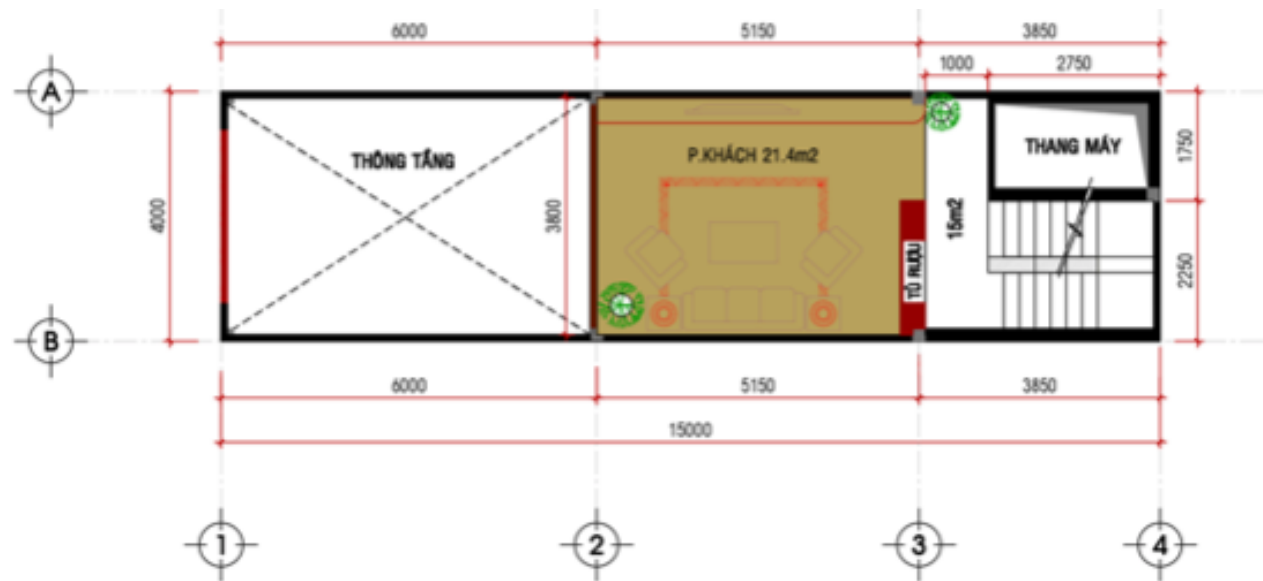


PHÒNG ĂN - BẾP



GARAGE

MẶT BẰNG TẦNG LỬNG



GHI CHÚ:

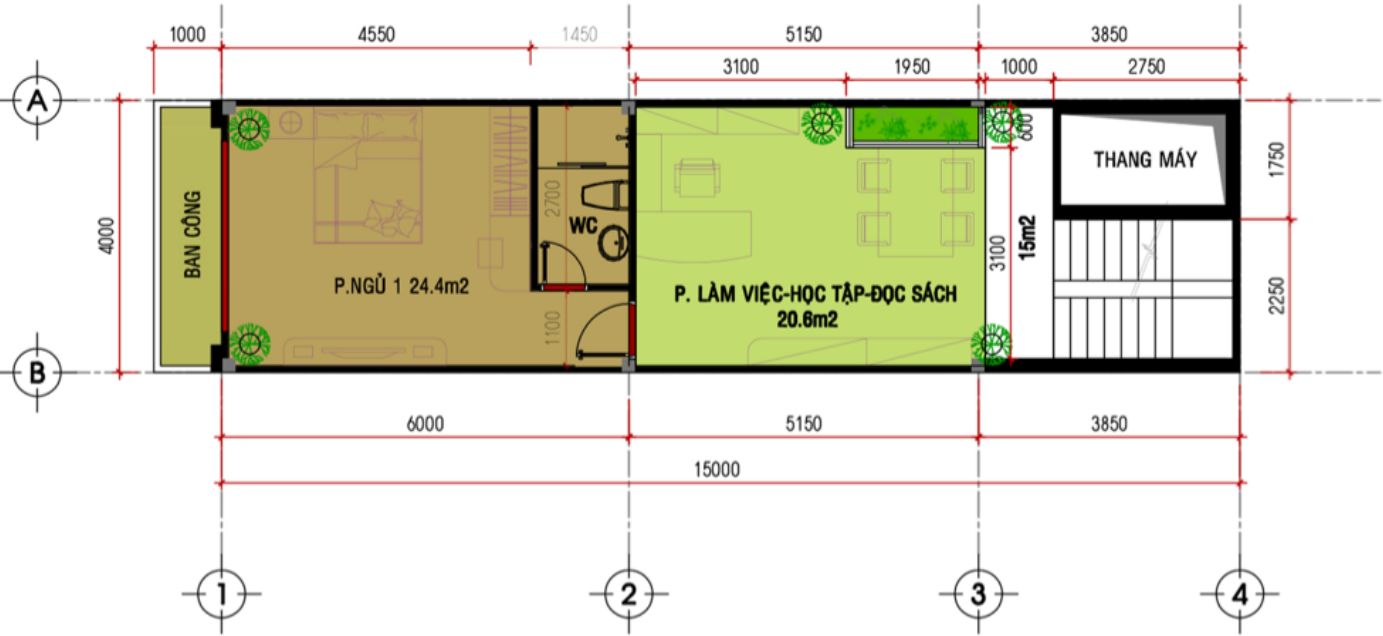
TẦNG LỬNG GỒM:

- KHU THÔNG TẦNG
- PHÒNG KHÁCH: 21.4 m2
- KHU KỸ THUẬT THANG, THANG MÁY: 15 m2



PHÒNG KHÁCH

MẶT BẰNG LẦU 1



GHI CHÚ:
LẦU 1 GỒM:
- PHÒNG NGỦ 1 - KHU WC RIÊNG: 24.4m²
- PHÒNG LÀM VIỆC - HỌC TẬP - ĐỌC SÁCH: 20.6 m²
- KHU KỸ THUẬT THANG, THANG MÁY: 15 m²

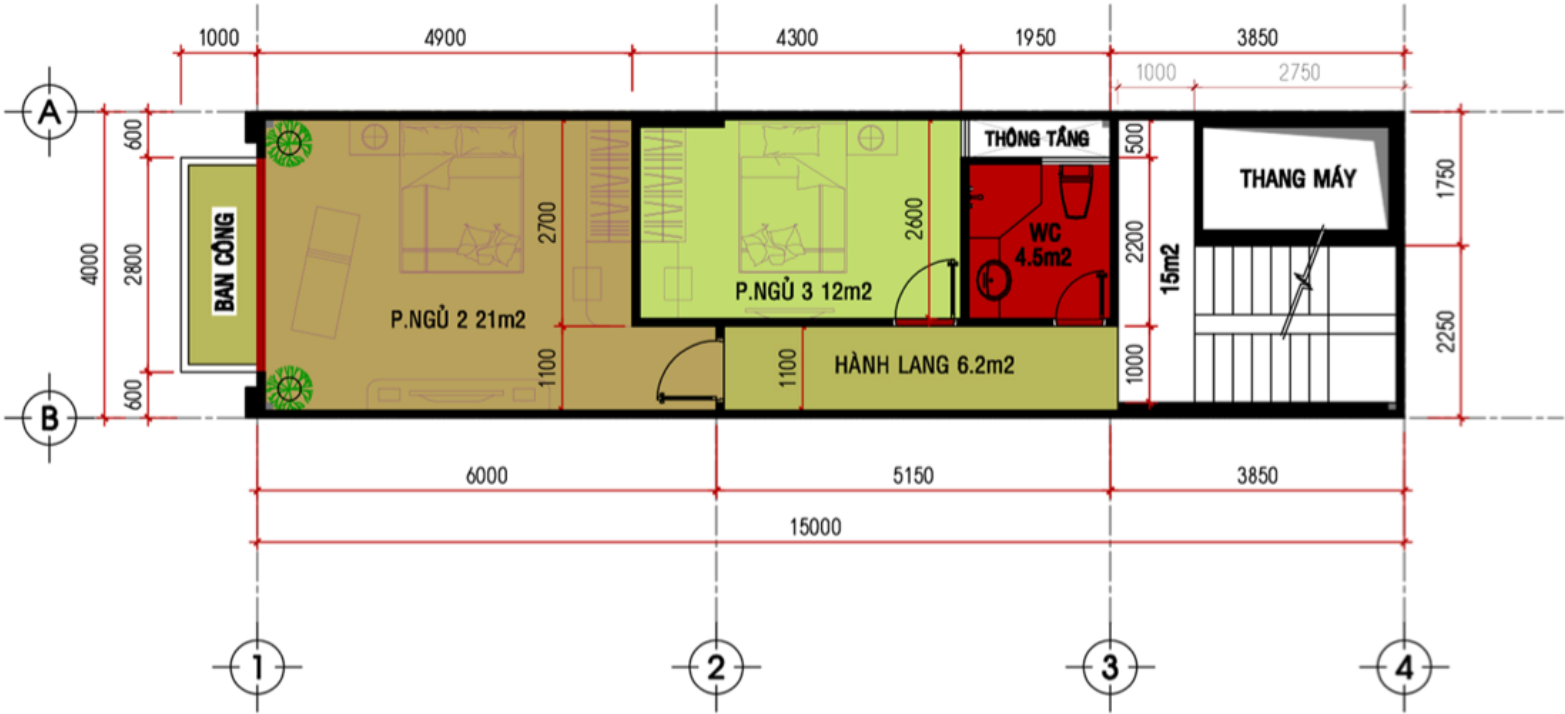


PHÒNG LÀM VIỆC



PHÒNG NGỦ

MẶT BẰNG LẦU 2



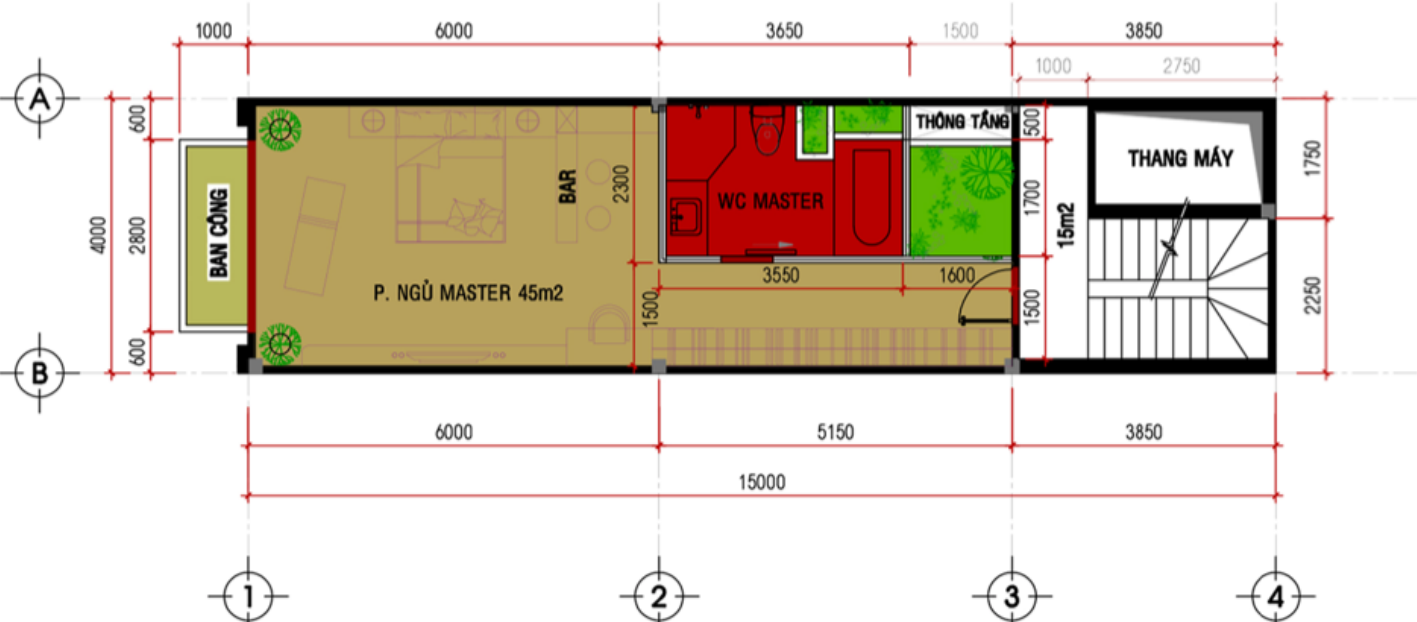
- GHI CHÚ:**
- LẦU 2 GỒM:**
- PHÒNG NGỦ 2: 21m²
 - PHÒNG NGỦ 3: 12 m²
 - KHU WC: 4.5 m²
 - HÀNH LANG: 6.2 m²
 - KHU KỸ THUẬT THANG, THANG MÁY: 15 m²



PHÒNG NGỦ

MẶT BẰNG LẦU 3

PHÒNG NGỦ MASTER



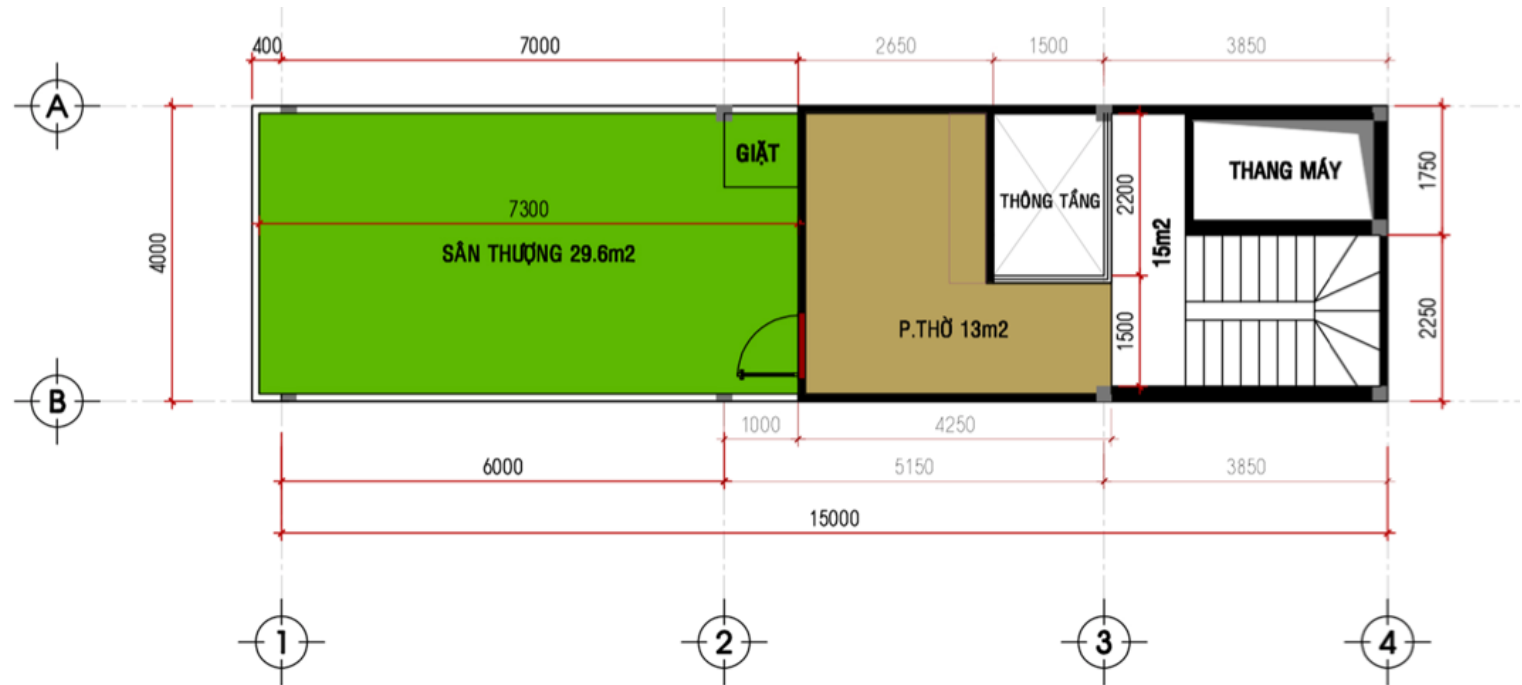
GHI CHÚ:

LẦU 3 GỒM:

- PHÒNG NGỦ MASTER 45m2:
 - + PHÒNG NGỦ
 - + KHU WC MASTER
- KHU KỸ THUẬT THANG, THANG MÁY: 15 m2



MẶT BẰNG SÂN THƯỢNG



GHI CHÚ:

TẦNG SÂN THƯỢNG GỒM:

- PHÒNG THỜ 13m²:
- KHU THÔNG TẮNG
- SÂN THƯỢNG BỐ TRÍ CẢNH QUAN: 29.6m²
- KHU KỸ THUẬT THANG, THANG MÁY: 15 m²



SÂN THƯỢNG

CƠ SỞ PHÁP LÝ

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

32463/CP



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: ĐẶNG HOÀNG PHÚC

Năm sinh: 1973, CCCD số: 060073000120

Địa chỉ thường trú: 5 Trần Quốc Thảo, Phường 6, Quận 3, TP.HCM.

CP 642901

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- Thừa đất số: 35, tờ bản đồ số: 67
- Địa chỉ: P. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức, TP.HCM
- Diện tích: 494,5m², (bằng chữ: Bốn trăm chín mươi bốn phẩy năm mét vuông)
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị
- Thời hạn sử dụng: Lâu dài
- Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

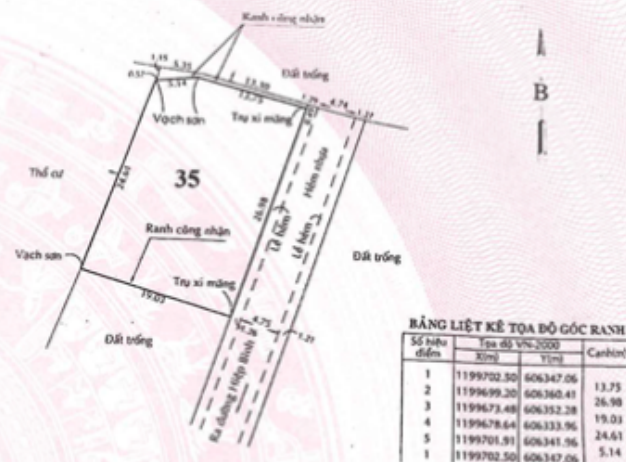
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Giấy chứng nhận này được cấp đổi từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 061726 ngày 24/6/2005 do UBND quận Thủ Đức cấp.
- Theo Hợp đồng chuyển nhượng số 021209 ngày 05/11/2019 của Văn phòng công chứng Mai Việt Cường, TP.HCM.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Chi tiết tham khảo Bản vẽ sơ đồ nhà đất số 6775/17/BN-VPĐK ngày 13/11/2017 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Thủ Đức kiểm tra nội nghiệp.

17-01-2020
Tp Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP HỒ CHÍ MINH
TUQ.GIÁM ĐỐC SỞ
PHÓ GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI



Le Thành Phương

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Chuyển nhượng cho Bà: Nguyễn Thị Nguyệt, CMND số:
024023194, địa chỉ: 59 Thoại Ngọc Hầu, phường Hòa Thạnh, quận
Tân Phú, Tp.HCM; theo hồ sơ số 47165.CN.001.

Giấy chứng nhận này cùng với giấy chứng nhận số CC 882208

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

27-12-2019

Ngày tháng năm
CN VĂN PHÒNG ĐKDD Q. THỦ ĐỨC
GIÁM ĐỐC



P. Xuân Tùng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

48386/00

NB



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: **LÊ ĐỨC NINH**

Năm sinh: 1954, CMND số: 024499632

Địa chỉ thường trú: 61/35 đường 48, khu phố 6, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM.

Cùng sử dụng đất với bà **NGUYỄN THỊ NHUNG**

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2688916047165

CC 882209

48386/00

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- Thừa đất số: **541**, tờ bản đồ số: **67**
- Địa chỉ: Phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, TP.HCM
- Diện tích: 836m², (bằng chữ: tám trăm ba mươi sáu mét vuông)
- Hình thức sử dụng: Sử dụng chung
- Mục đích sử dụng: Đất ở 835,1m², đất trồng cây hàng năm khác 0,9m²
- Thời hạn sử dụng: Đất ở: Lâu dài; Đất trồng cây hàng năm khác: Đến ngày 30/12/2024
- Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 835,1m²; Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 0,9m²

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

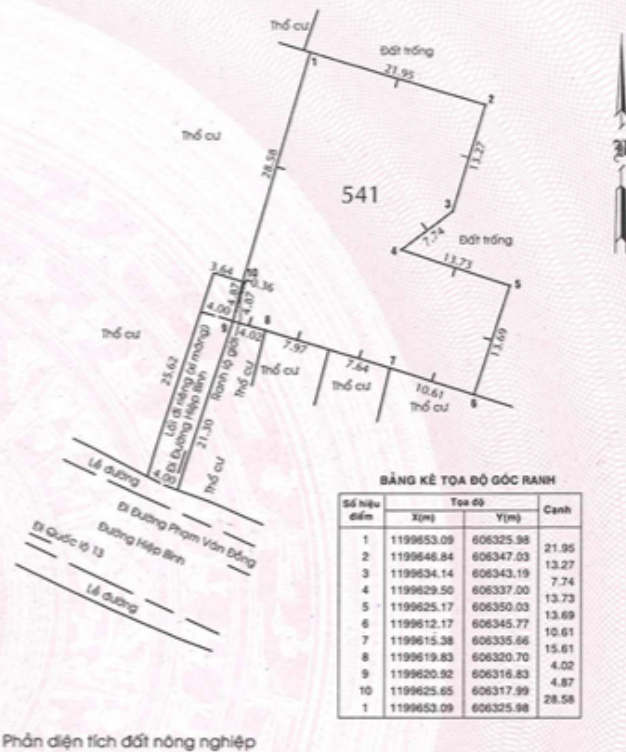
5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Theo Quyết định số **360** /QĐ-UBND ngày **22/04/2016** của UBND quận Thủ Đức
+ Theo tài liệu năm 1992 thuộc thửa 2029, 2311, tờ bản đồ số 10.
+ Theo tài liệu năm 2005 thuộc một phần thửa 2, 3, 34, 36, 41, tờ bản đồ số 67.
- Lộ giới hẻm phía Tây Nam dự kiến 4m.

Nợ tiền sử dụng đất là 2.102.181.000đ (hai tỷ một trăm linh hai triệu một trăm tám mươi một nghìn đồng chẵn) theo thông báo số U201626492-N/TB-CCT-TBa ngày 13/4/2016 của Chi cục thuế quận Thủ Đức.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



21-04-2016
Thủ Đức, ngày tháng năm 20....
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng

Số vào sổ cấp GCN: CH 05548

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Đã được xóa nợ tiền sử dụng đất theo phiếu báo U2016-26492/PP-CET ngày 18/2/2019 của Chi cục thuế Quận Thủ Đức

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

29-07-2019

CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐKĐĐ
QUẬN THỦ ĐỨC
GIÁM ĐỐC



Lê Xuân Hùng

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Chuyển nhượng cho Ông: Đặng Hoàng Phúc, CCCD số:
060073000120, địa chỉ: 05 Trần Quốc Thảo, phường 6, Quận 3,
TP.HCM; theo hồ sơ số 47018.CN.001.

27-12-2019

Ngày tháng năm

CN VẤN PHÒNG ĐKĐĐ Q.THỦ ĐỨC
GIÁM ĐỐC



Lê Xuân Tùng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

186771/G



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: PHẠM THÊ HÌNH

Năm sinh: 1981, CMND số: 025469435

Địa chỉ thường trú: 50B Đường 7, KP1, P.Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức, TP.HCM.

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CO 349421

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- Thừa đất số: 506, tờ bản đồ số: 67
- Địa chỉ: P. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Diện tích: 1178,5m², (bằng chữ: Một nghìn một trăm bảy mươi tám phẩy năm mét vuông)
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị
- Thời hạn sử dụng: Lâu dài
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

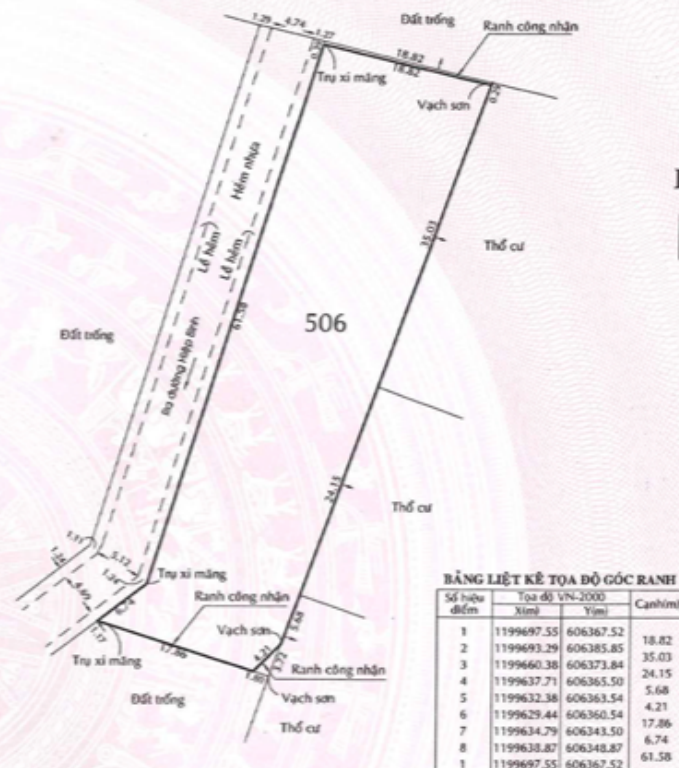
5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Giấy chứng nhận này được cấp đổi từ GCN QSDĐ số AH 740737 ngày 22/10/2007 do UBND quận Thủ Đức cấp.

- Ngày 30/3/2018, Nợ tiền sử dụng đất là 3.900.835.000đ (Ba tỷ chín trăm triệu tám trăm ba mươi năm nghìn đồng chẵn) theo thông báo số U201874919-N/TB-CCT-Tba ngày 30/3/2018 của Chi cục thuế quận Thủ Đức.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Chi tiết tham khảo Bản vẽ sơ đồ nhà đất số 6774/17/BN-CNTĐ ngày 14/11/2017 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Thủ Đức kiểm tra nội nghiệp.

12-08-2019
Tp Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP HỒ CHÍ MINH
TUQ.GIÁM ĐỐC SỞ
PHÓ GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI



Nguyễn Tuyết Phương

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Đã được xóa nợ tiền sử dụng đất
theo phiếu báo số U201874919/NB-CCT
ngày 30/3/2018 của Chi cục thuế Quận Thủ Đức

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

04-09-2019

CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐKĐĐ
QUẬN THỦ ĐỨC
GIÁM ĐỐC



Lê Xuân Tùng

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

- Chuyển nhượng cho Ông: Đặng Huỳnh Phúc Long, CCCD số: 060098000004, địa chỉ: 4.08 chung cư 16/9 Kỳ Đồng, phường 9, quận 3, Tp.HCM; theo hồ sơ số 47595.CN.001.

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Ngày tháng năm
27-12-2019
CN VĂN PHÒNG ĐKĐLQ THỦ ĐỨC
GIÁM ĐỐC

CHỦ NÁNH
VĂN PHÒNG
ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐÁI
Q. THỦ ĐỨC
Le Xuân Hùng

CHỦ NH
VĂN PH
ĐĂNG KÝ Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

18672 / CĐ



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: PHẠM THÊ HÙNG

Năm sinh: 1979, CMND số: 024528658

Địa chỉ thường trú: 50B Đường 7, KP1, P.Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức, TP.HCM.

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 6 8 0 9 1 9 0 4 7 5 9 5

CO 349420

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- Thừa đất số: 36, tờ bản đồ số: 67
- Địa chỉ: P. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Diện tích: 515m², (bằng chữ: Năm trăm mười lăm mét vuông)
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị
- Thời hạn sử dụng: Lâu dài
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

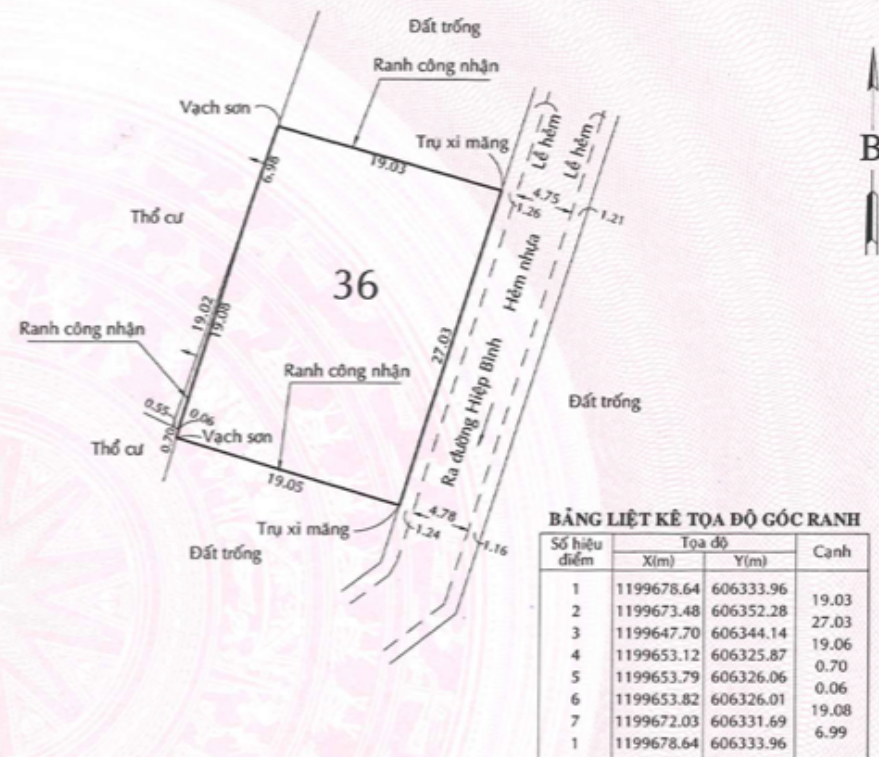
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

- Giấy chứng nhận này được cấp đổi từ GCN QSDĐ số AC 061727 ngày 24/6/2005 do UBND quận Thủ Đức cấp.
- Ngày 30/3/2018, Nợ tiền sử dụng đất là 1.704.650.000đ (Một tỷ bảy trăm lẻ bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) theo thông báo số U201874920-N/TB-CCT-Tba ngày 30/3/2018 của Chi cục thuế quận Thủ Đức.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Chi tiết tham khảo Bản vẽ sơ đồ nhà đất số 6776/17/BN-VPĐK ngày 14/11/2017 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Thủ Đức kiểm tra nội nghiệp.

12-08-2019
Tp Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP HỒ CHÍ MINH
TUQ. GIÁM ĐỐC SỞ
PHÓ GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI



Nguyễn Tuyết Phương

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Đã được xóa nợ tiền sử dụng đất theo phân bổ số 11.01.834.820/PH-CCT ngày 19/8/2019 của Chi cục thuế Quận Thủ Đức

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

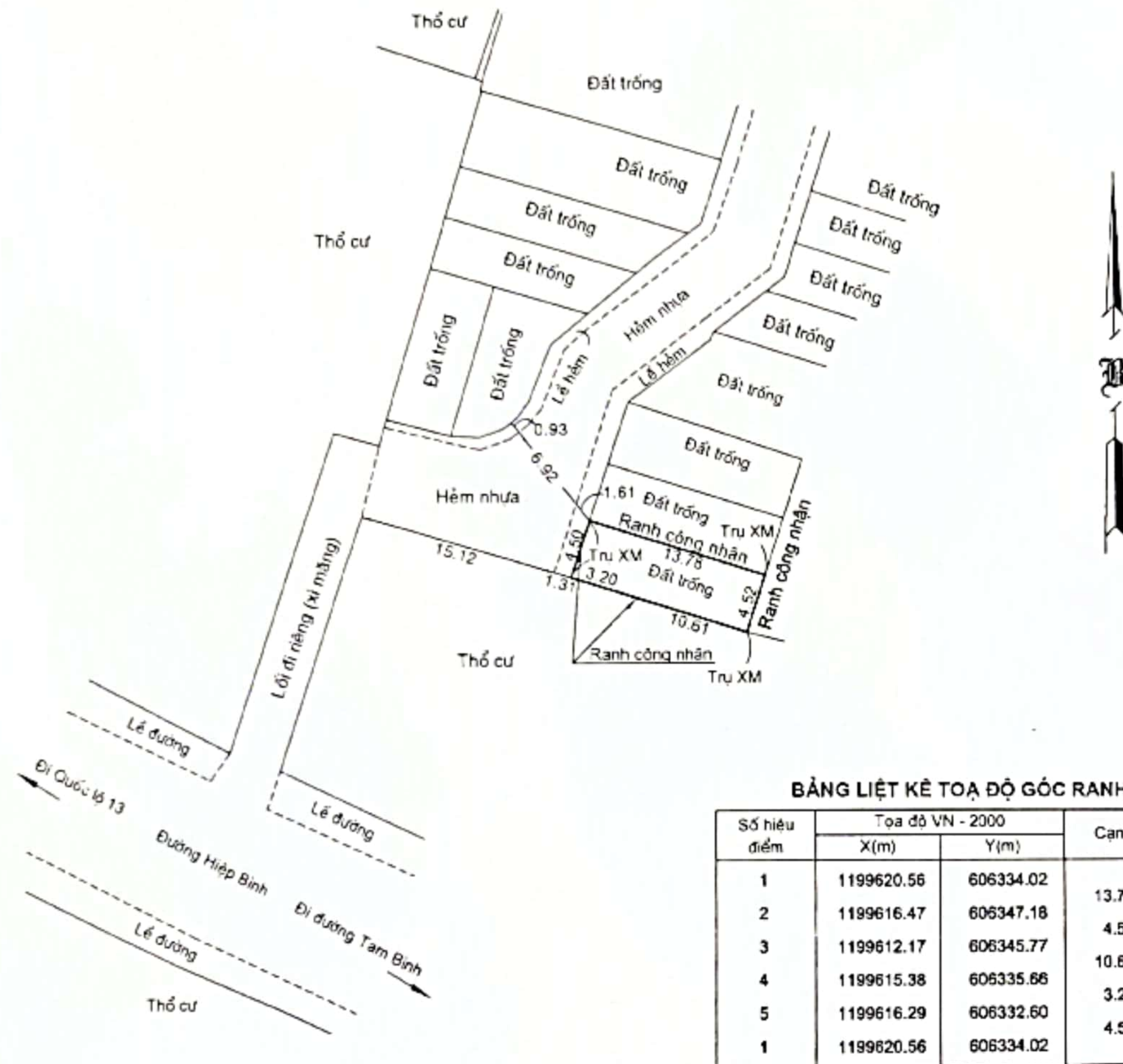
04-09-2019

CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐKĐD
QUẬN THỦ ĐỨC
GIÁM ĐỐC



Lê Xuân Hùng

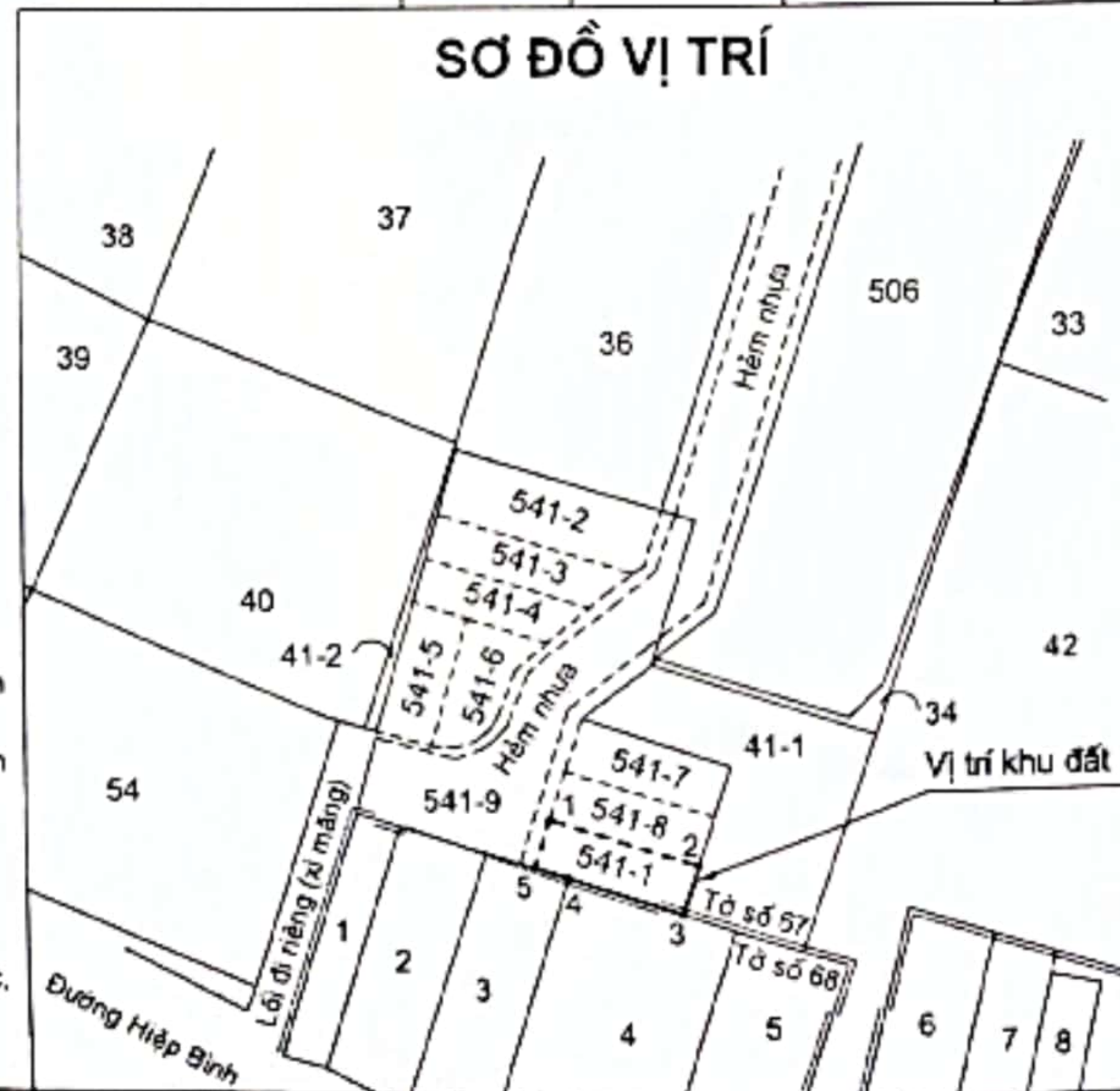
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TOẠ ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN - 2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199620.56	606334.02	13.78
2	1199616.47	606347.18	4.52
3	1199612.17	606345.77	10.61
4	1199615.38	606335.66	3.20
5	1199616.29	606332.60	4.50
1	1199620.56	606334.02	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đồ thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và TSKGLVD.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:

Thửa đất số: Một phần thửa số 541.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)

*Diện tích theo hiện trạng: 61.9 m²
- Sử dụng riêng: 61.9 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²

*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 61.9 m²
+ Diện tích đất ở: 61.9 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phần chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
541	541-1		61.9	
	541-2			111.9
	541-3			66.4
	541-4			55.3
	541-5			59.3
	541-6			57.6
	541-7			65.7
	541-8			62.1
	541-9			295.6

Cộng: 61.9 m²

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
Số: 3084-8/20/BN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HĐ: 95B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Các người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

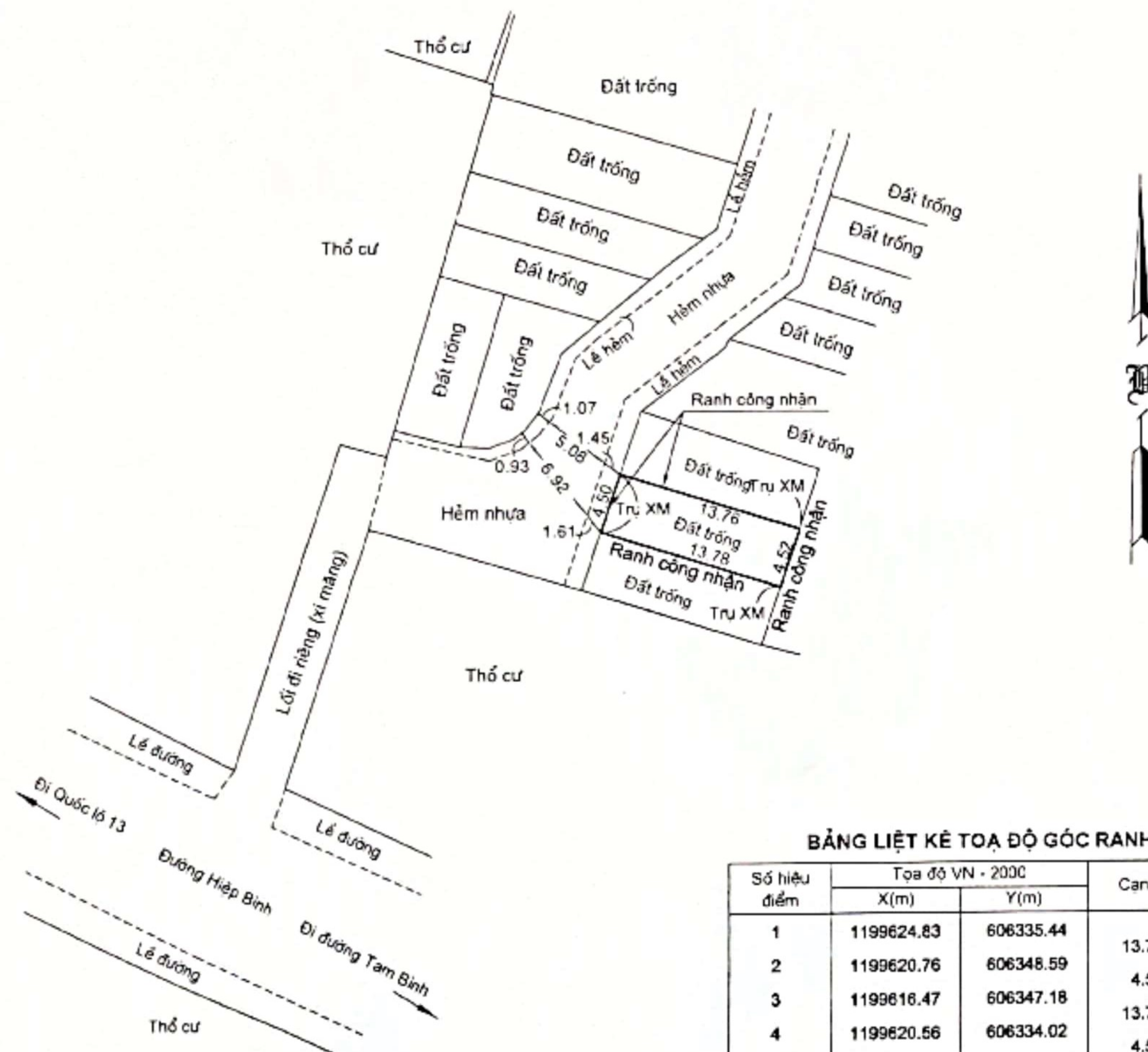
Nguyễn Thị Nguyệt

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

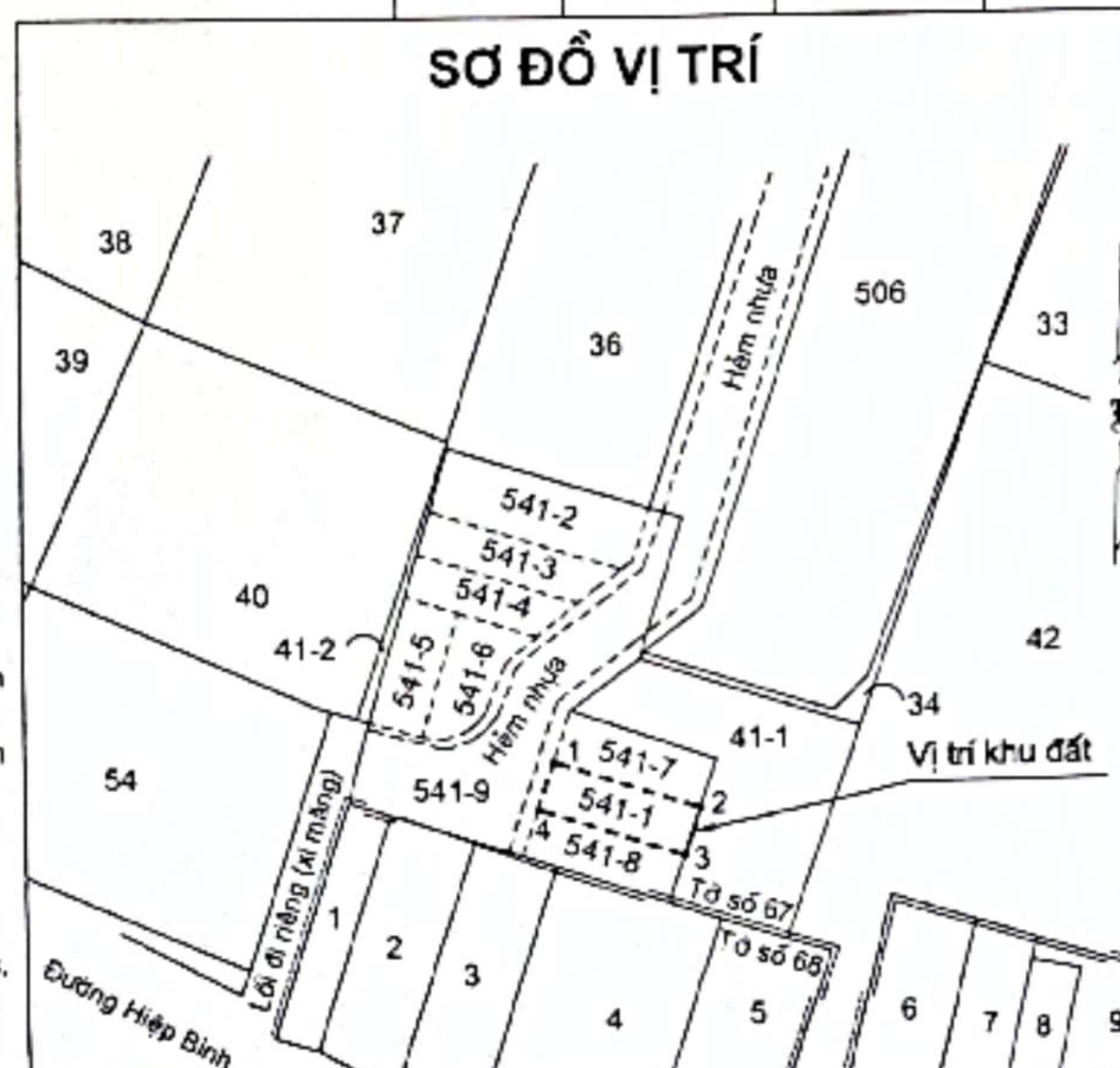
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TOẠ ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN - 2000		Canh
	X(m)	Y(m)	
1	1199624.83	606335.44	13.76
2	1199620.76	606348.59	4.52
3	1199616.47	606347.18	13.78
4	1199620.56	606334.02	4.50
1	1199624.83	606335.44	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNC và TSKGLVD.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:

Thửa đất số: Một phần thửa số 541.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)
*Diện tích theo hiện trạng: 62.1 m²
- Sử dụng riêng: 62.1 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 62.1 m²
+ Diện tích đất ở: 62.1 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
541	541-1		62.1	111.9
	541-2			66.4
	541-3			55.3
	541-4			59.3
	541-5			57.8
	541-6			65.7
	541-7			61.9
	541-8			295.6
	541-9			

Cộng: 62.1 m²

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
SỐ: 3084-7/20/BN-CNTD
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HĐ: 95B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Nguyễn Thị Nguyệt

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:

Thửa đất số: Một phần thửa số 541.

Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)

*Diện tích theo hiện trạng: 65.7 m²
- Sử dụng riêng: 65.7 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 65.7 m²
+ Diện tích đất ở: 65.7 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
541	541-1		65.7	
	541-2			111.9
	541-3			86.4
	541-4			55.3
	541-5			59.3
	541-6			57.8
	541-7			62.1
	541-8			61.9
	541-9			295.6

Cộng: 65.7 m²

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
Số: 3084-6/20/BK-CNTD
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HD: 95B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
NAM BẮC

NGƯỜI SDB, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Nguyễn Thị Nguyệt

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

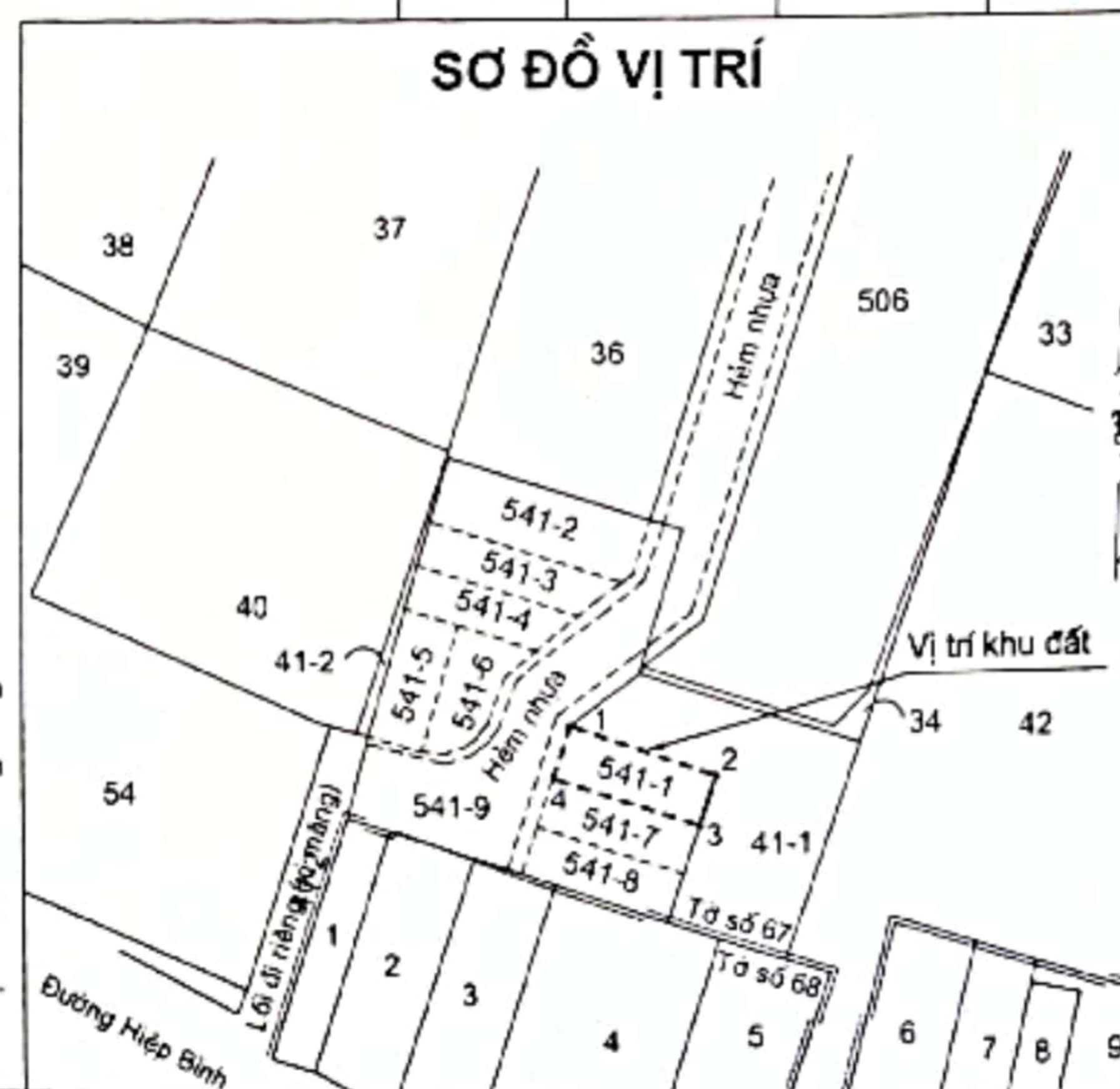
Ghi chú:

- Ranh giới khu đất đo chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và TSKGLVĐ.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

BẢNG LIỆT KÊ TOA ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN - 2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199629.50	606337.00	13.73
2	1199625.17	606350.03	4.64
3	1199620.76	606348.59	13.76
4	1199624.83	606335.44	4.92
1	1199629.50	606337.00	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:

Thửa đất số: Một phần thửa số 541.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)

*Diện tích theo hiện trạng: 57.8 m²
- Sử dụng riêng: 57.8 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²

+ Diện tích đất ở: 57.8 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
541	541-1		57.8	
	541-2			111.9
	541-3			68.4
	541-4			55.3
	541-5			59.3
	541-6			65.7
	541-7			62.1
	541-8			61.9
	541-9			295.6

Cộng: 57.8 m²

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
SỐ: 3084-S/20/BN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HĐ: 95B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Nguyễn Thị Nguyệt

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu



BẢNG LIỆT KÊ TOA ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN - 2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199638.25	606326.89	7.41
2	1199636.13	606333.98	3.64
3	1199633.81	606331.18	4.60
4	1199629.53	606329.48	1.60
5	1199628.25	606328.52	1.21
6	1199627.50	606327.55	1.93
7	1199626.87	606325.74	2.16
8	1199626.98	606323.58	11.75
1	1199638.25	606326.89	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ

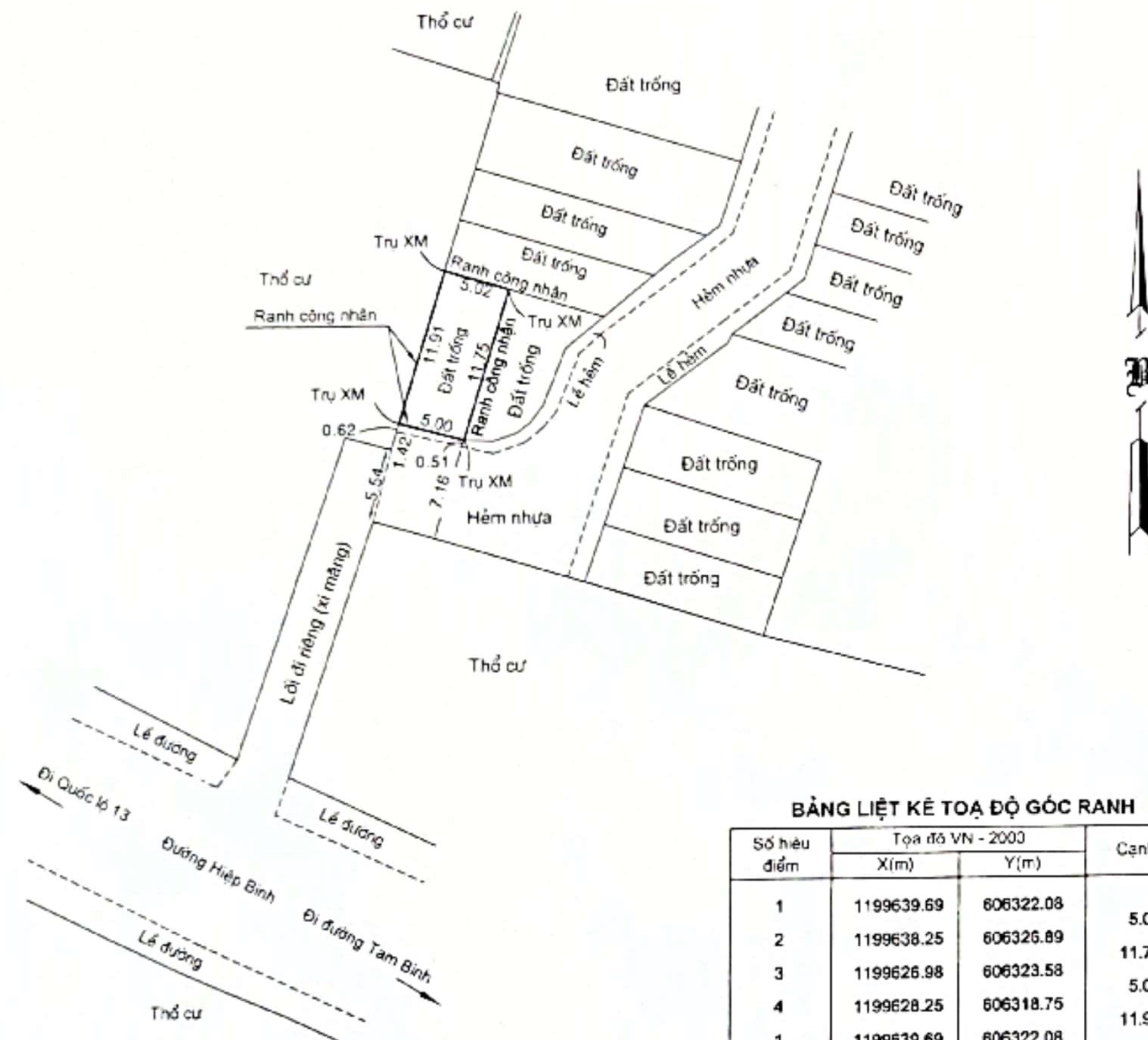


Ghi chú:

Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn

- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và TSKGLVĐ.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

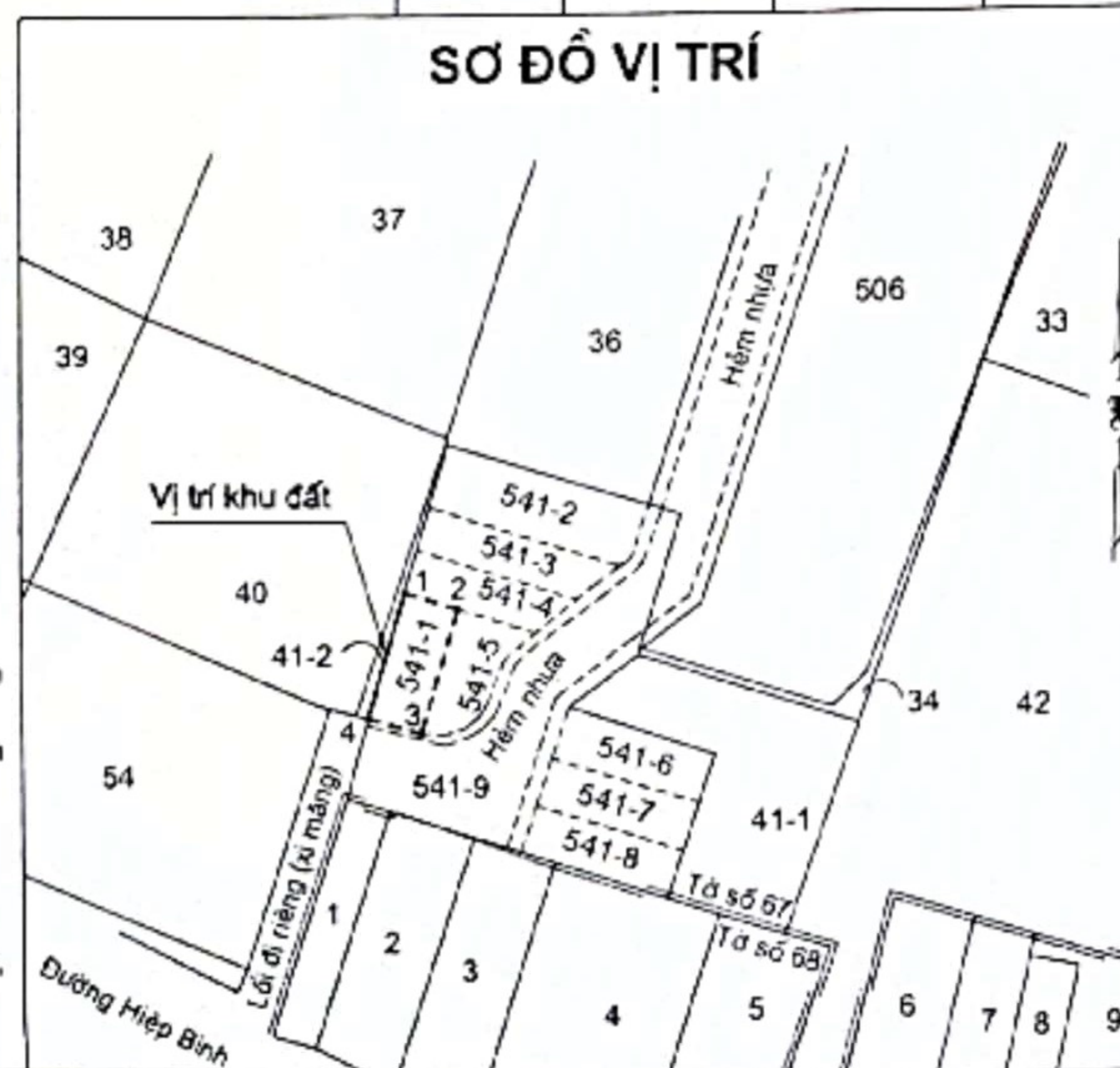
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TOẠ ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Tọa độ VN - 2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199639.69	606322.08	5.02
2	1199638.25	606326.89	11.75
3	1199626.98	606323.58	5.00
4	1199628.25	606318.75	11.91
1	1199639.69	606322.08	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và TSKGLVD.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:

Thửa đất số: Một phần thửa số 541.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)
*Diện tích theo hiện trạng: 59.3 m²
- Sử dụng riêng: 59.3 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 59.3 m²
+ Diện tích đất ở: 59.3 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phần chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
541	541-1		59.3	
	541-2			111.9
	541-3			66.4
	541-4			55.3
	541-5			57.8
	541-6			65.7
	541-7			62.1
	541-8			61.9
	541-9			295.6

Cộng: 59.3 m²

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐẠI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
SỐ: 3084-4/20/BN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HD: 95B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Nguyễn Thị Nguyệt

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:

Thửa đất số: Một phần thửa số 541.

Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)

*Diện tích theo hiện trạng: 55.3 m²
- Sử dụng riêng: 55.3 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 55.3 m²
+ Diện tích đất ở: 55.3 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phần chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
541	541-1		55.3	
	541-2			111.9
	541-3			88.4
	541-4			59.3
	541-5			57.8
	541-6			65.7
	541-7			62.1
	541-8			61.9
	541-9			295.6

Cộng: 55.3 m²

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
SỐ: 3084-3/20/BN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HD: 95B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Nguyễn Thị Nguyệt

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

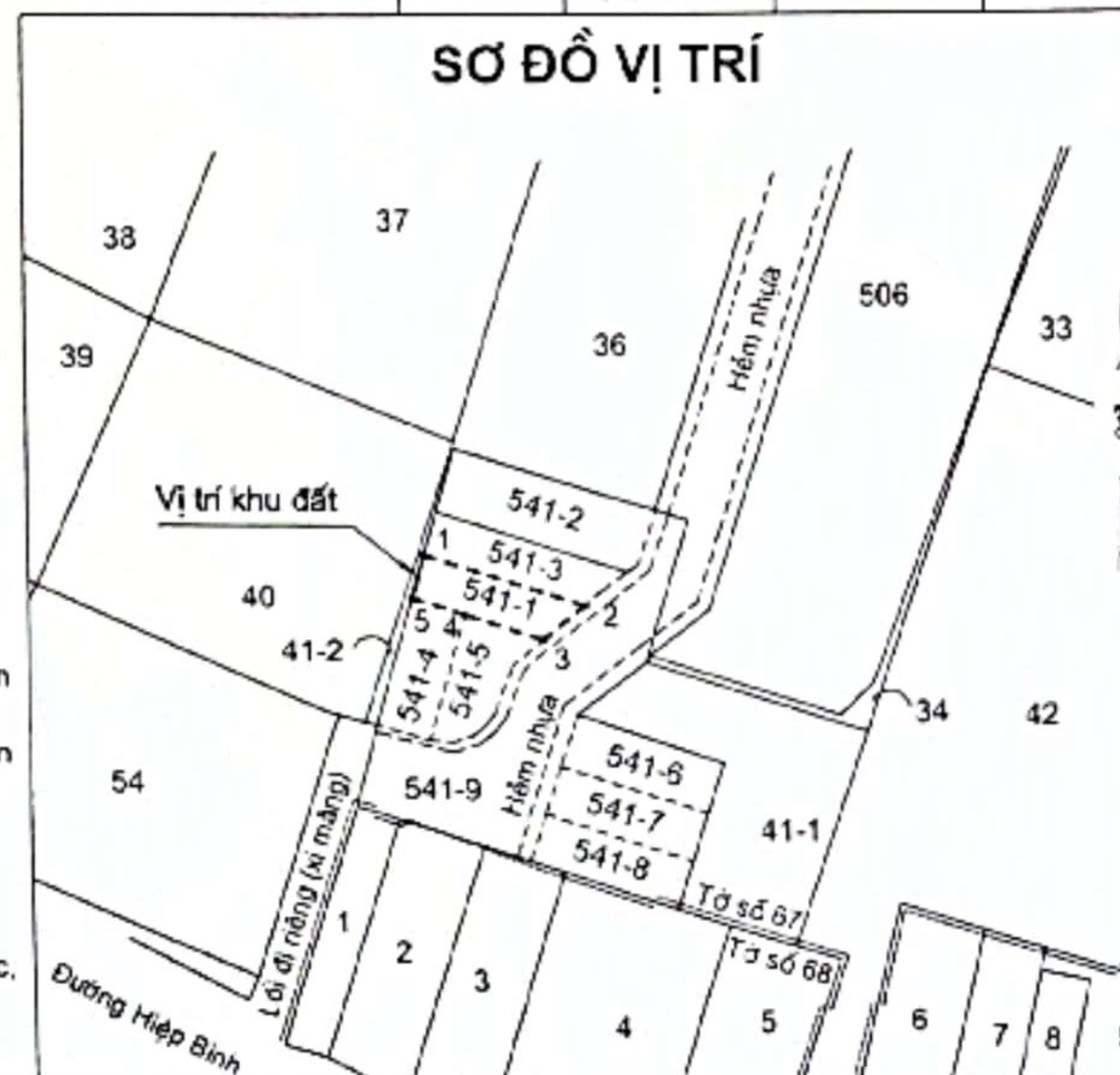
Ghi chú:

- Ranh giới khu đất đo chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 05/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHN và TSKGLVĐ.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

BẢNG LIỆT KÊ TOẠ ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN - 2000		Canh
	X(m)	Y(m)	
1	1199643.55	606323.20	15.13
2	1199639.20	606337.70	4.82
3	1199636.13	606333.98	7.41
4	1199638.25	606326.89	5.02
5	1199639.69	606322.08	4.02
1	1199643.55	606323.20	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:
Thửa đất số: Một phần thửa số 541.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)
*Diện tích theo hiện trạng: 66.4 m²
- Sử dụng riêng: 66.4 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 66.4 m²
+ Diện tích đất ở: 66.4 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH
(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
541	541-1		66.4	
	541-2			111.9
	541-3			55.3
	541-4			59.3
	541-5			57.8
	541-6			65.7
	541-7			62.1
	541-8			61.9
	541-9			295.6
Cộng:			66.4 m ²	

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐẠI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
SỐ: 3084-2/20/BN-CNTĐ
Ngày 24 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HĐ: 95B/HĐNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Nguyễn Thị Nguyệt

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

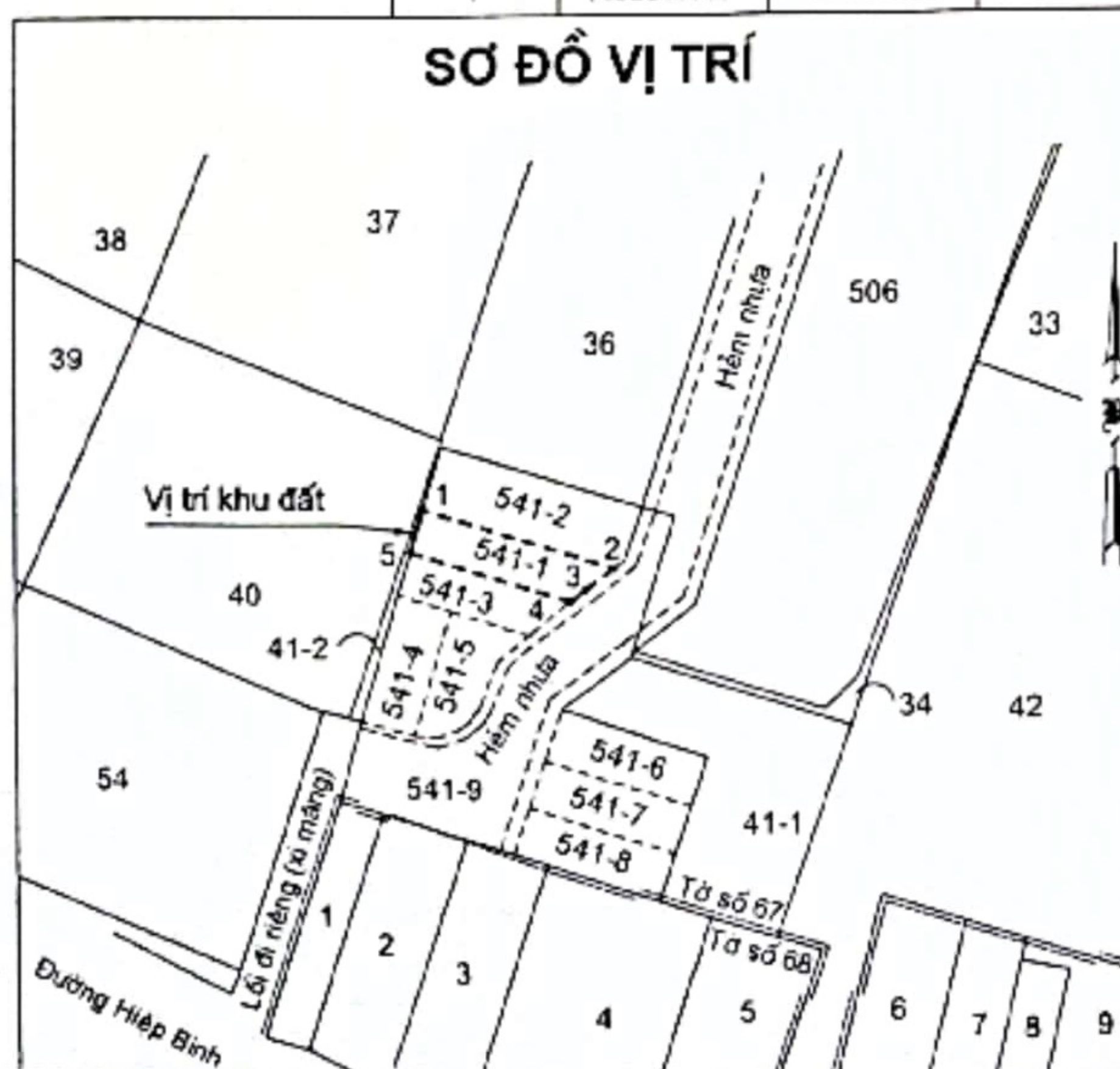
Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNO và TSKGLVĐ.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

BẢNG LIỆT KÊ TOA ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Tọa độ VN - 2000		Canh
	X(m)	Y(m)	
1	1199647.41	606324.33	18.05
2	1199642.21	606341.61	3.14
3	1199640.35	606339.08	1.80
4	1199639.20	606337.70	15.13
5	1199643.55	606323.20	4.02
1	1199647.41	606324.33	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT

to gửi email

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:

Thửa đất số: Một phần thửa số 541.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)
*Diện tích theo hiện trạng: 111.9 m²
- Sử dụng riêng: 111.9 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 111.9 m²
+ Diện tích đất ở: 111.9 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH
(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
541	541-1		111.9	
	541-2			66.4
	541-3			55.3
	541-4			59.3
	541-5			57.8
	541-6			65.7
	541-7			82.1
	541-8			61.9
	541-9			295.0

Cộng: 111.9 m²

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
Số: 3084-1/20/BN-CNTD
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HĐ: 95B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Nguyễn Thị Nguyệt

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

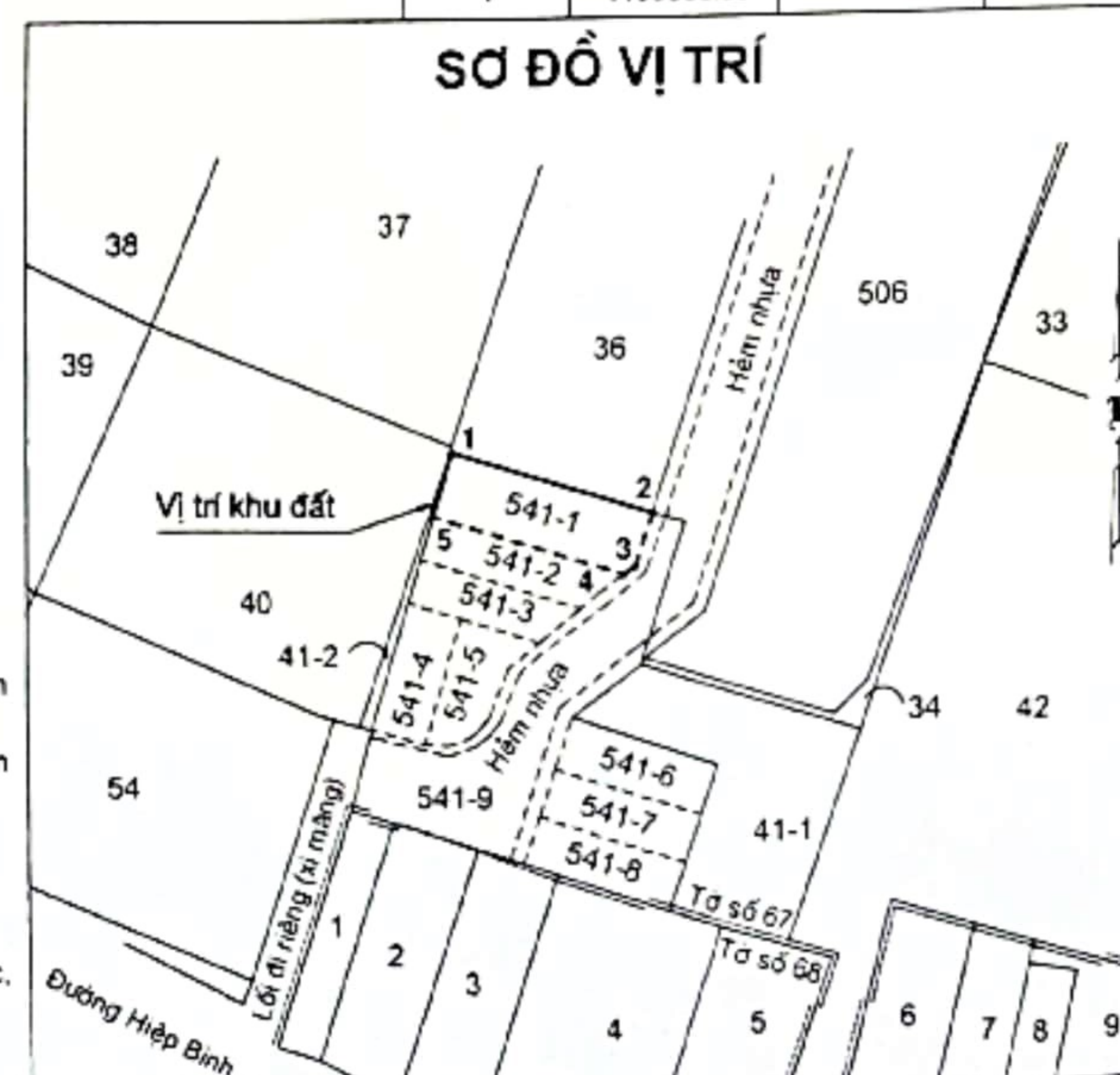
Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lô giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNC và TSKGLVD.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

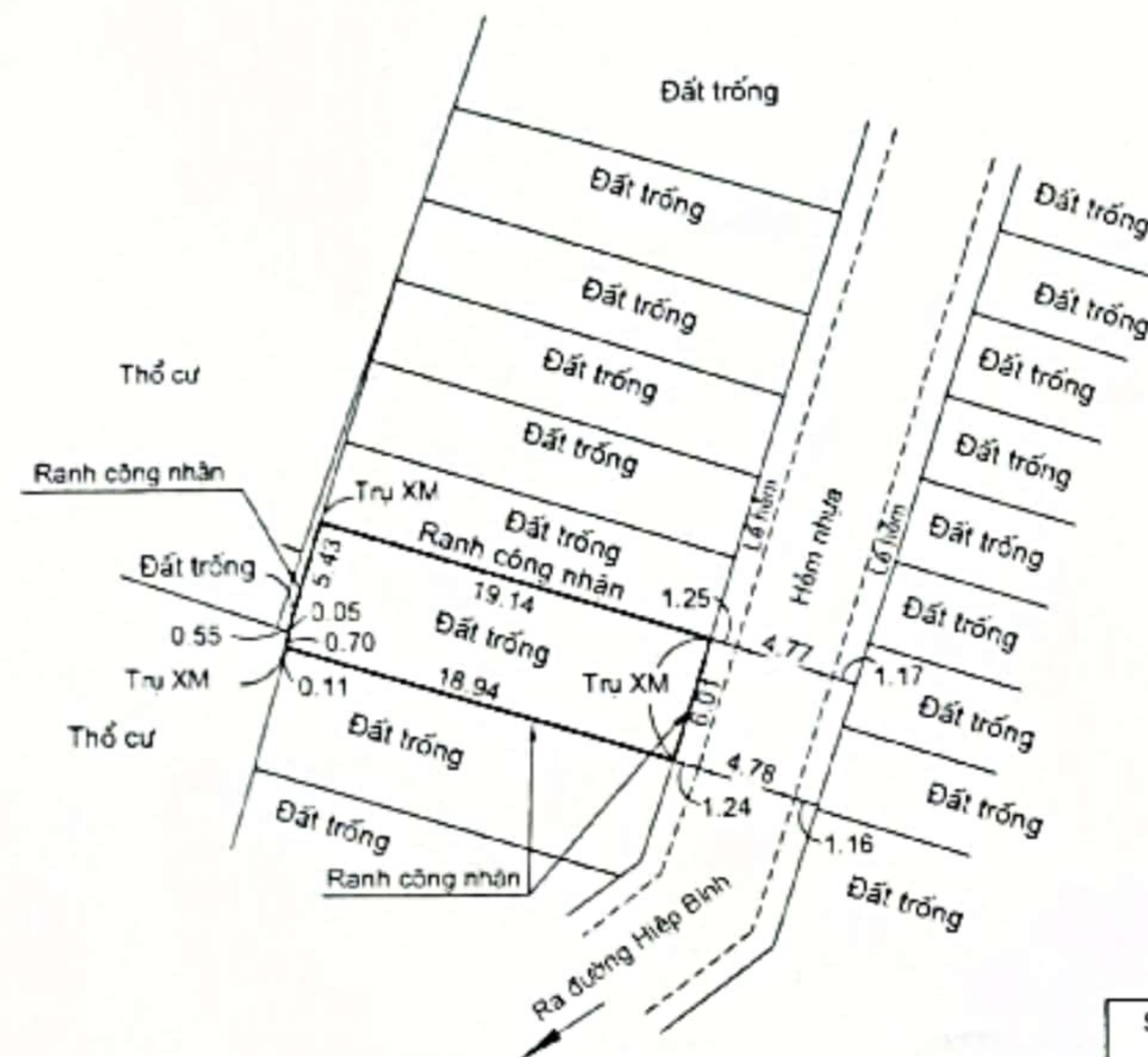
BẢNG LIỆT KÊ TOẠ ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN - 2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199653.09	606325.98	18.94
2	1199647.70	606344.14	5.00
3	1199642.94	606342.60	1.24
4	1199642.21	606341.61	18.05
5	1199647.41	606324.33	5.92
1	1199653.09	606325.98	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



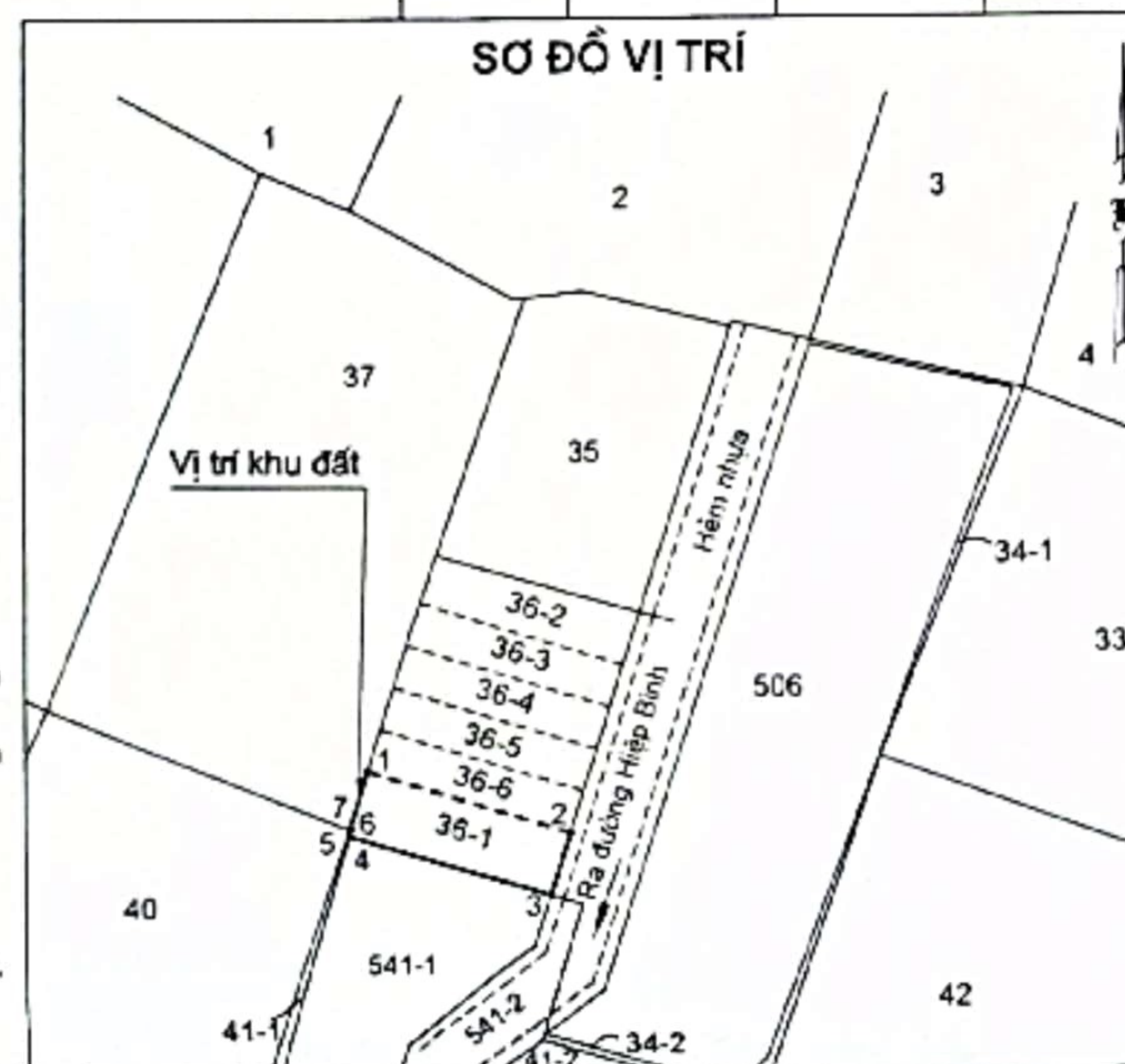
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TOẠ ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN - 2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199659.00	606327.63	19.14
2	1199653.43	606345.95	6.01
3	1199647.70	606344.14	18.94
4	1199653.09	606325.98	0.11
5	1199653.12	606325.87	0.70
6	1199653.79	606326.06	0.05
7	1199653.82	606326.02	5.43
1	1199659.00	606327.63	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNC và TSKGLVĐ.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:

Thửa đất số: Một phần thửa số 36.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)
*Diện tích theo hiện trạng: 116.2 m²
- Sử dụng riêng: 116.2 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 116.2 m²
+ Diện tích đất ở: 116.2 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
36	36-1		116.2	91.4
	36-2			75.9
	36-3			75.9
	36-4			75.9
	36-5			75.8
	36-6			75.8
Cộng:			116.2 m ²	

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐẠI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
SỐ: 3081-6/20/BN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HĐ: 96B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

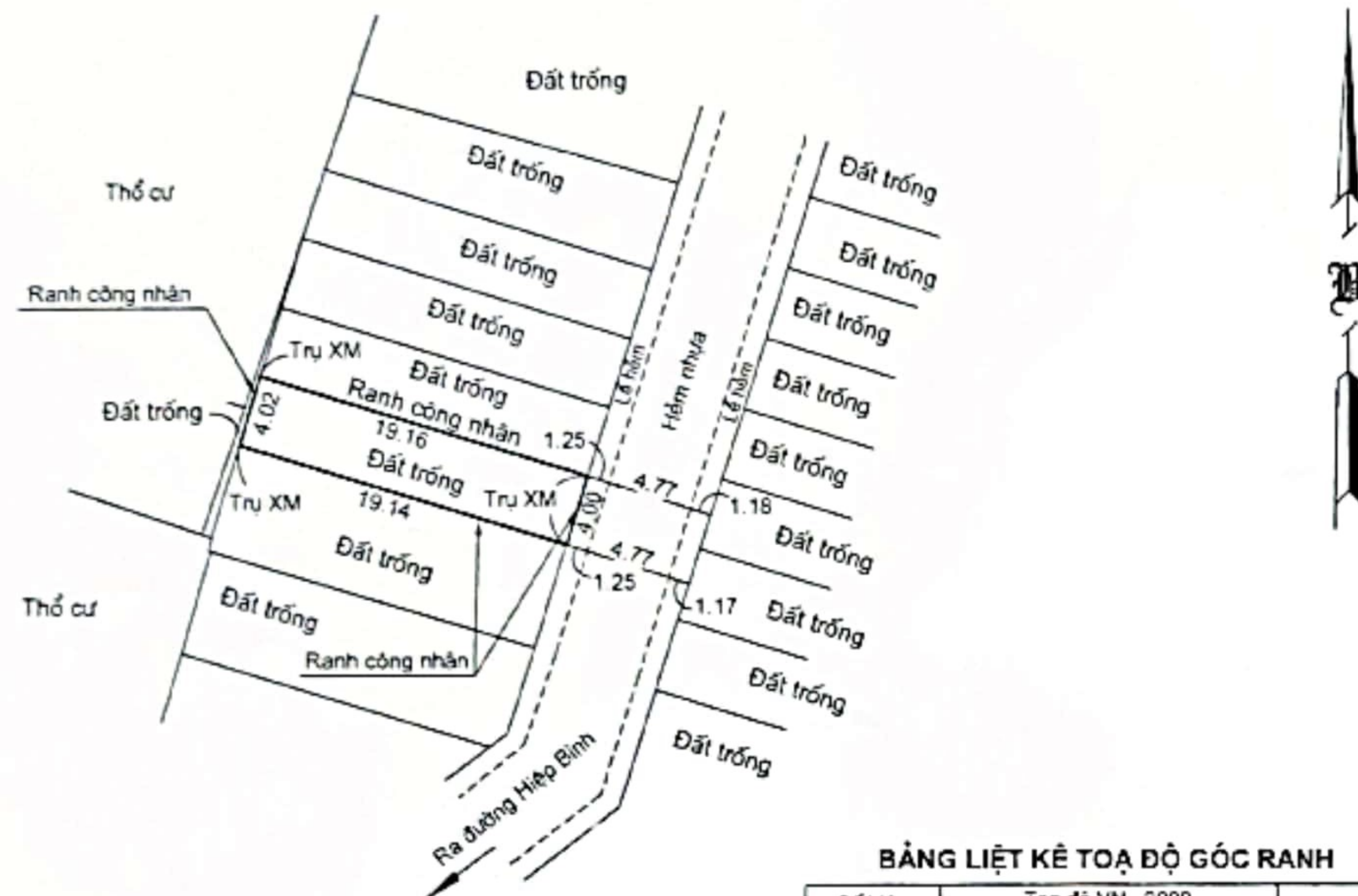
Đặng Huỳnh Phúc Long

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

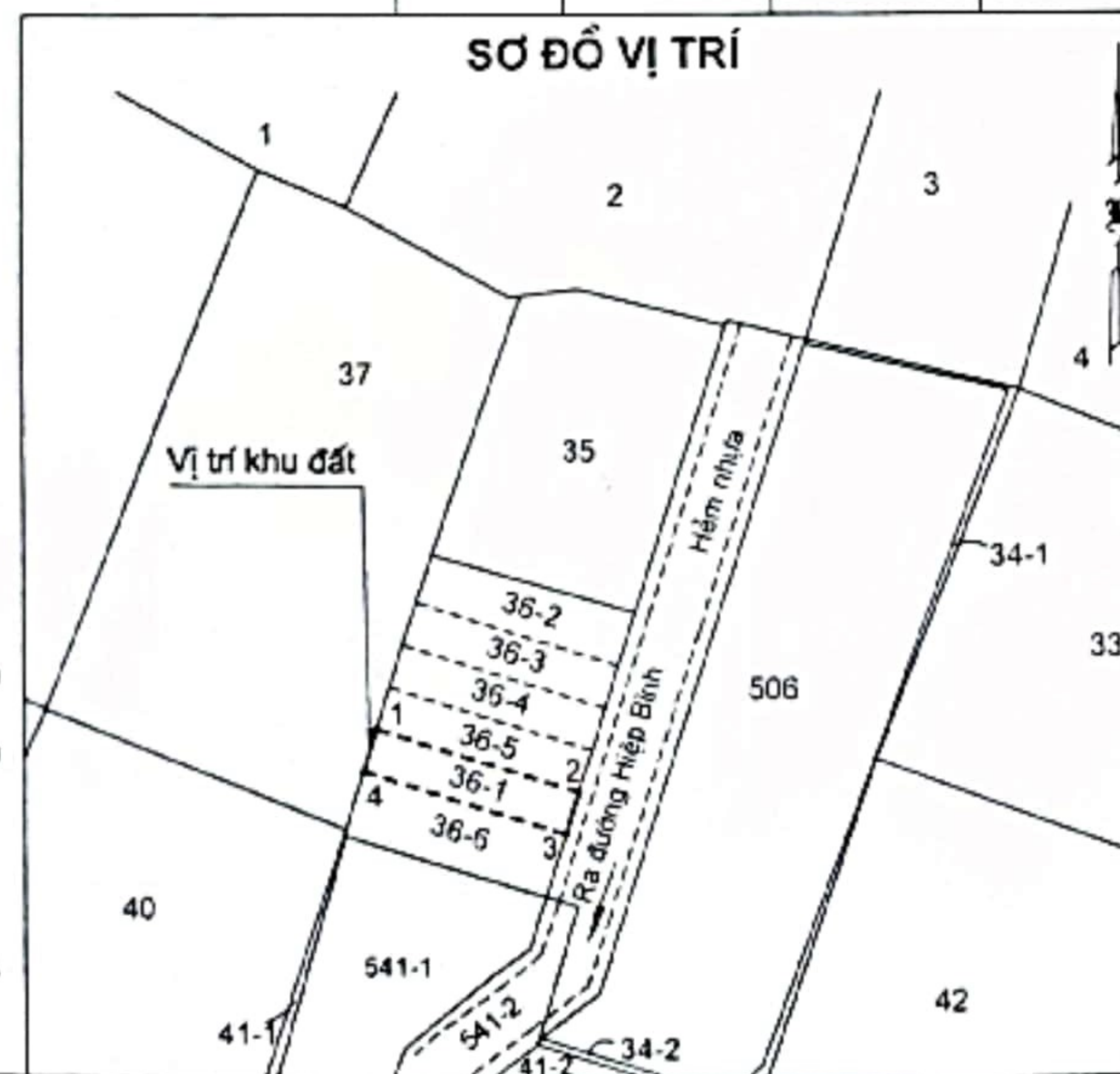
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TOẠ ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN - 2000		Canh
	X(m)	Y(m)	
1	1199682.84	606328.83	19.16
2	1199657.24	606347.15	4.00
3	1199653.43	606345.95	19.14
4	1199659.00	606327.63	4.02
1	1199682.84	606328.83	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và TSKGLVĐ.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:

Thửa đất số: Một phần thửa số 36.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)

*Diện tích theo hiện trạng: 76.8 m²
- Sử dụng riêng: 76.8 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²

*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 76.8 m²
+ Diện tích đất ở: 76.8 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
36	36-1		76.8	91.4
	36-2			76.9
	36-3			76.9
	36-4			76.8
	36-5			119.2
	36-6			
Cộng:			76.8 m ²	

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
SỐ: 3081-5/20/BN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HD: 96B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SĐĐ, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

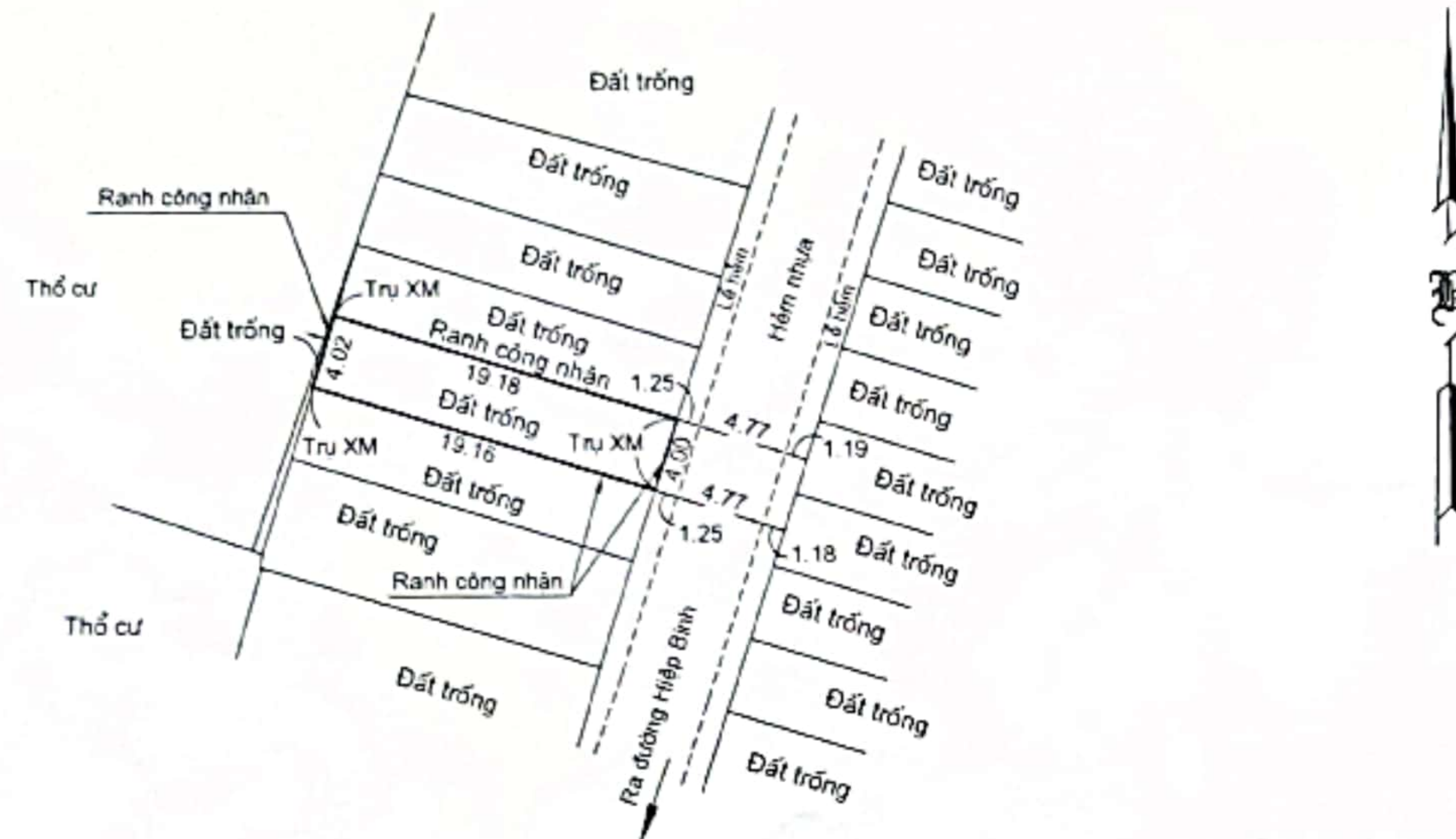
Đặng Huỳnh Phúc Long

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

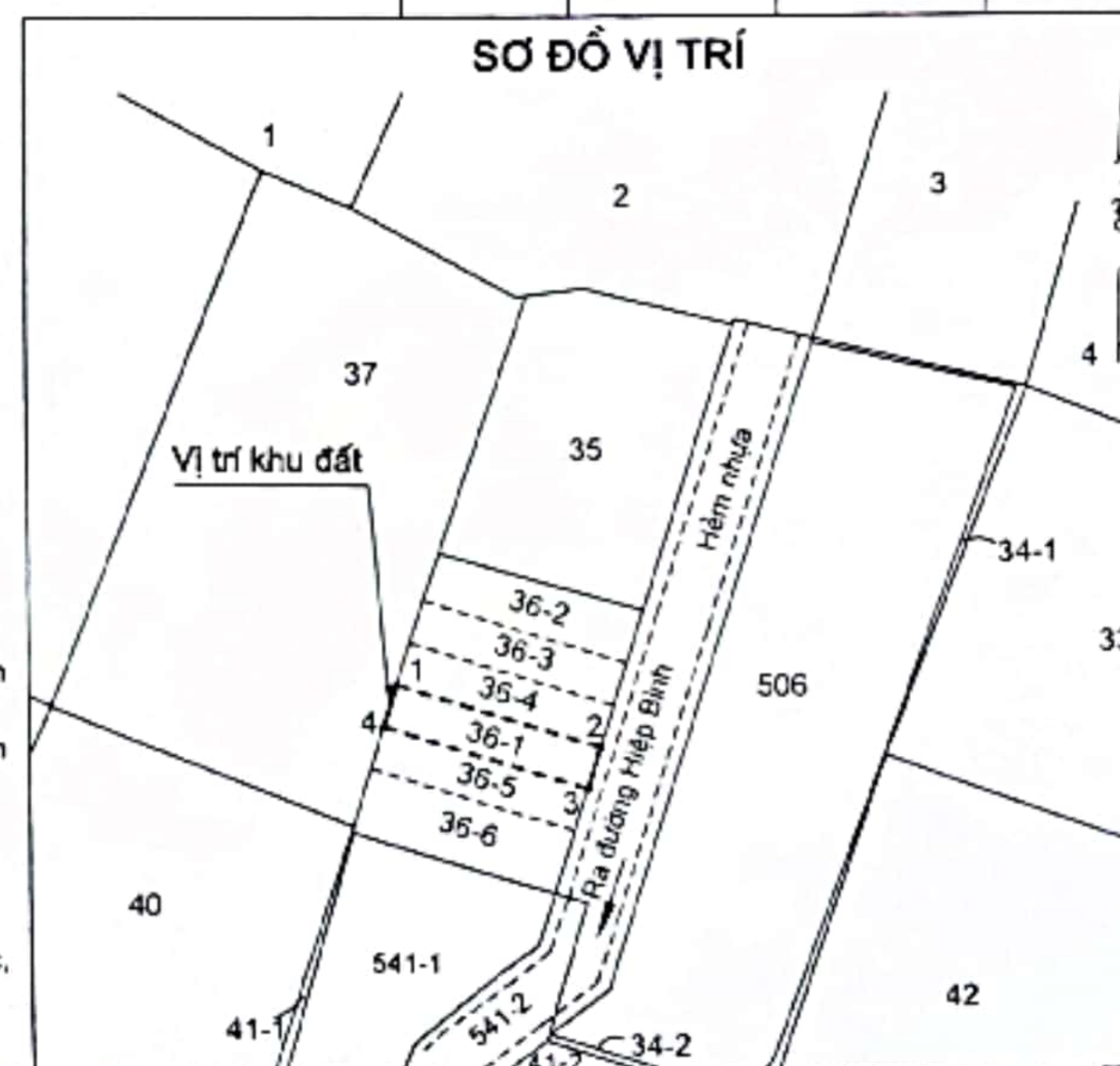
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TOẠ ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN - 2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199666.68	606330.02	19.18
2	1199661.06	606348.36	4.00
3	1199657.24	606347.15	19.16
4	1199662.84	606328.83	4.02
1	1199666.68	606330.02	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và TSKGLVD.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:
Thửa đất số: Một phần thửa số 36.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)
*Diện tích theo hiện trạng: 76.8 m²
- Sử dụng riêng: 76.8 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 76.8 m²
+ Diện tích đất ở: 76.8 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
36	36-1 36-2 36-3 36-4 36-5 36-6		76.8	91.4 76.9 76.9 76.9 116.2

Cộng: 76.8 m²

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
SỐ: 3081-4/20/BN-CNTD
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HD: 96B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDB, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

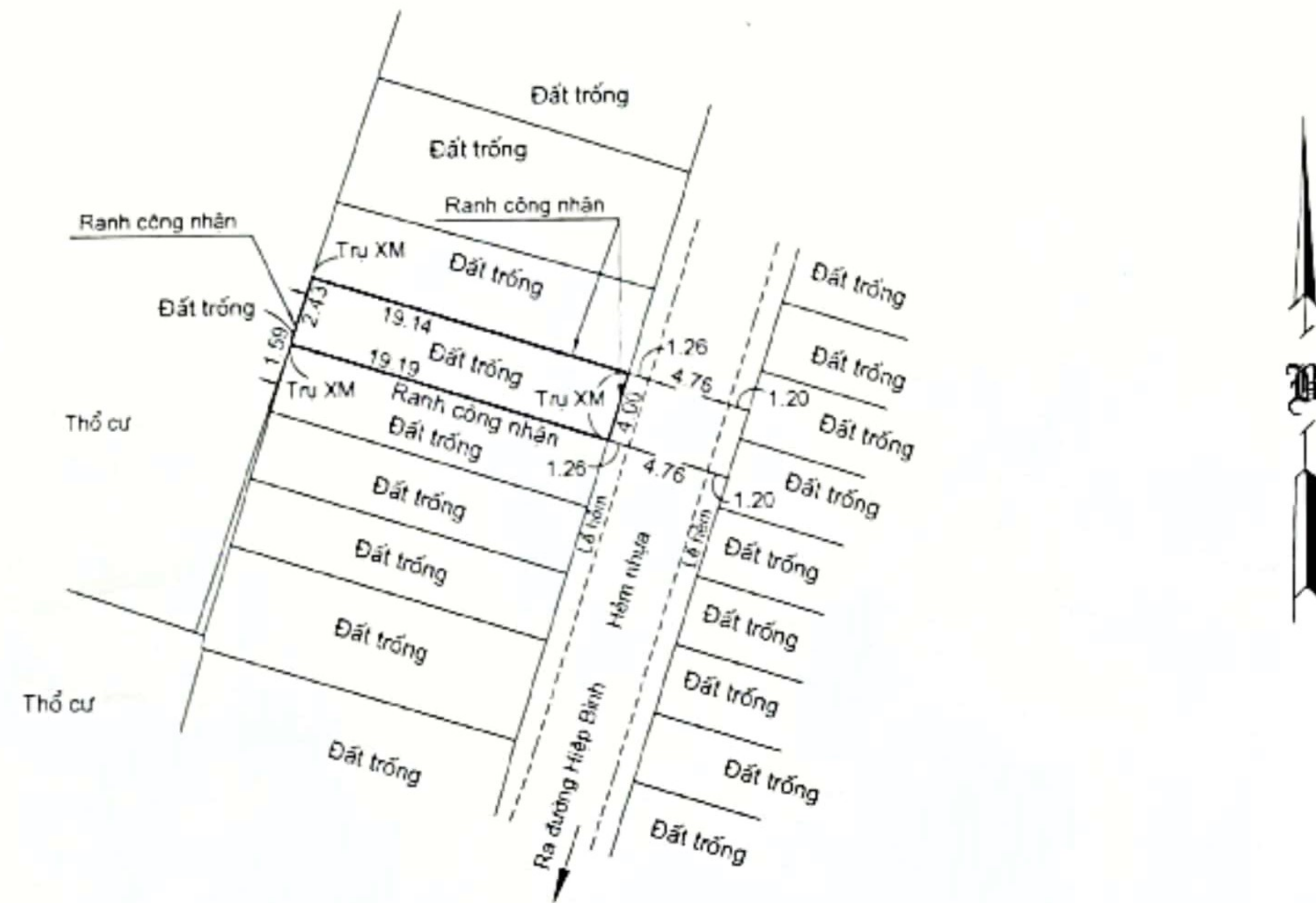
Đặng Huỳnh Phúc Long

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

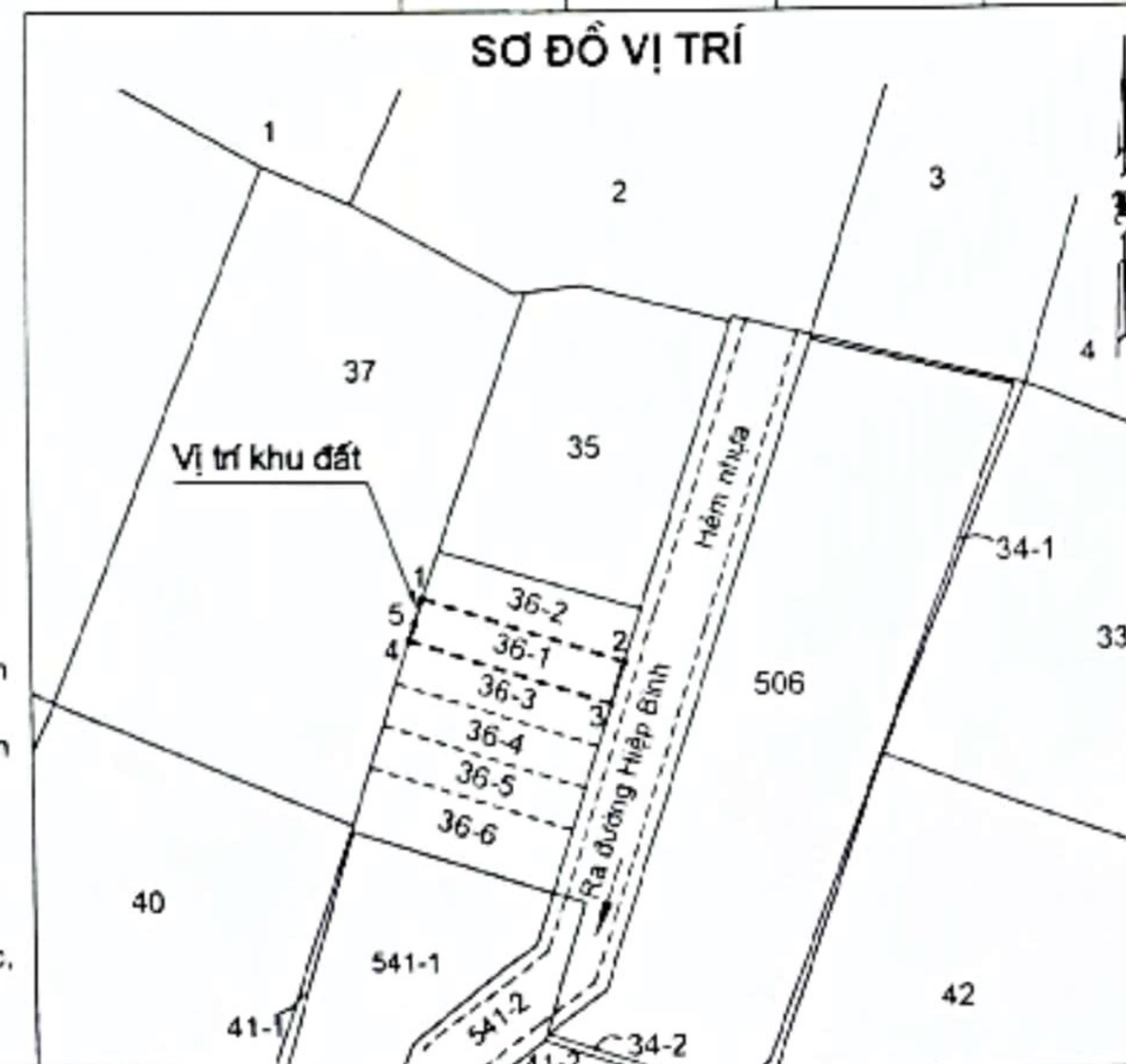
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TOA ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN - 2000		Canh
	X(m)	Y(m)	
1	1199674.33	806332.48	19.14
2	1199668.69	806350.77	4.00
3	1199664.87	806349.56	19.19
4	1199670.52	806331.22	1.59
5	1199672.03	806331.69	2.43
1	1199674.33	806332.48	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNC và TSKGLVĐ.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:
Thửa đất số: Một phần thửa số 36.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)
*Diện tích theo hiện trạng: 76.9 m²
- Sử dụng riêng: 76.9 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 76.9 m²
+ Diện tích đất ở: 76.9 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
36	36-1		76.9	91.4
	36-2			76.9
	36-3			76.8
	36-4			76.8
	36-5			116.2
	36-6			

Cộng: 76.9 m²

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
SỐ: 3081-2/20/BN-CNTĐ
Ngày 10 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HD: 96B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Đặng Huỳnh Phúc Long

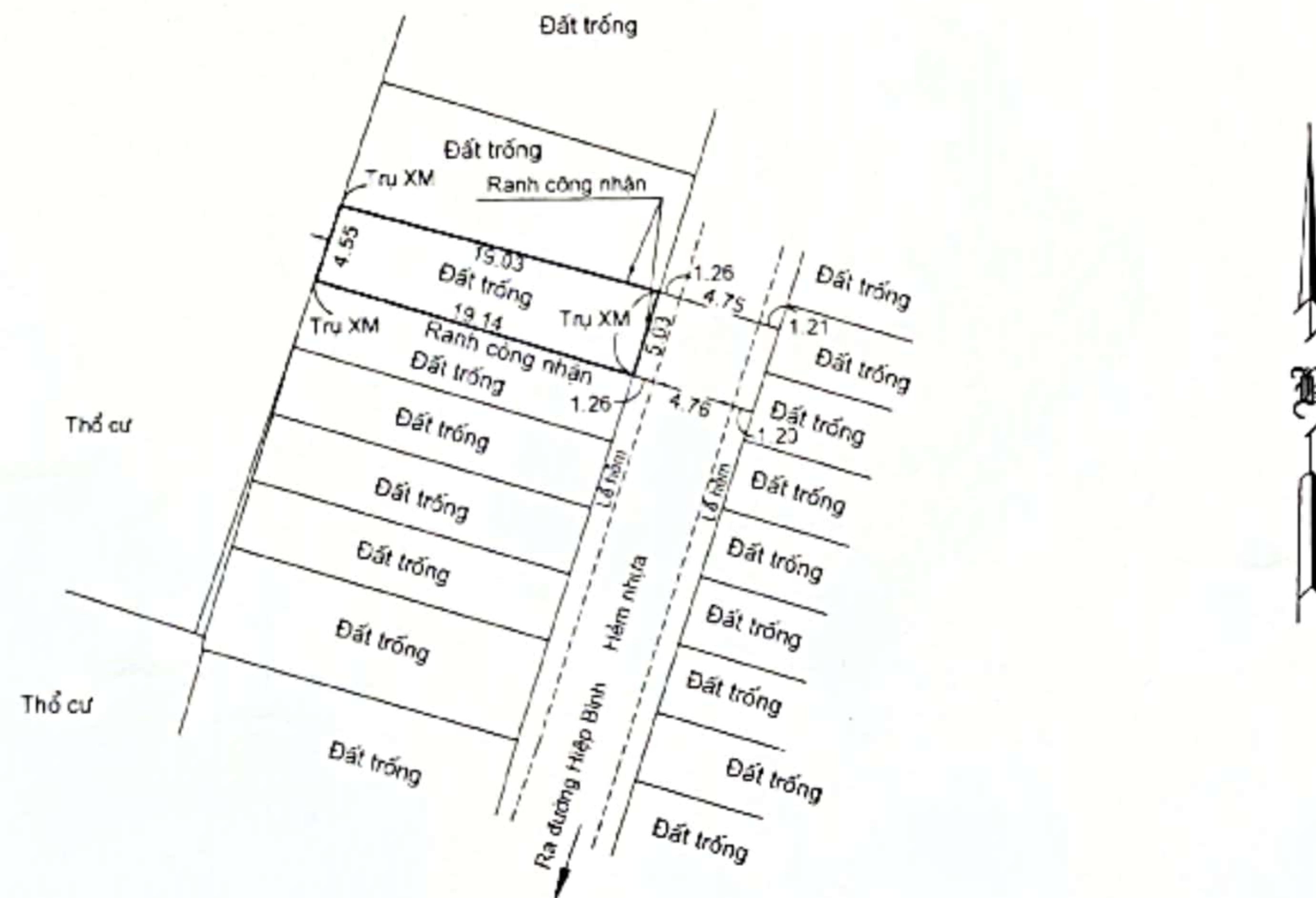
Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT

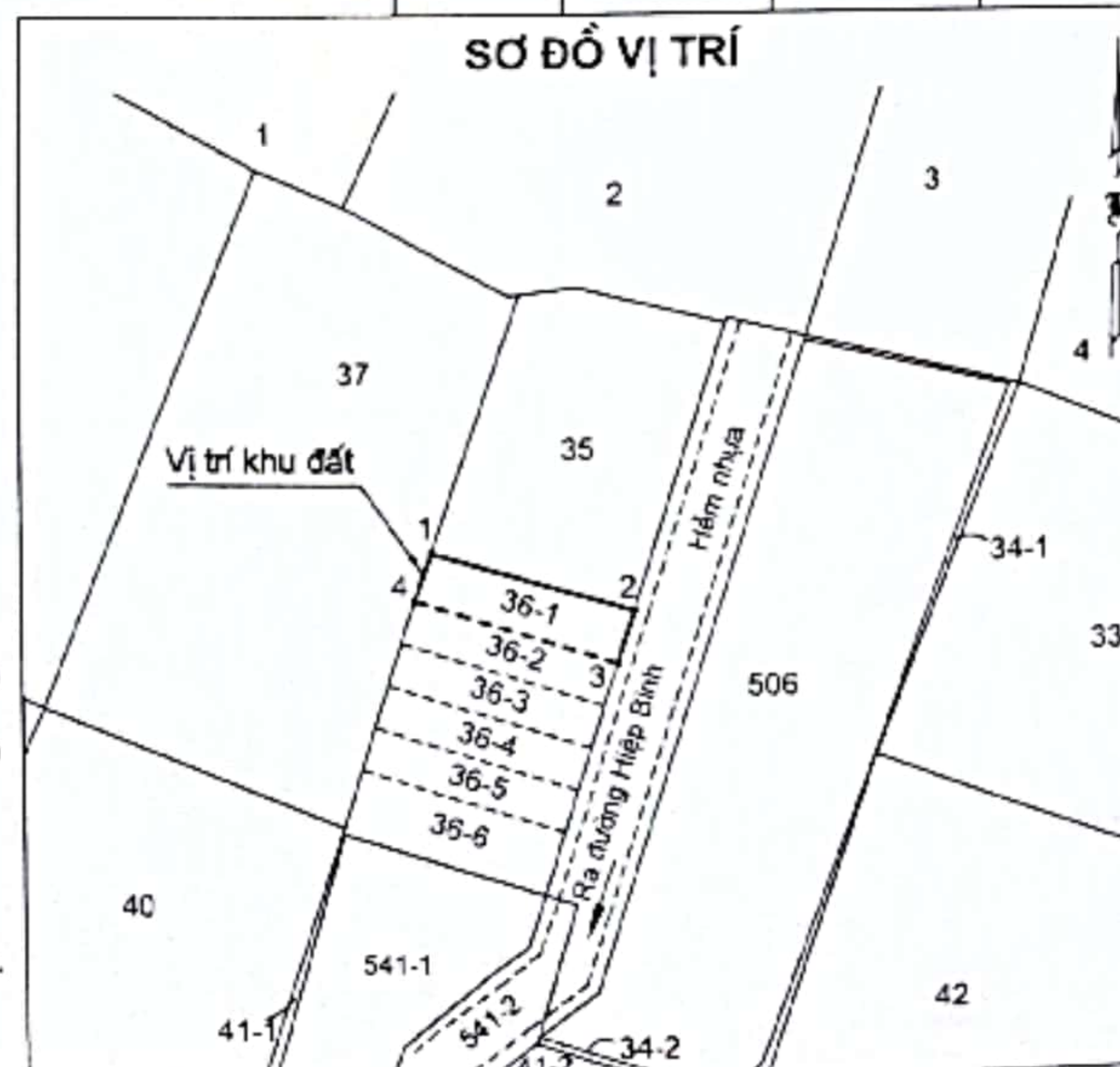
đã gửi email



BẢNG LIỆT KÊ TOẠ ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN - 2000		Canh
	X(m)	Y(m)	
1	1199678.64	606333.96	19.03
2	1199673.48	606352.28	5.03
3	1199688.69	606350.77	19.14
4	1199674.33	606332.48	4.55
1	1199678.64	606333.98	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNĐ và TSKGLVD.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:
Thửa đất số: Một phần thửa số 36.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)
*Diện tích theo hiện trạng: 91.4 m²
- Sử dụng riêng: 91.4 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 91.4 m²
+ Diện tích đất ở: 91.4 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH
(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
36	36-1 36-2 36-3 36-4 36-5 36-6		91.4	76.9 76.9 76.8 76.8 116.2
Cộng:			91.4 m ²	

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
SỐ: 3081-1/20/BN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HD: 96B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

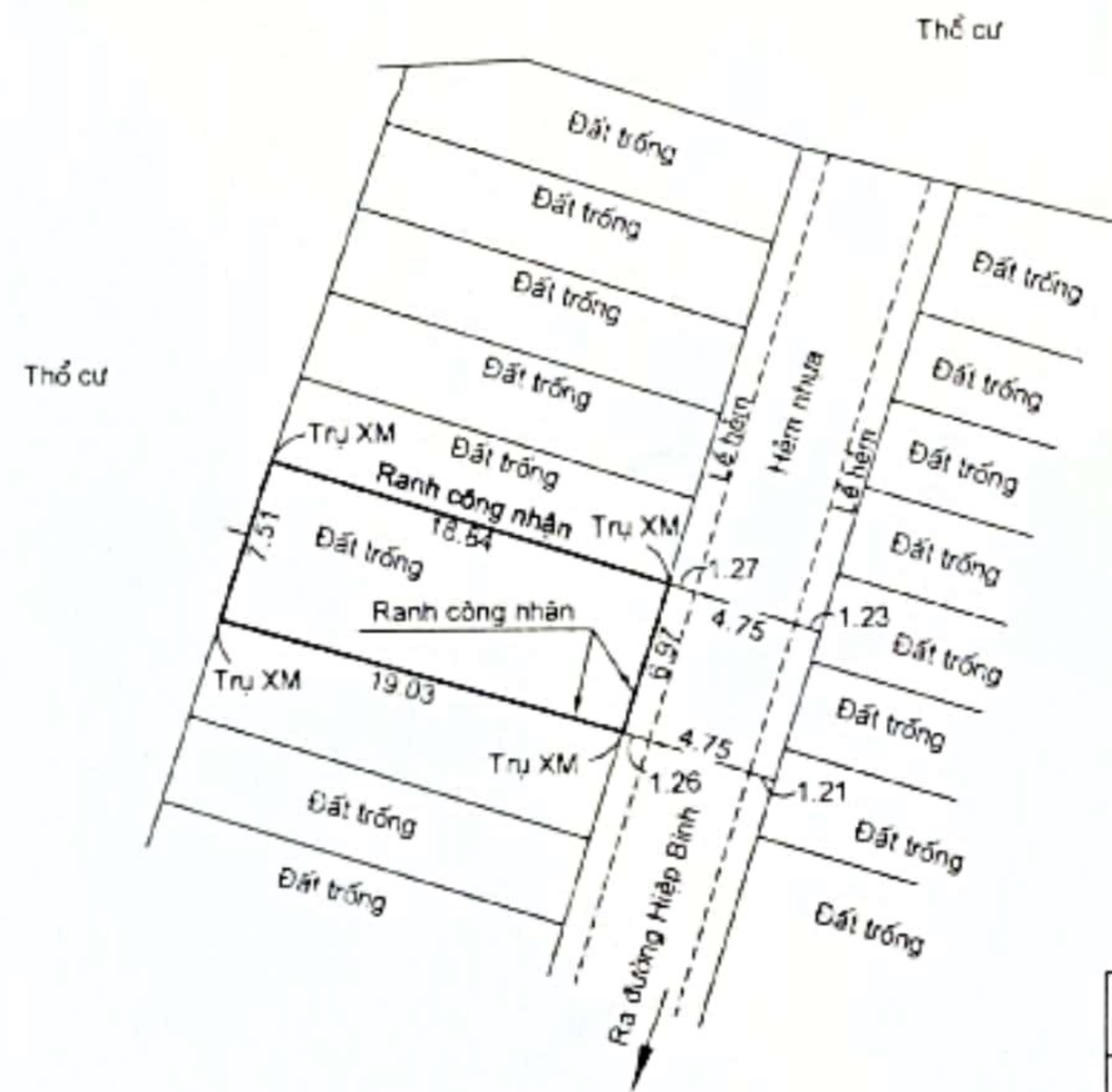
Đặng Huỳnh Phúc Long

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

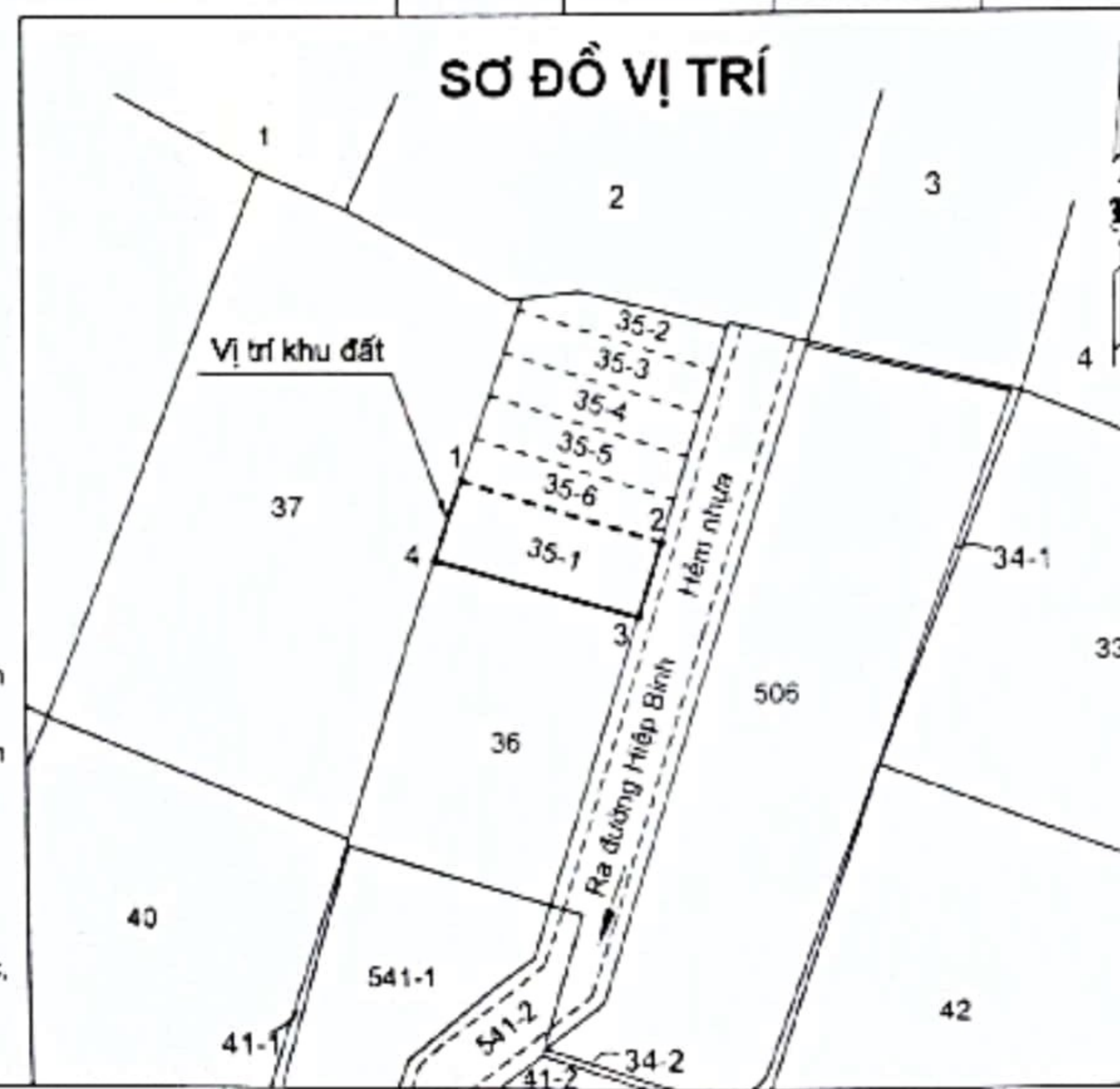
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Tọa độ VN - 2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199685.74	606336.40	18.84
2	1199680.13	606354.38	6.97
3	1199673.48	606352.28	19.03
4	1199678.64	606333.96	7.51
1	1199685.74	606336.40	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn.
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNC và TSKGLVD.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:

Thửa đất số: Một phần thửa số 35.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)
*Diện tích theo hiện trạng: 137.0 m²
- Sử dụng riêng: 137.0 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 137.0 m²
+ Diện tích đất ở: 137.0 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
35	35-1		137.0	
	35-2			58.6
	35-3			74.2
	35-4			74.5
	35-5			74.9
	35-6			75.3
Cộng			137.0 m ²	

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
SỐ: 3083-6/20/BN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HĐ: 94B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

(Chữ ký)

(Chữ ký)

(Chữ ký)

(Chữ ký)

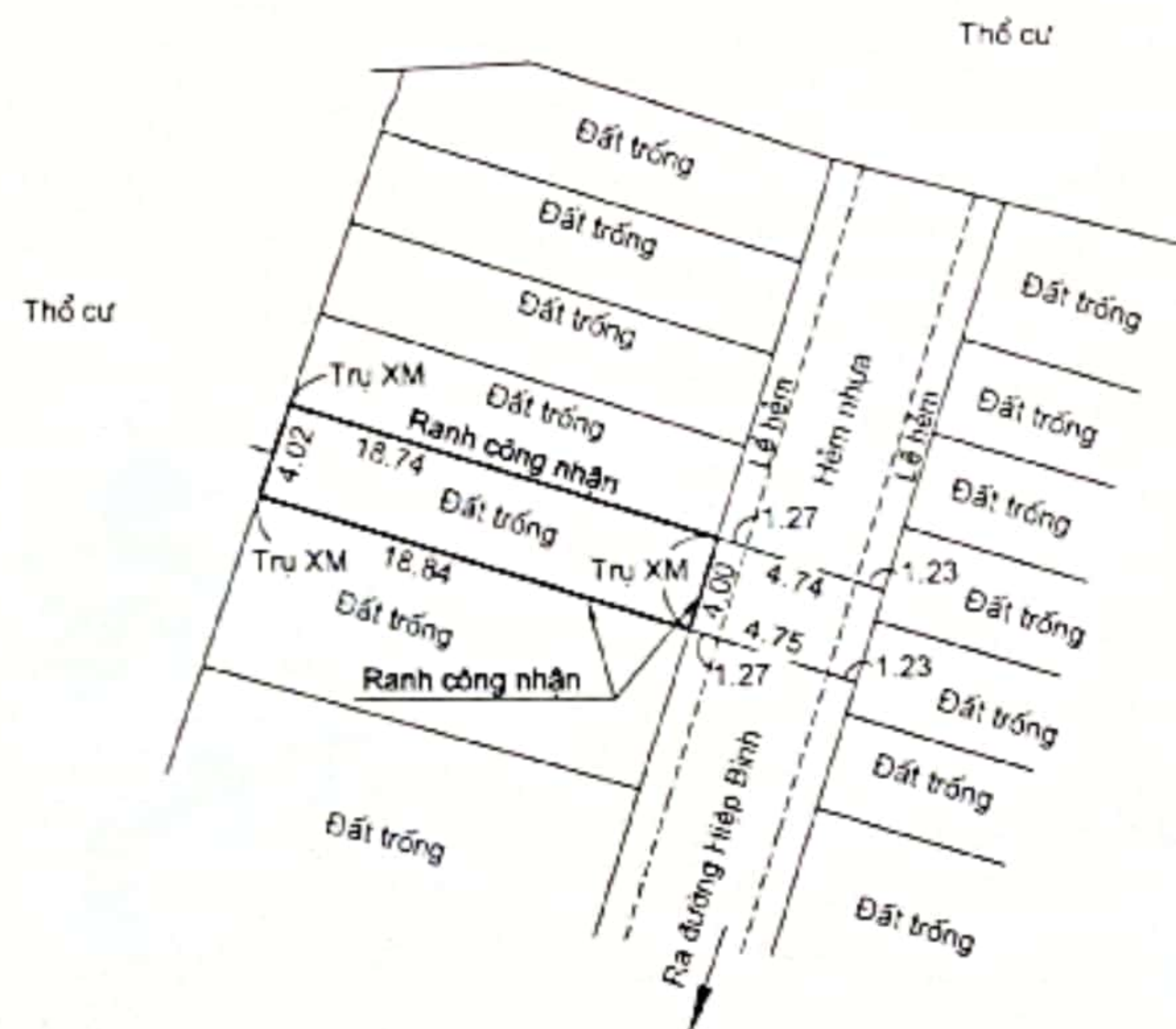
Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

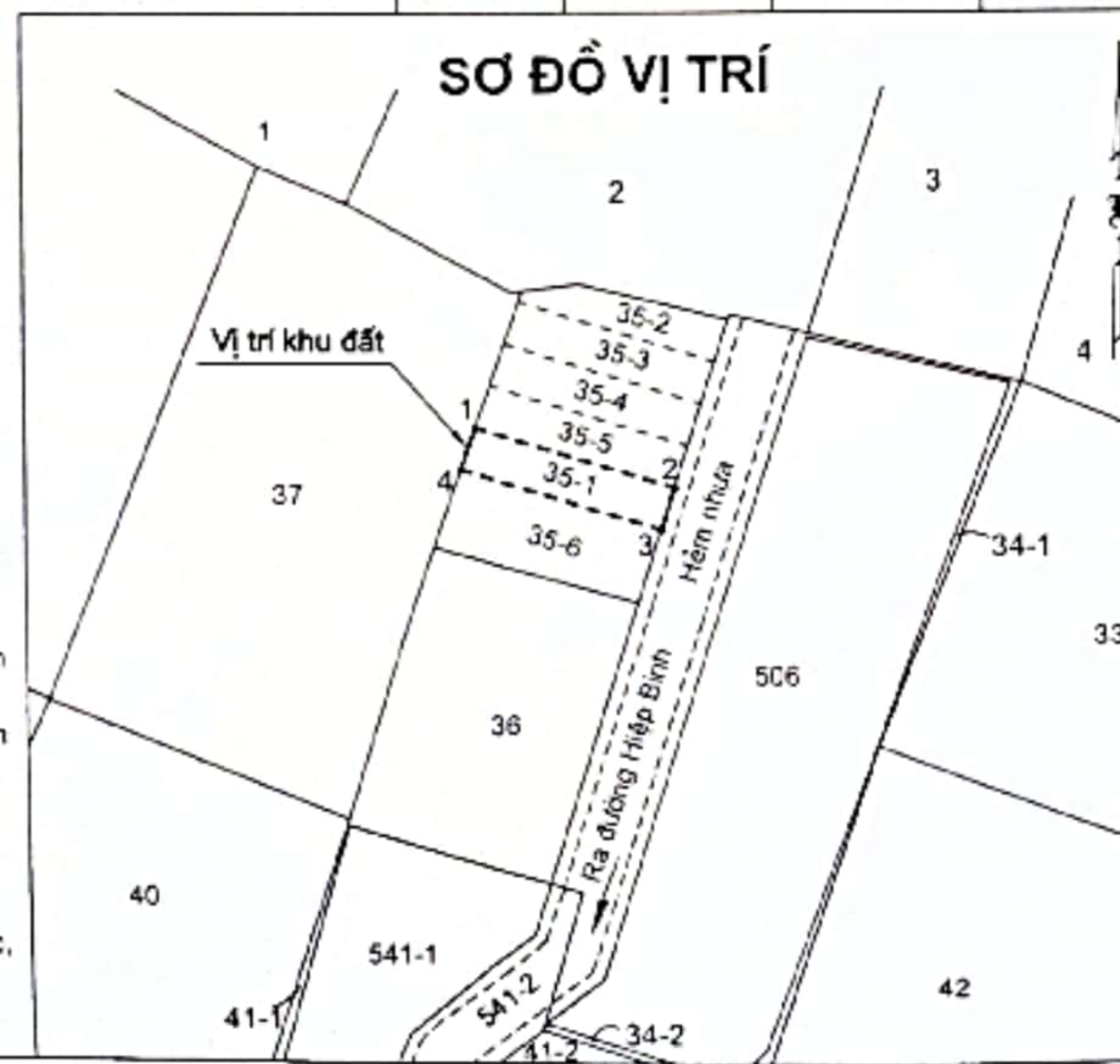
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TOẠ ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Tọa độ VN - 2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199689.54	606337.71	18.74
2	1199683.94	606355.59	4.00
3	1199680.13	606354.38	18.84
4	1199685.74	606336.40	4.02
1	1199689.54	606337.71	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNC và TSKGLVĐ.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:

Thửa đất số: Một phần thửa số 35.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)
*Diện tích theo hiện trạng: 75.3 m²
- Sử dụng riêng: 75.3 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 75.3 m²
+ Diện tích đất ở: 75.3 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
35	35-1		75.3	58.6
	35-2			74.2
	35-3			74.5
	35-4			74.9
	35-5			137.0
	35-6			

Cộng 75.3 m²

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐẠI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
Số: 3083-5/20/BN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HĐ: 94B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú



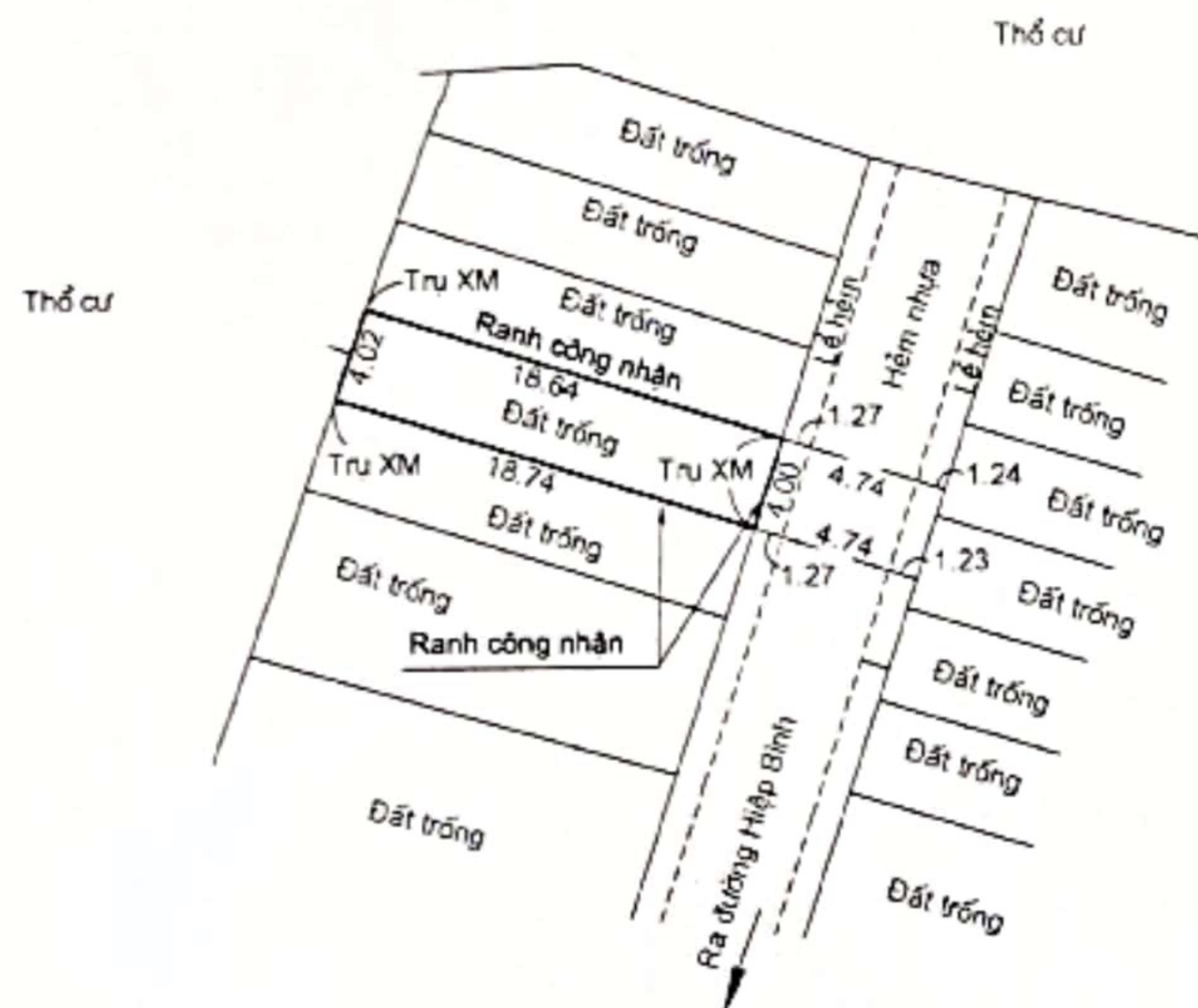
Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

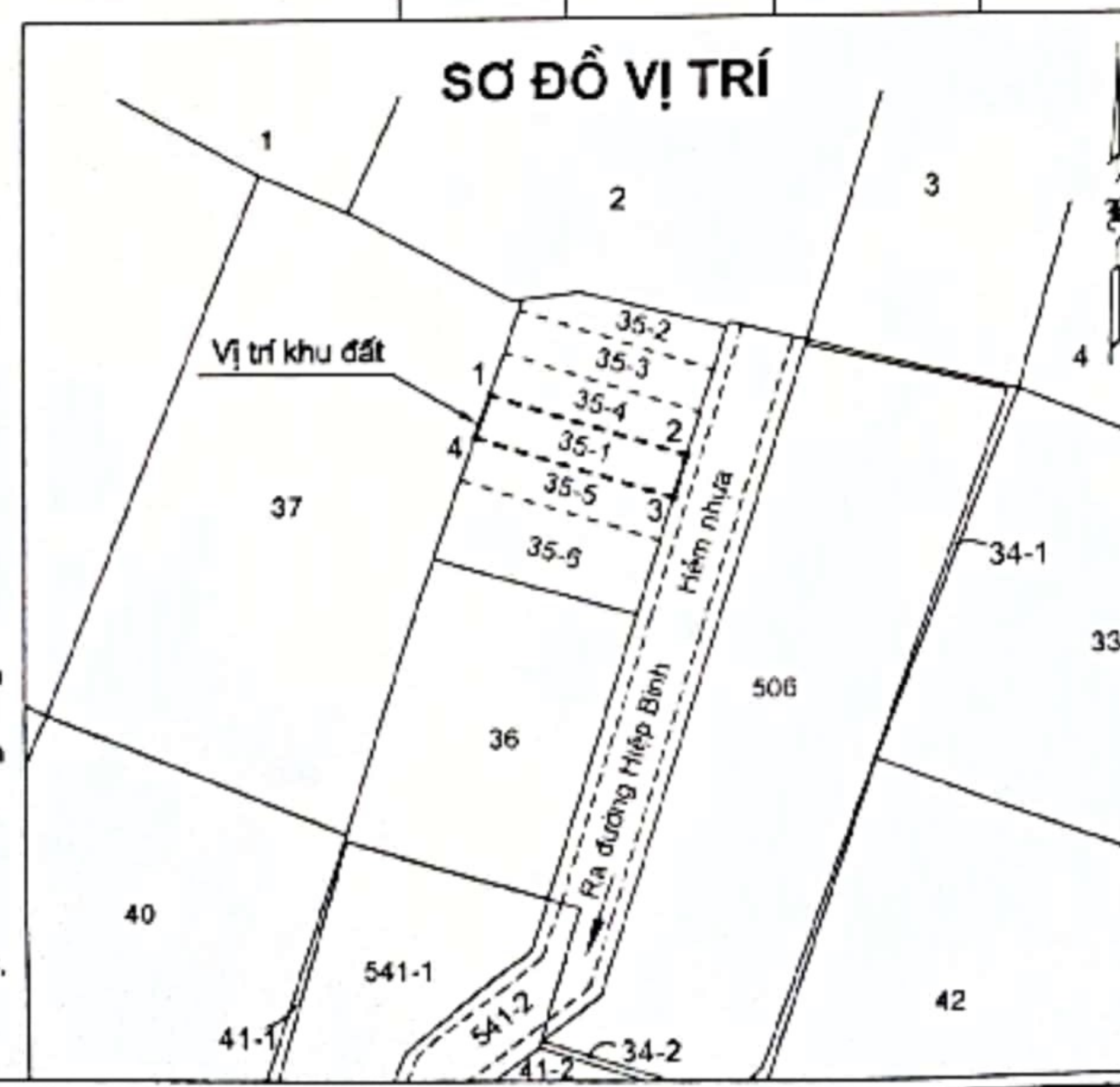
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TOẠ ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN - 2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199693.34	606339.01	18.64
2	1199687.76	606356.79	4.00
3	1199683.94	606355.59	18.74
4	1199689.54	606337.71	4.02
1	1199693.34	606339.01	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Giới thiệu:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHND và TSKGLVĐ.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:

Thửa đất số: Một phần thửa số 35.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)
*Diện tích theo hiện trạng: 74.9 m²
- Sử dụng riêng: 74.9 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 74.9 m²
+ Diện tích đất ở: 74.9 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH
(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
35	35-1		74.9	
	35-2			58.6
	35-3			74.2
	35-4			74.5
	35-5			75.3
	35-6			137.0
Cộng			74.9 m ²	

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
SỐ: 3083-4/20/BN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HD: 94B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:
Thửa đất số: Một phần thửa số 35.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)
*Diện tích theo hiện trạng: 74.5 m²
- Sử dụng riêng: 74.5 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 74.5 m²
+ Diện tích đất ở: 74.5 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH
(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
35	35-1		74.5	58.6
	35-2			74.2
	35-3			74.9
	35-4			75.3
	35-5			137.0
	35-6			
Cộng			74.5 m ²	

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐẠI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
Số: 3083-3/20/ĐN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HĐ: 94B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Đặng Hoàng Phúc

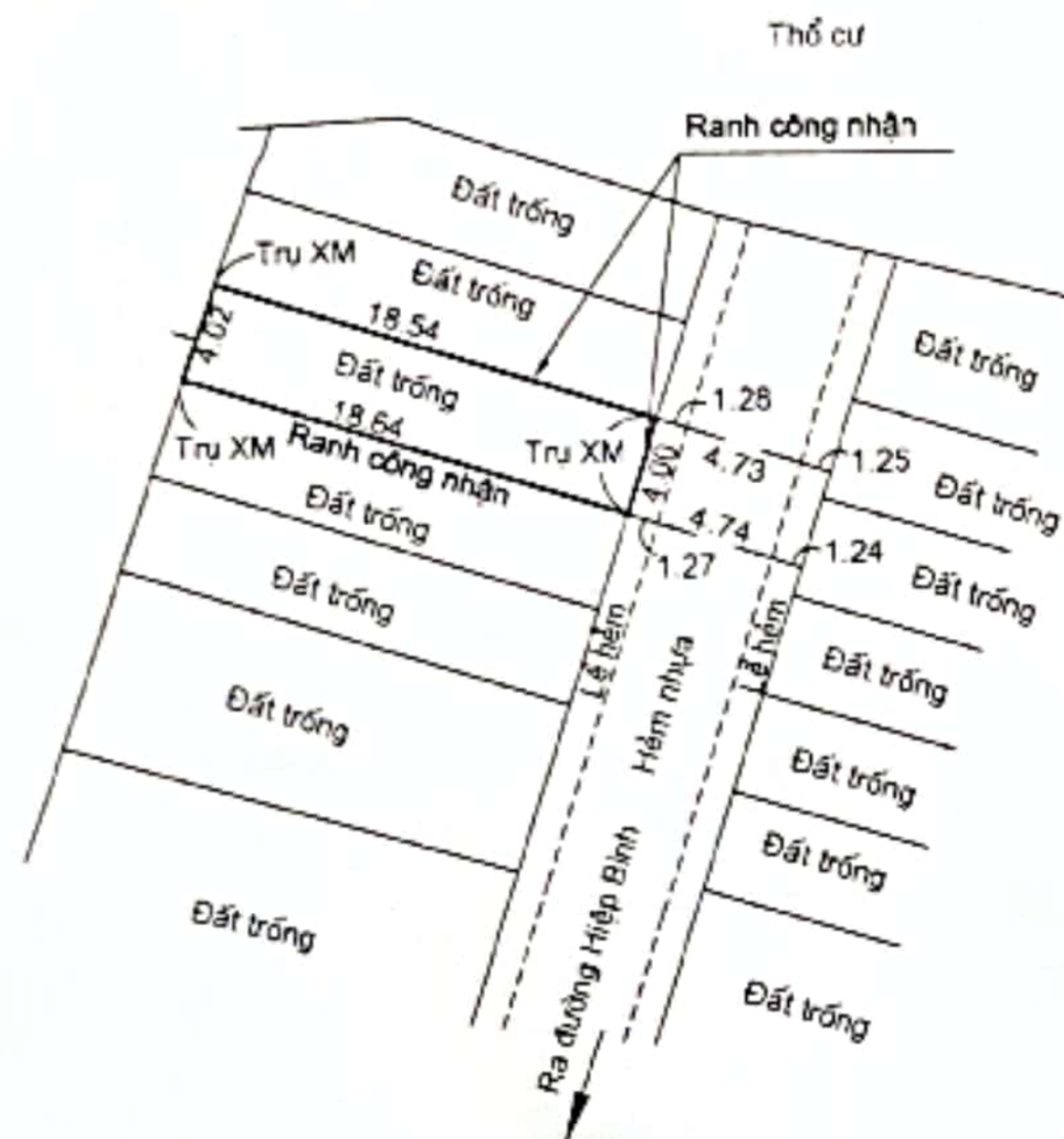
Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

Ghi chú:

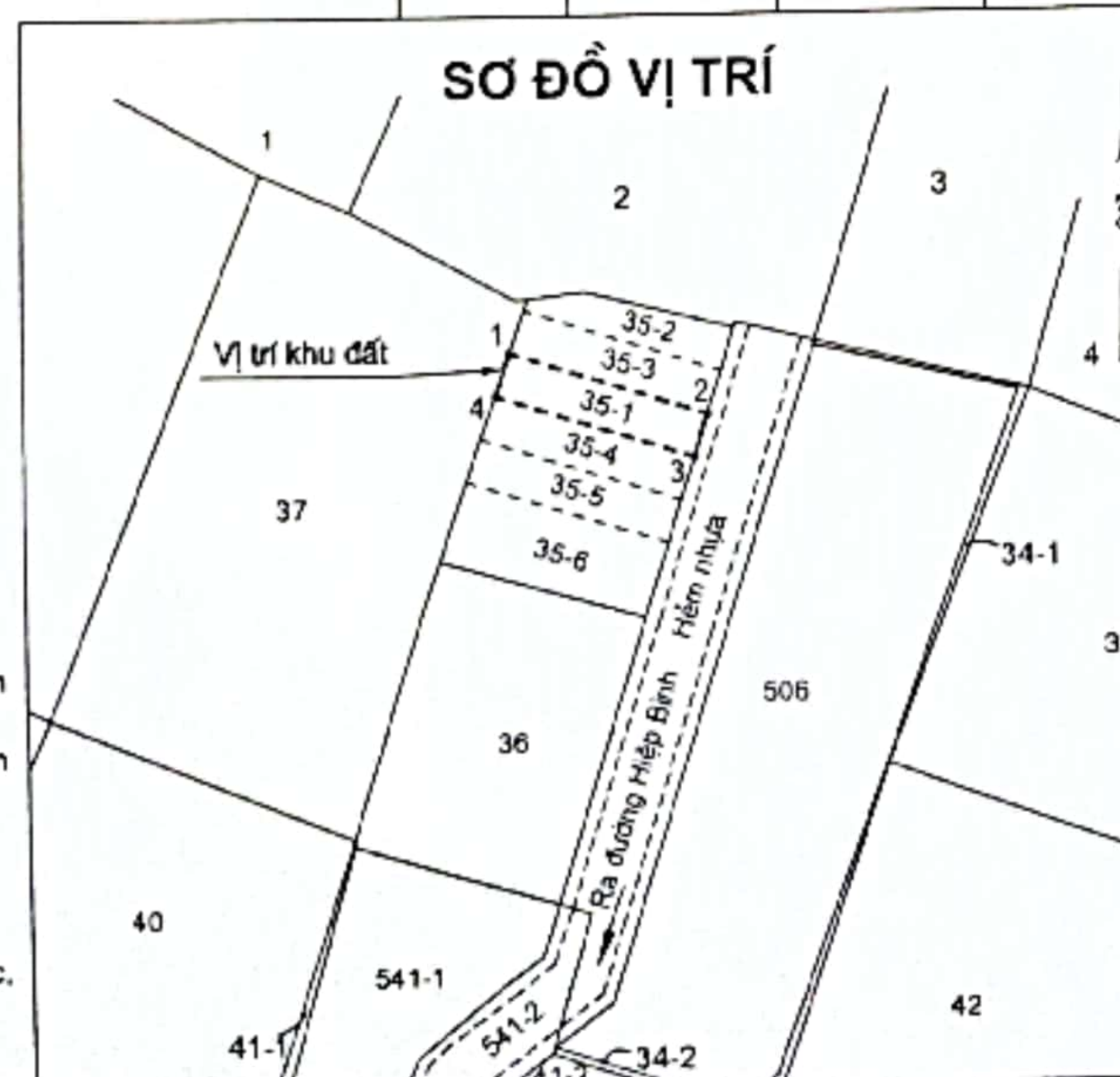
- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNC và TSKGLVD.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.



BẢNG LIỆT KÊ TOẠ ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Tọa độ VN - 2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199697.14	606340.32	18.54
2	1199691.57	606358.00	4.00
3	1199687.76	606356.79	18.64
4	1199693.34	606339.01	4.02
1	1199697.14	606340.32	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT

Đã gửi email

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:
Thửa đất số: Một phần thửa số 35.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)
*Diện tích theo hiện trạng: 58.6 m²
- Sử dụng riêng: 58.6 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 58.6 m²
+ Diện tích đất ở: 58.6 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH
(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
35	35-1		58.6	
	35-2			74.2
	35-3			74.5
	35-4			74.9
	35-5			75.3
	35-6			137.0
Cộng			58.6 m ²	

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐẠI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
SỐ: 3083-1/20/BN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HĐ: 94B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

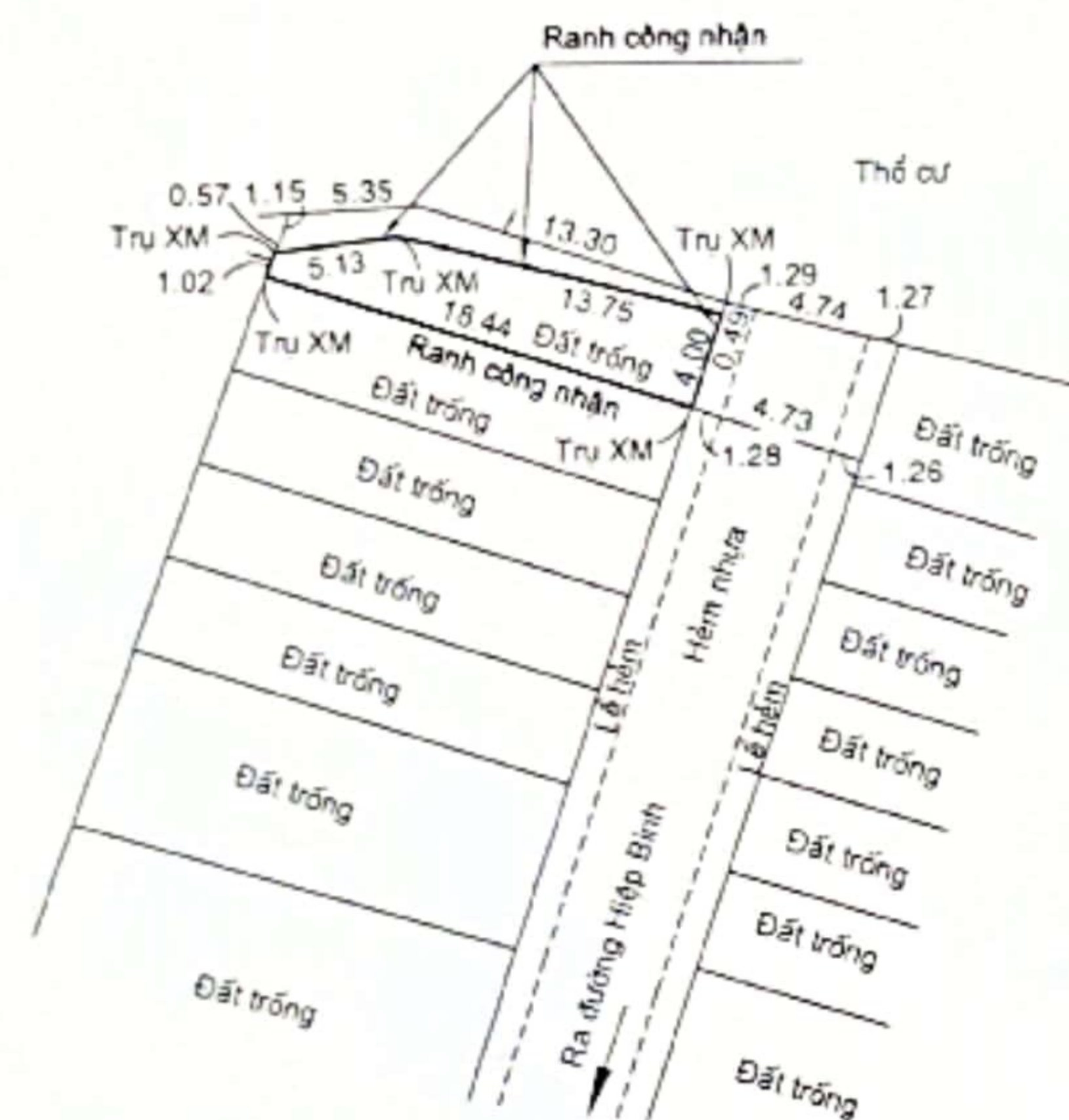


Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

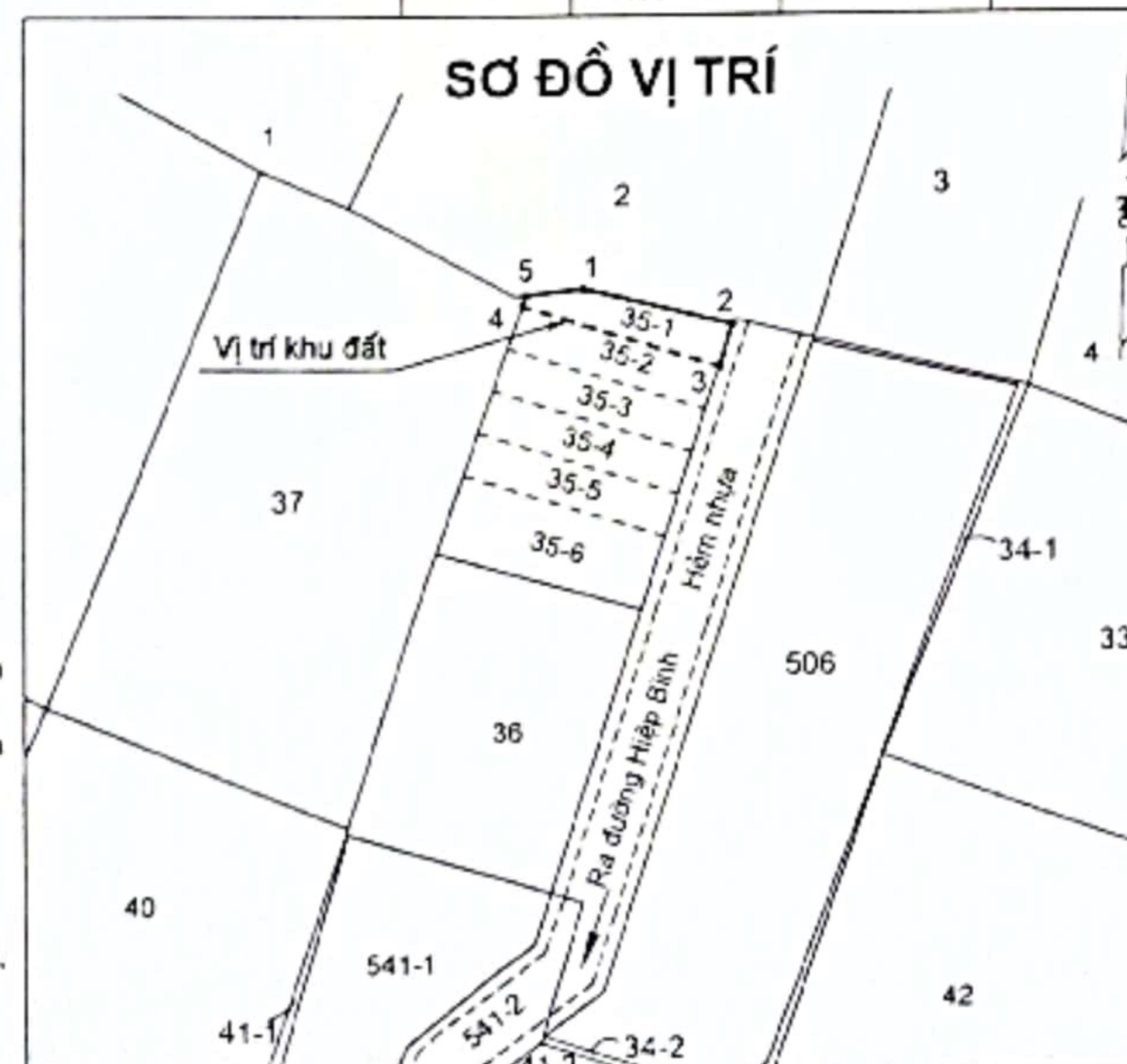
Đặng Văn Diệu



BẢNG LIỆT KÊ TOA ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN - 2000		Canh
	X(m)	Y(m)	
1	1199702.50	606347.06	13.75
2	1199699.20	606360.41	4.30
3	1199695.39	606359.21	18.44
4	1199700.94	606341.83	1.02
5	1199701.91	606341.96	5.13
1	1199702.50	606347.06	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất đo chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhà dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNC và TSKGLVĐ.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Je t'envoie email

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:

Thửa đất số: Một phần thửa số 506.

Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)

*Diện tích theo hiện trạng:	114.6 m ²
- Sử dụng riêng :	114.6 m ²
- Sử dụng chung :	0.0 m ²

*Diện tích không phù hợp quy hoạch : 0.0 m²

*Diện tích được công nhận : 114.6 m²

+ Diện tích đất ở: 114.6 m²

*Diện tích không được công nhận : 0.0 m²

*Phân loại vị trí : -/-

BẢNG CHỈ DẪN ĐIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phần chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
506	506-1		114.6	
	506-2			75.5
	506-3			74.8
	506-4			74.1
	506-5			73.4
	506-6			72.7
	506-7			72.0
	506-8			71.2
	506-9			70.5
	506-10			69.7
	506-11			69.0
	506-12			68.2
	506-13			67.5
	506-14			66.7
	506-15			66.7
	506-16			71.9
Tổng:			114.6 m ²	

Cộng: 114.6 m²

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐẠI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 10 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
SỐ: 3082-1/20/BN-CNTĐ
Ngày 10 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

114,6 m² BUI ANH MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

Số HĐ: 94B/HDNN-NB/20

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

NGƯỜI ĐO VẼ

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

KIỂM TRA KỸ THUẬT

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC

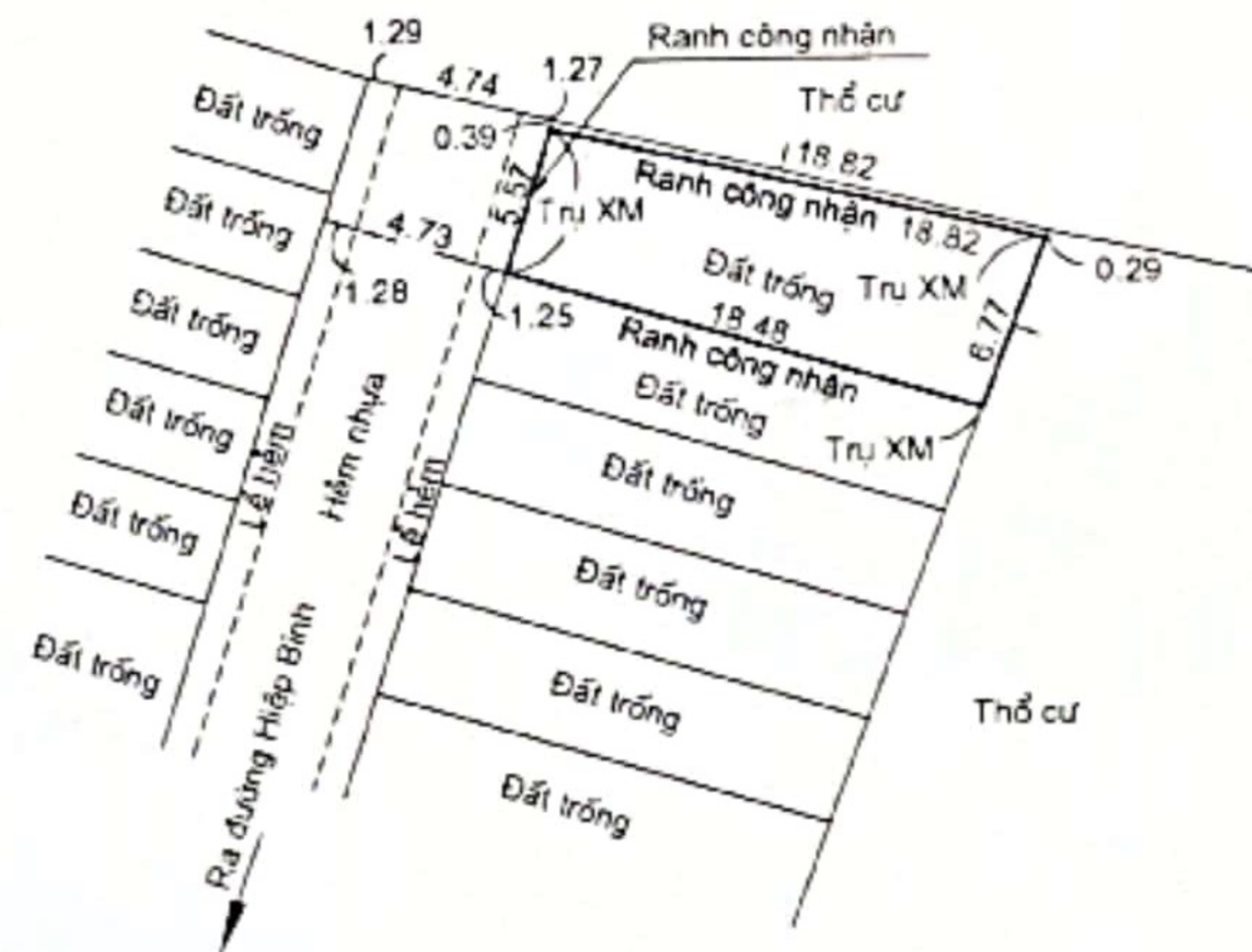
Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

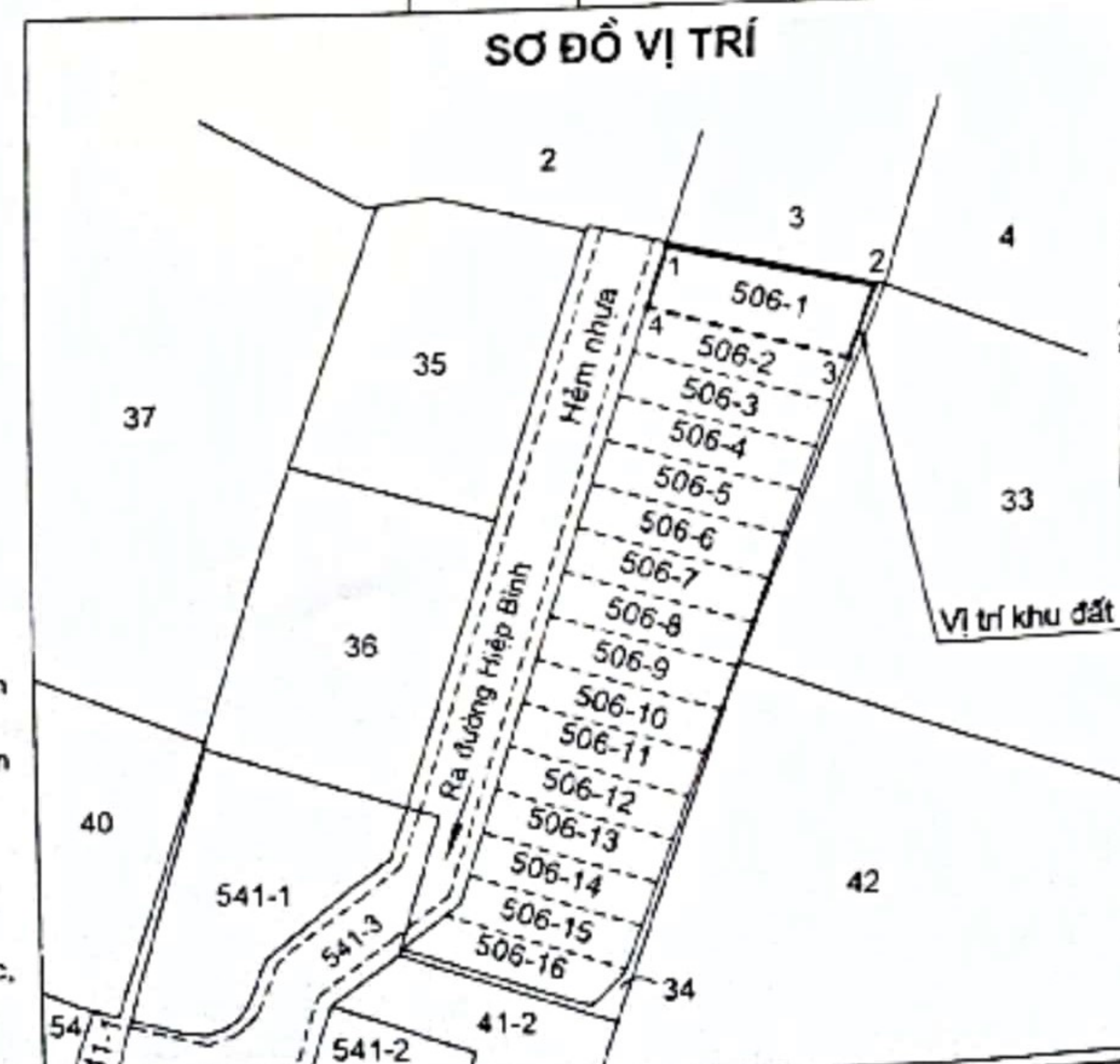
Đang Văn Diệu



BẢNG LIỆT KÊ TOẠ ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN - 2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199697.55	606367.52	18.82
2	1199693.29	606385.85	
3	1199686.93	606383.53	18.48
4	1199692.24	606365.93	5.57
1	1199697.55	606367.52	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

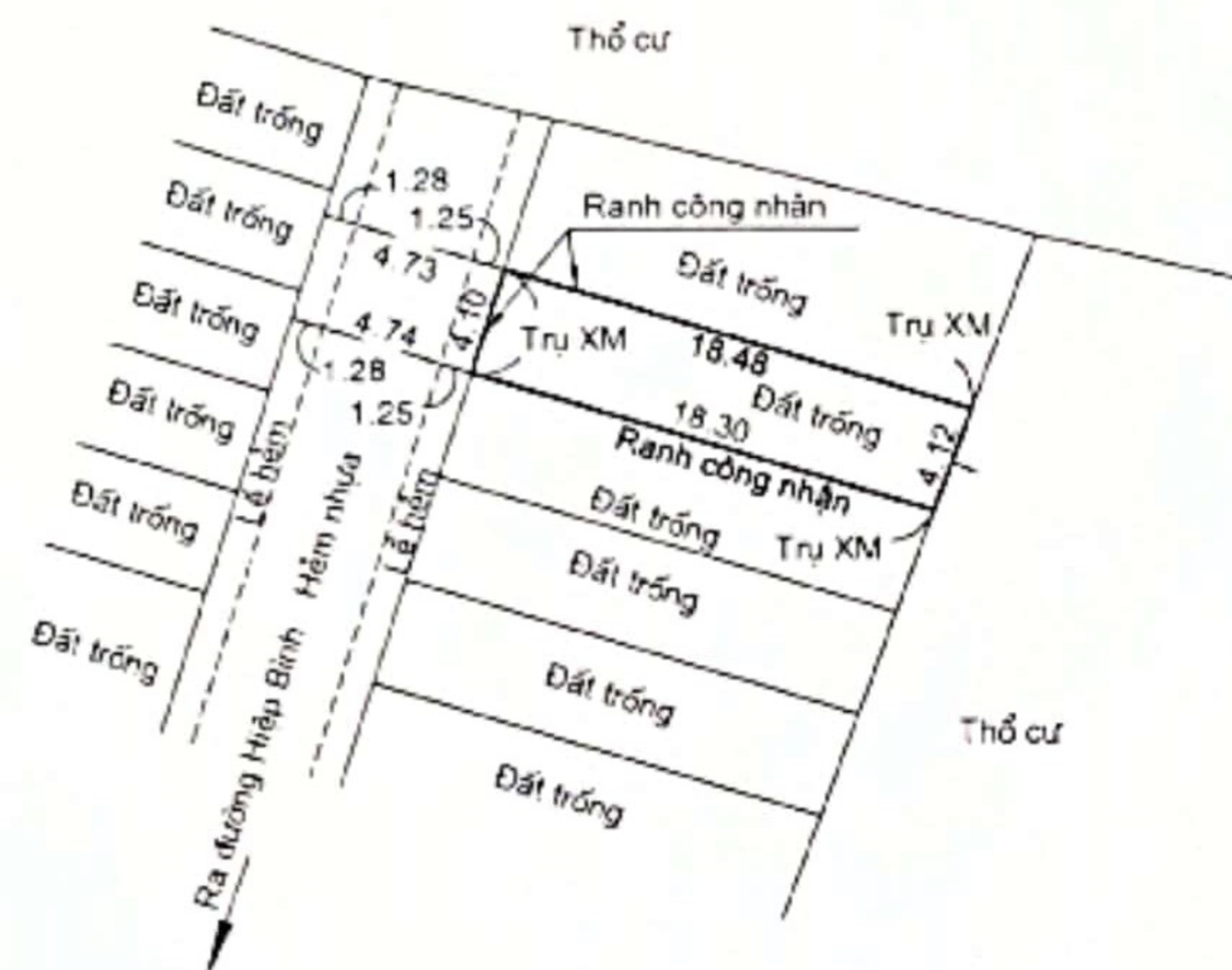
Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn

- Lộ giới hầm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và TSKGLVĐ.

- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

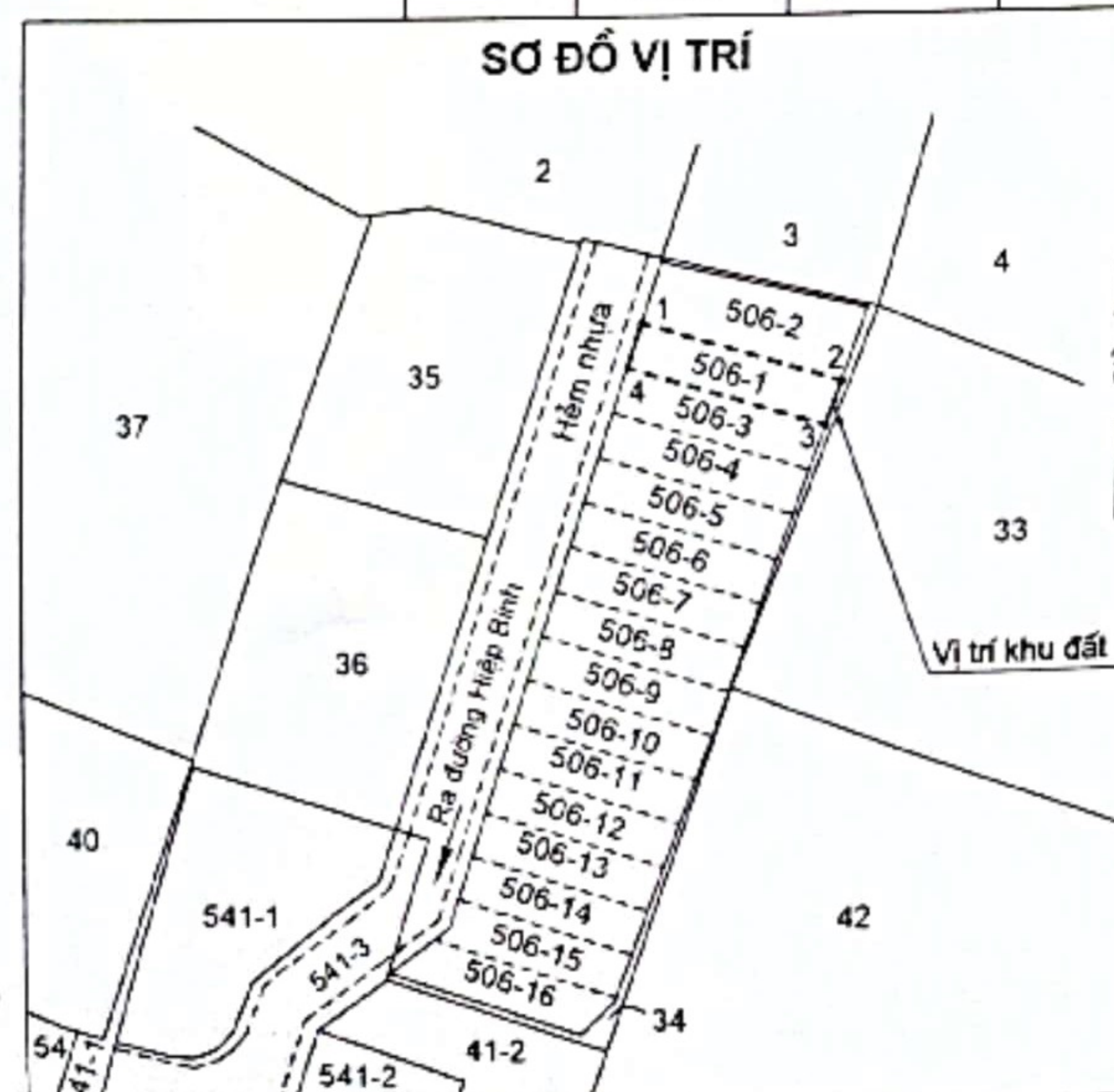
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TOA ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Tọa độ VN - 2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199692.24	606365.83	18.48
2	1199686.93	606383.53	4.12
3	1199683.06	606382.12	18.30
4	1199688.33	606364.59	4.10
1	1199692.24	606365.83	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất đo chủ sử dụng hướng dẫn
- Lô giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNC và TSKGLVD.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:

Thửa đất số: Một phần thửa số 506.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)

*Diện tích theo hiện trạng: 75.5 m²
- Sử dụng riêng: 75.5 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 75.5 m²
+ Diện tích đất ở: 75.5 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
506	506-1		75.5	114.6
	506-2			74.8
	506-3			74.1
	506-4			73.4
	506-5			72.7
	506-6			72.0
	506-7			71.2
	506-8			70.5
	506-9			69.7
	506-10			69.0
	506-11			68.2
	506-12			67.5
	506-13			66.7
	506-14			66.7
	506-15			71.9
	506-16			
Cộng:			75.5 m ²	

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
Số: 3082-2/20/BN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HD: 94B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

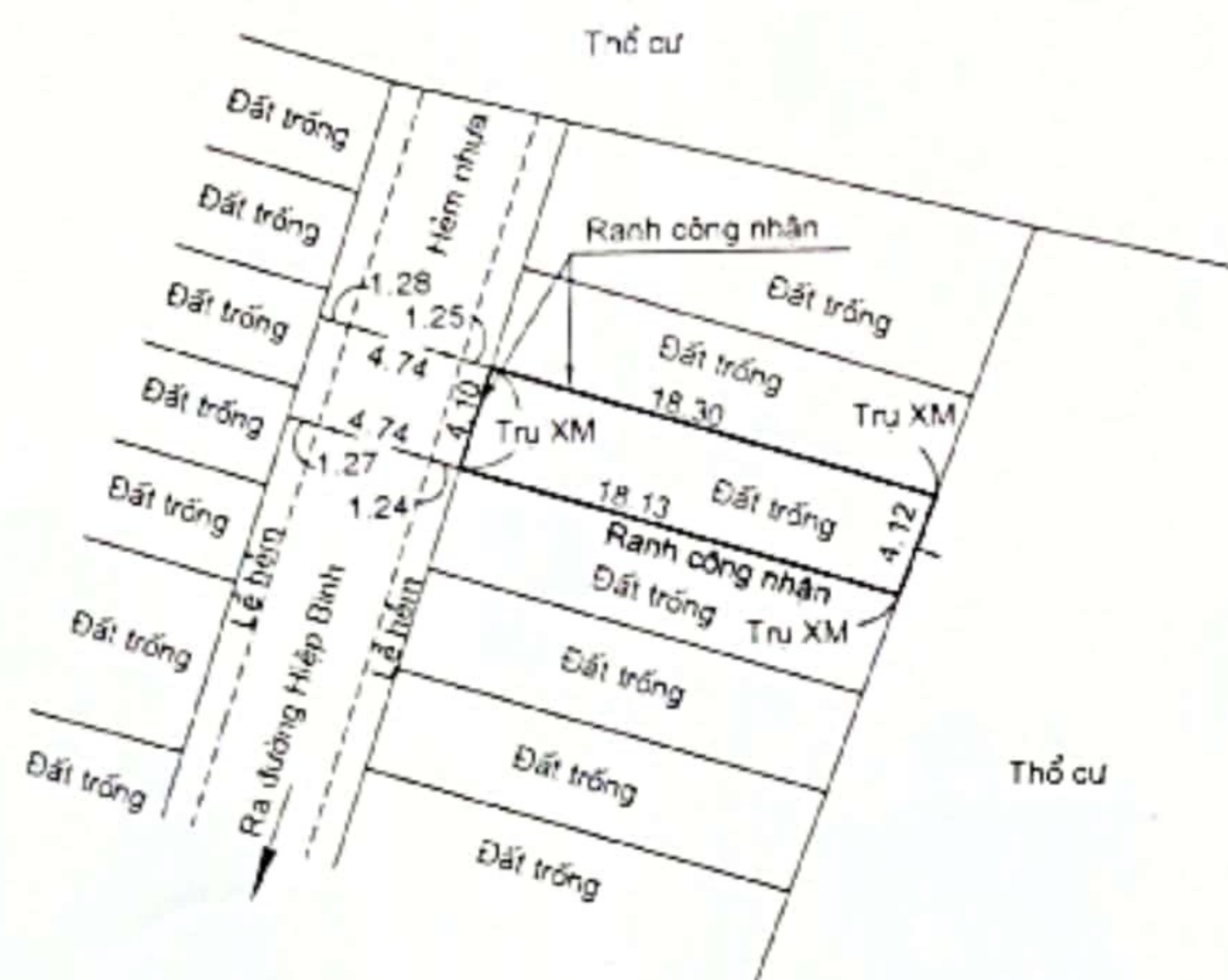
Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

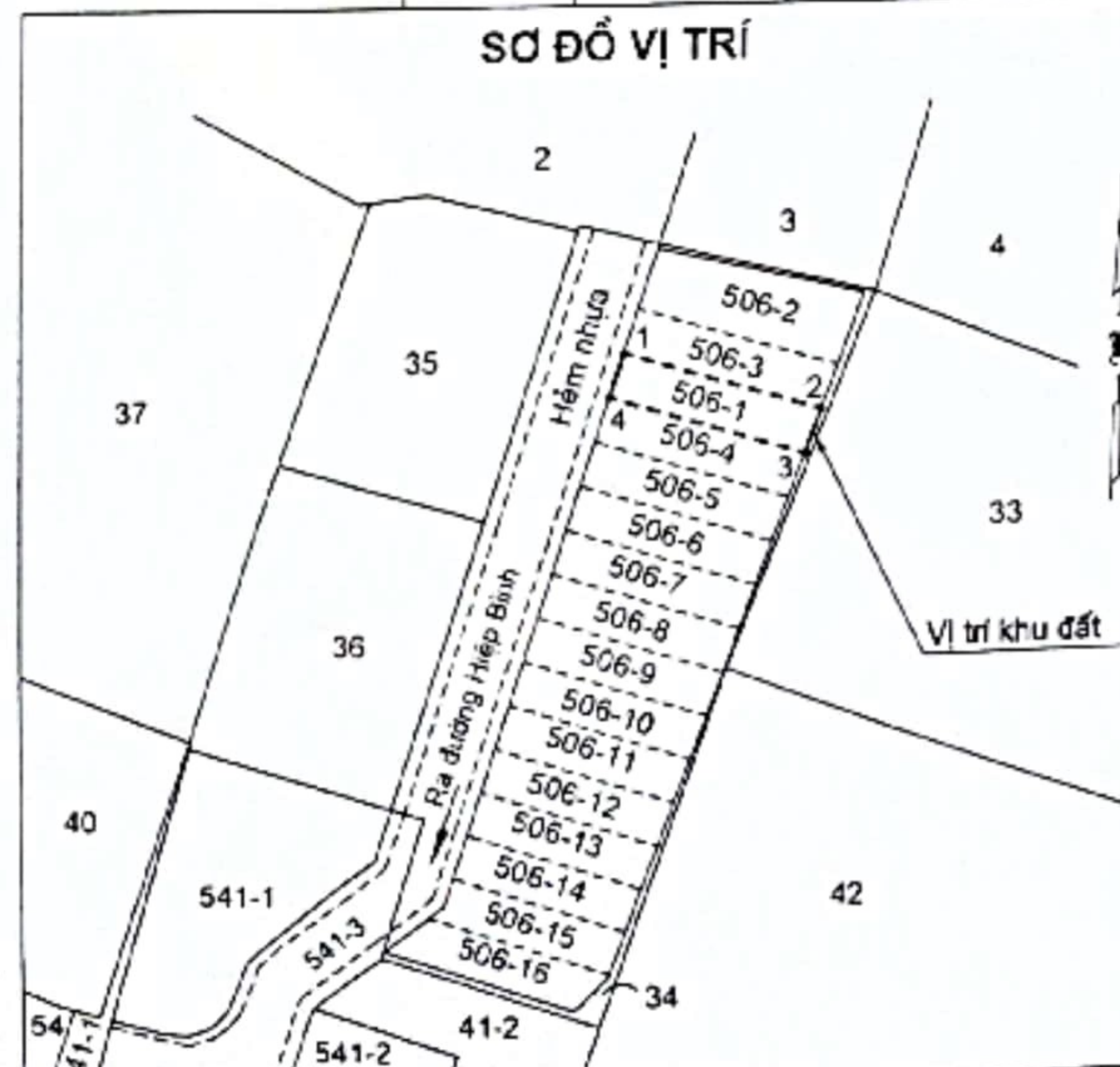
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TOA ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN - 2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199688.33	606364.59	18.30
2	1199683.06	606382.12	4.12
3	1199679.19	606380.71	18.13
4	1199684.42	606363.35	4.10
1	1199688.33	606364.59	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và TSKGLVĐ.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:

Thửa đất số: Một phần thửa số 506.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)
*Diện tích theo hiện trạng: 74.8 m²
- Sử dụng riêng: 74.8 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 74.8 m²
+ Diện tích đất ở: 74.8 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
506	506-1		74.8	114.6
	506-2			75.5
	506-3			74.1
	506-4			73.4
	506-5			72.7
	506-6			72.0
	506-7			71.2
	506-8			70.5
	506-9			69.7
	506-10			69.0
	506-11			68.2
	506-12			67.5
	506-13			66.7
	506-14			66.7
	506-15			71.9
	506-16			
Cộng:			74.8 m ²	

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
Số: 3082-3/20/BM-CNTĐ
Ngày 10 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HD: 94B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

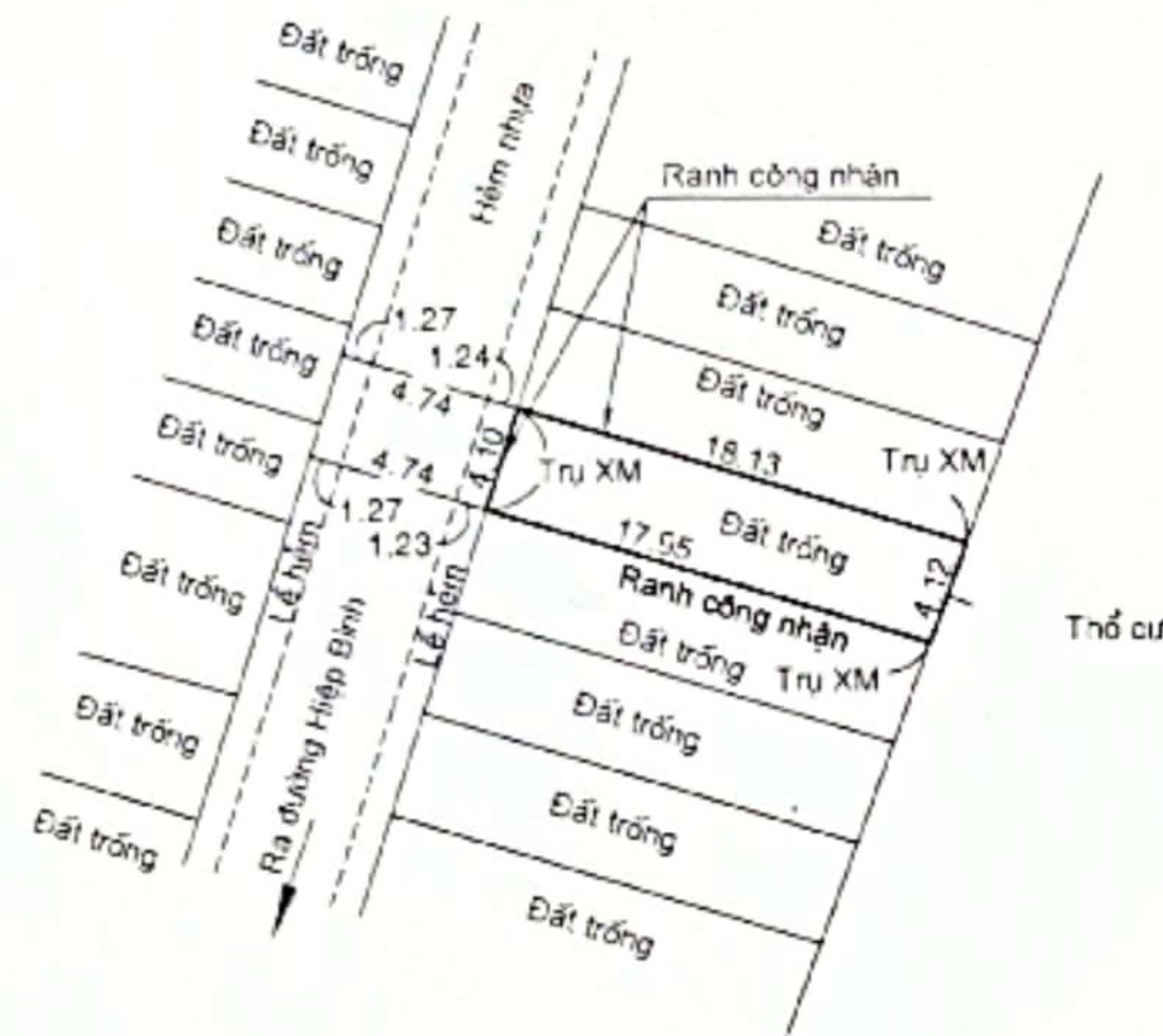
Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

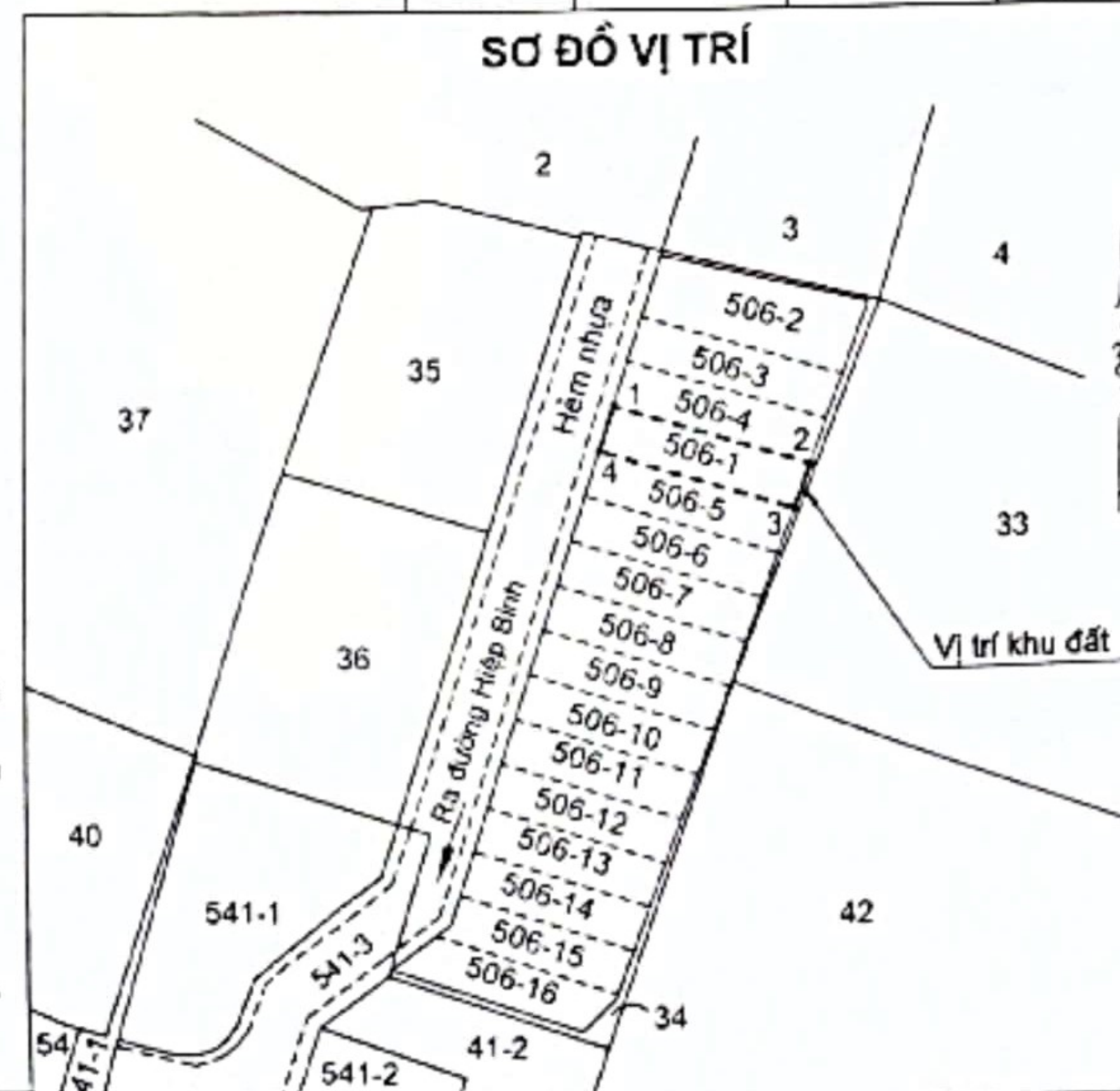
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TOẠ ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN-2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199684.42	606363.35	18.13
2	1199679.19	606380.71	4.12
3	1199675.32	606379.29	17.95
4	1199680.52	606362.11	4.10
1	1199684.42	606363.35	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lô giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 89/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHN và TSKGLVĐ.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:
Thửa đất số: Một phần thửa số 506.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)
*Diện tích theo hiện trạng: 74.1 m²
- Sử dụng riêng: 74.1 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 74.1 m²
+ Diện tích đất ở: 74.1 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
506	506-1		74.1	114.6
	506-2			75.5
	506-3			74.8
	506-4			73.4
	506-5			72.7
	506-6			72.0
	506-7			71.2
	506-8			70.5
	506-9			69.7
	506-10			69.0
	506-11			68.2
	506-12			67.5
	506-13			66.7
	506-14			66.7
	506-15			71.9
	506-16			
Cộng:			74.1 m ²	

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
SỐ: 3082-4/20/BM-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HD: 94B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

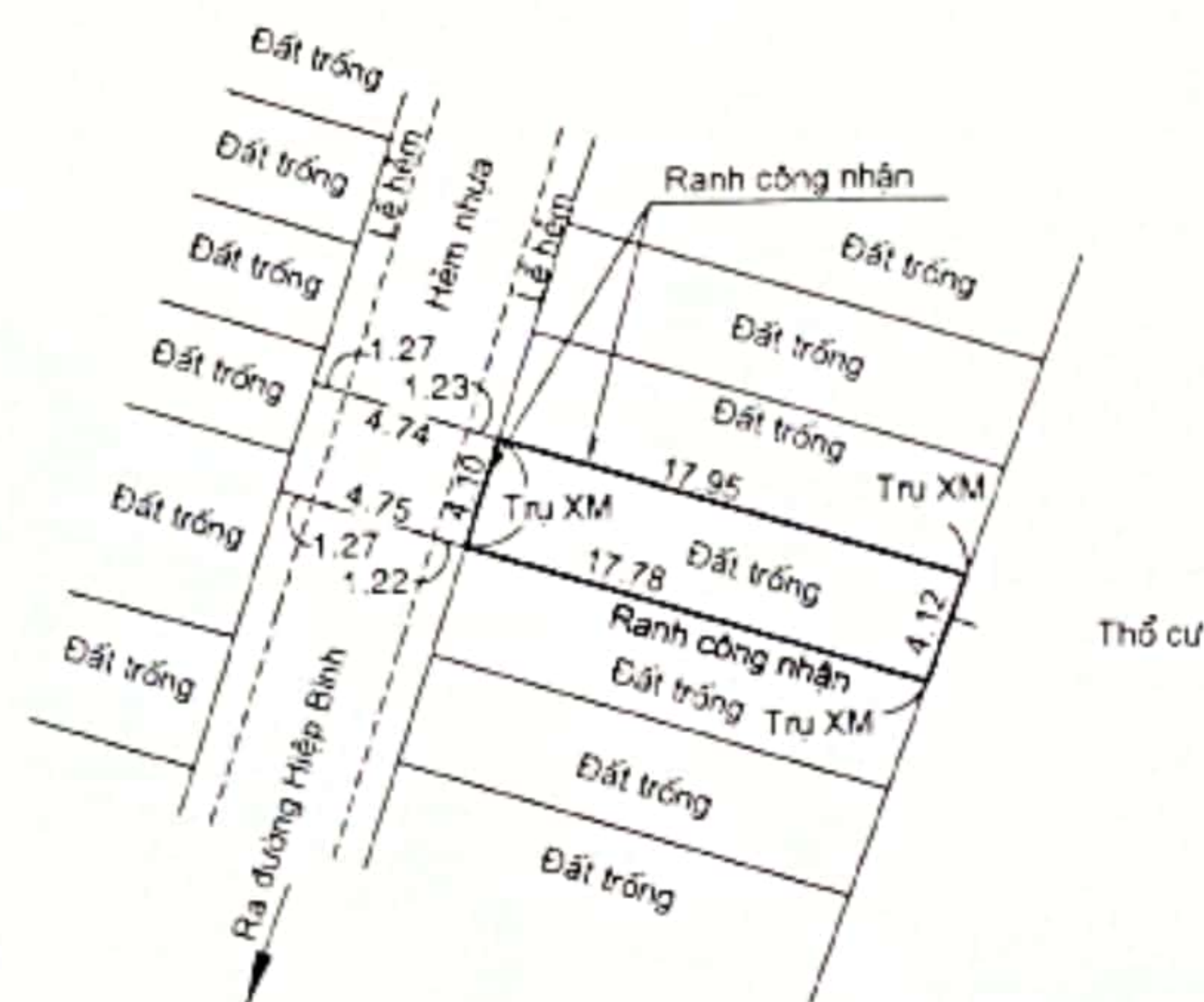
Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

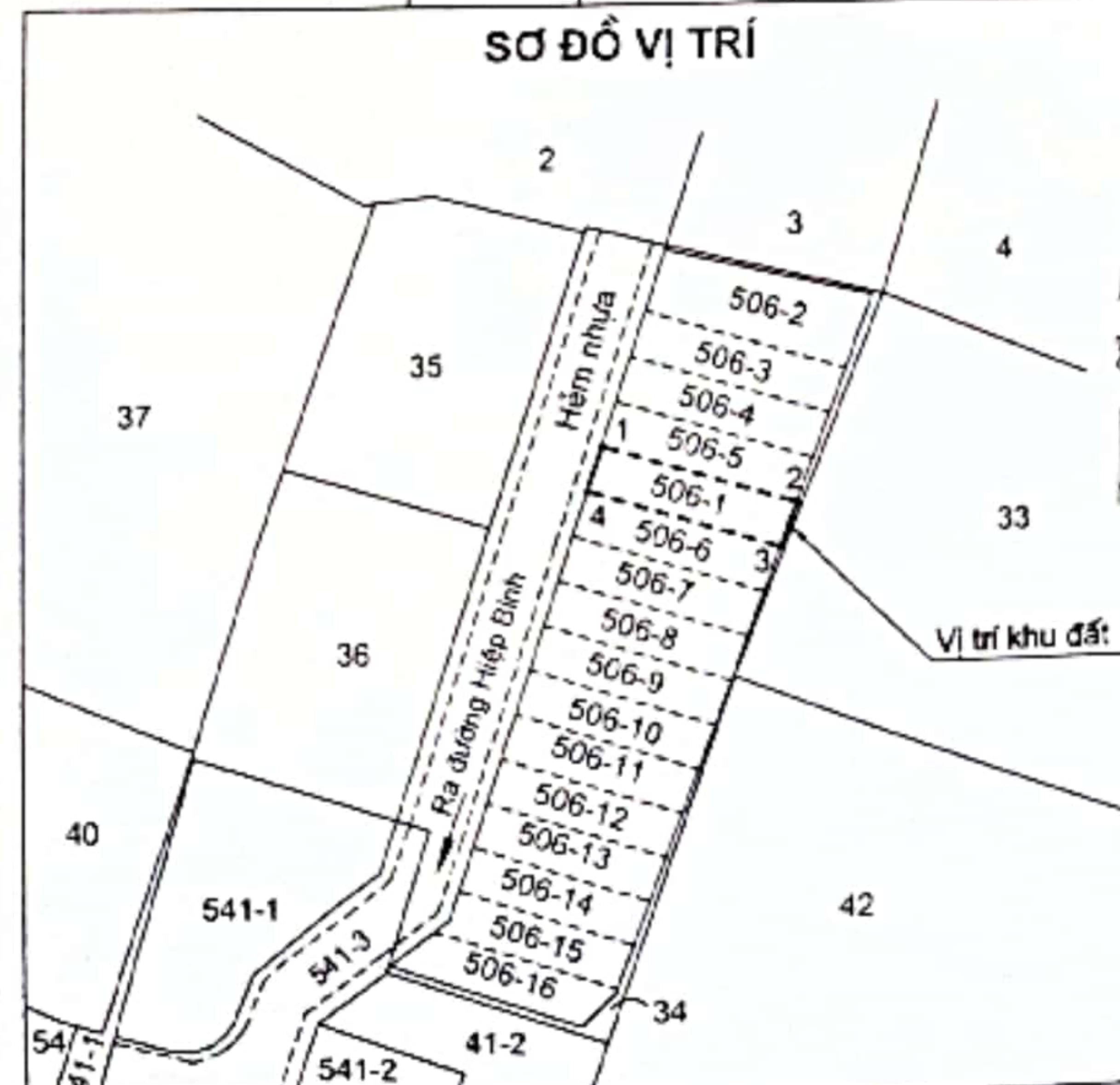
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TOA ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN-2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199680.52	606362.11	17.95
2	1199675.32	606379.29	4.12
3	1199671.45	606377.88	17.78
4	1199676.61	606360.85	4.10
1	1199680.52	606362.11	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lô giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và TSKGLVĐ.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

c/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:
Thửa đất số: Một phần thửa số 506.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)
*Diện tích theo hiện trạng: 73.4 m²
- Sử dụng riêng: 73.4 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 73.4 m²
+ Diện tích đất ở: 73.4 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH
(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
506	506-1		73.4	
	506-2			114.6
	506-3			75.5
	506-4			74.8
	506-5			74.1
	506-6			72.7
	506-7			72.0
	506-8			71.2
	506-9			70.5
	506-10			69.7
	506-11			69.0
	506-12			68.2
	506-13			67.5
	506-14			66.7
	506-15			66.7
	506-16			71.9
Cộng:			73.4 m ²	

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
Số: 3082-5/20/BN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HD: 94B/HĐNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

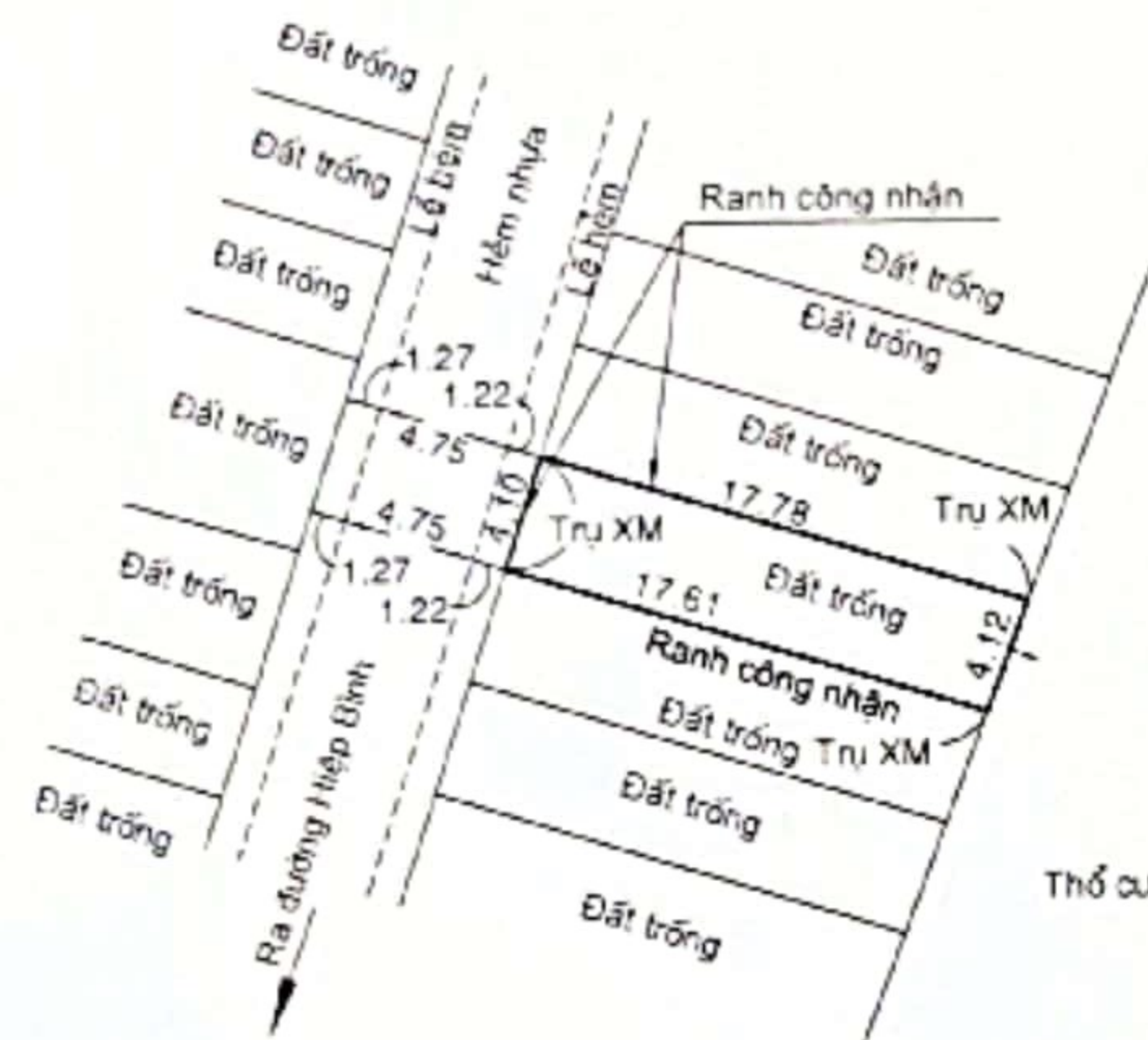
Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

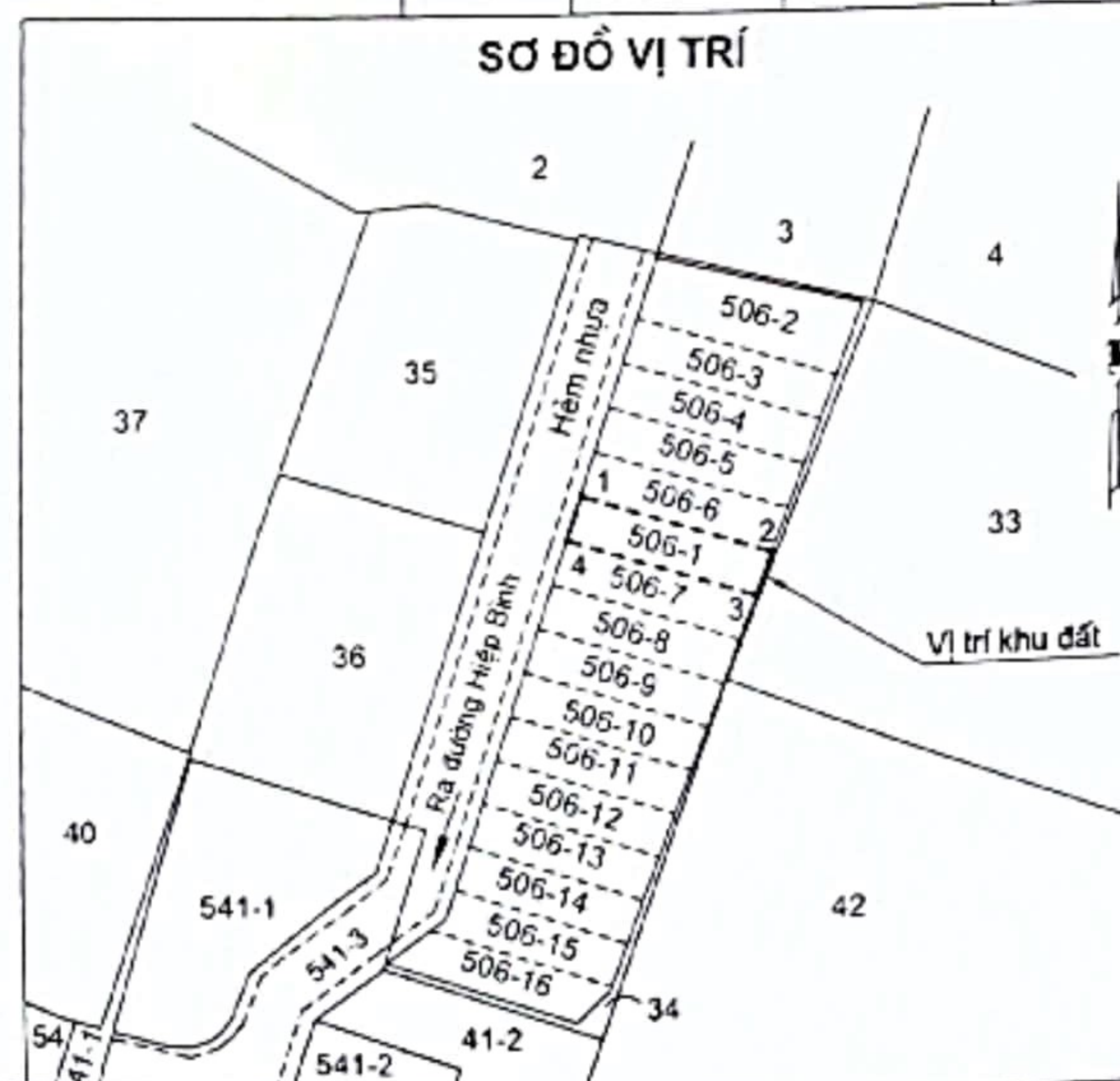
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TOA ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN-2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199676.61	606360.85	17.78
2	1199671.45	606377.88	4.12
3	1199667.58	606376.47	17.61
4	1199672.70	606359.62	4.10
1	1199676.61	606350.86	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNC và TSKGLVD.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:

Thửa đất số: Một phần thửa số 506.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)

*Diện tích theo hiện trạng: 72.7 m²
- Sử dụng riêng: 72.7 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 72.7 m²
+ Diện tích đất ở: 72.7 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
506	506-1		72.7	114.6
	506-2			75.5
	506-3			74.8
	506-4			74.1
	506-5			73.4
	506-6			72.0
	506-7			71.2
	506-8			70.5
	506-9			69.7
	506-10			69.0
	506-11			68.2
	506-12			67.5
	506-13			66.7
	506-14			66.7
	506-15			66.7
	506-16			71.9
Cộng:			72.7 m ²	

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
Số: 3082-6/20/BN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HD: 94B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

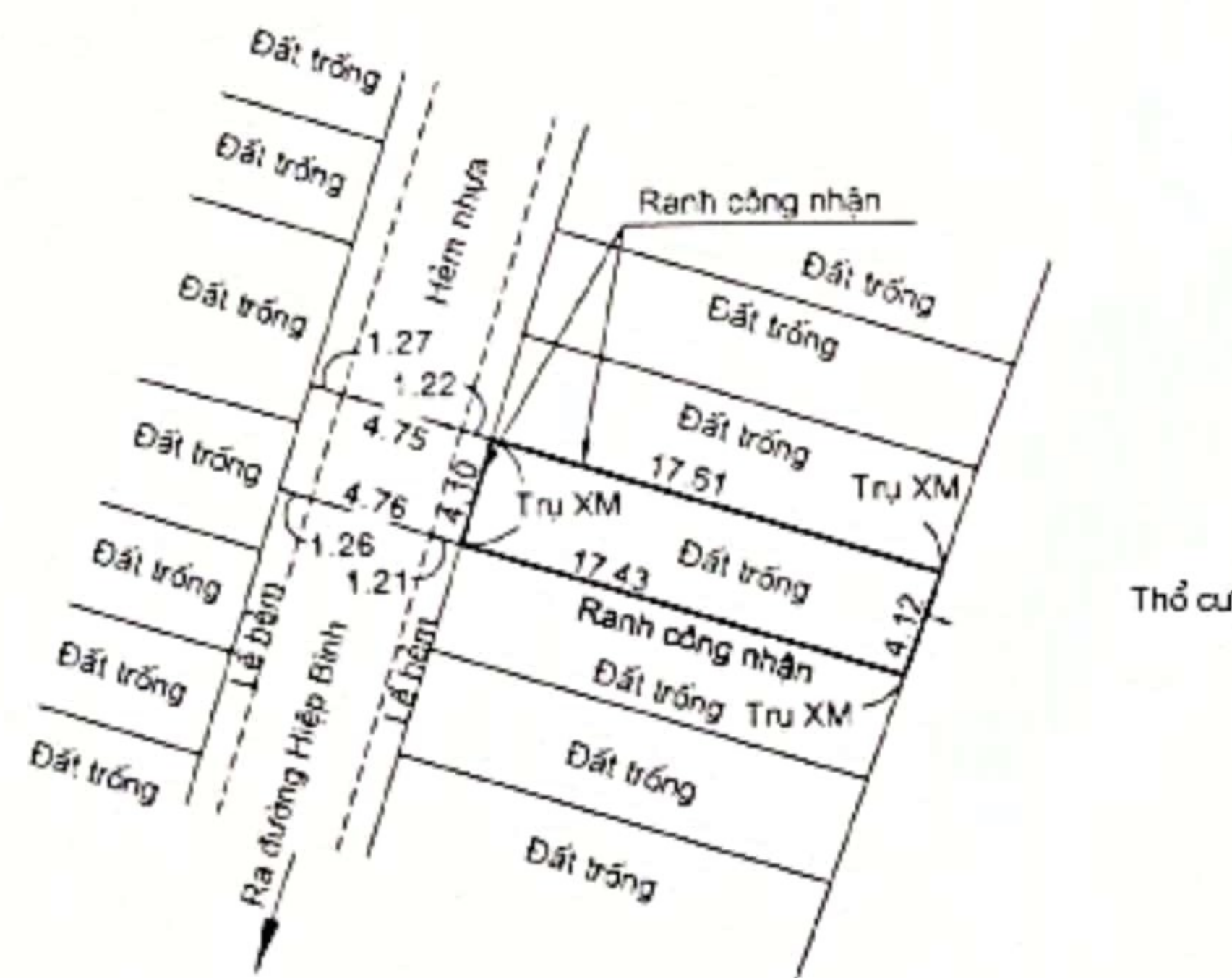
Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

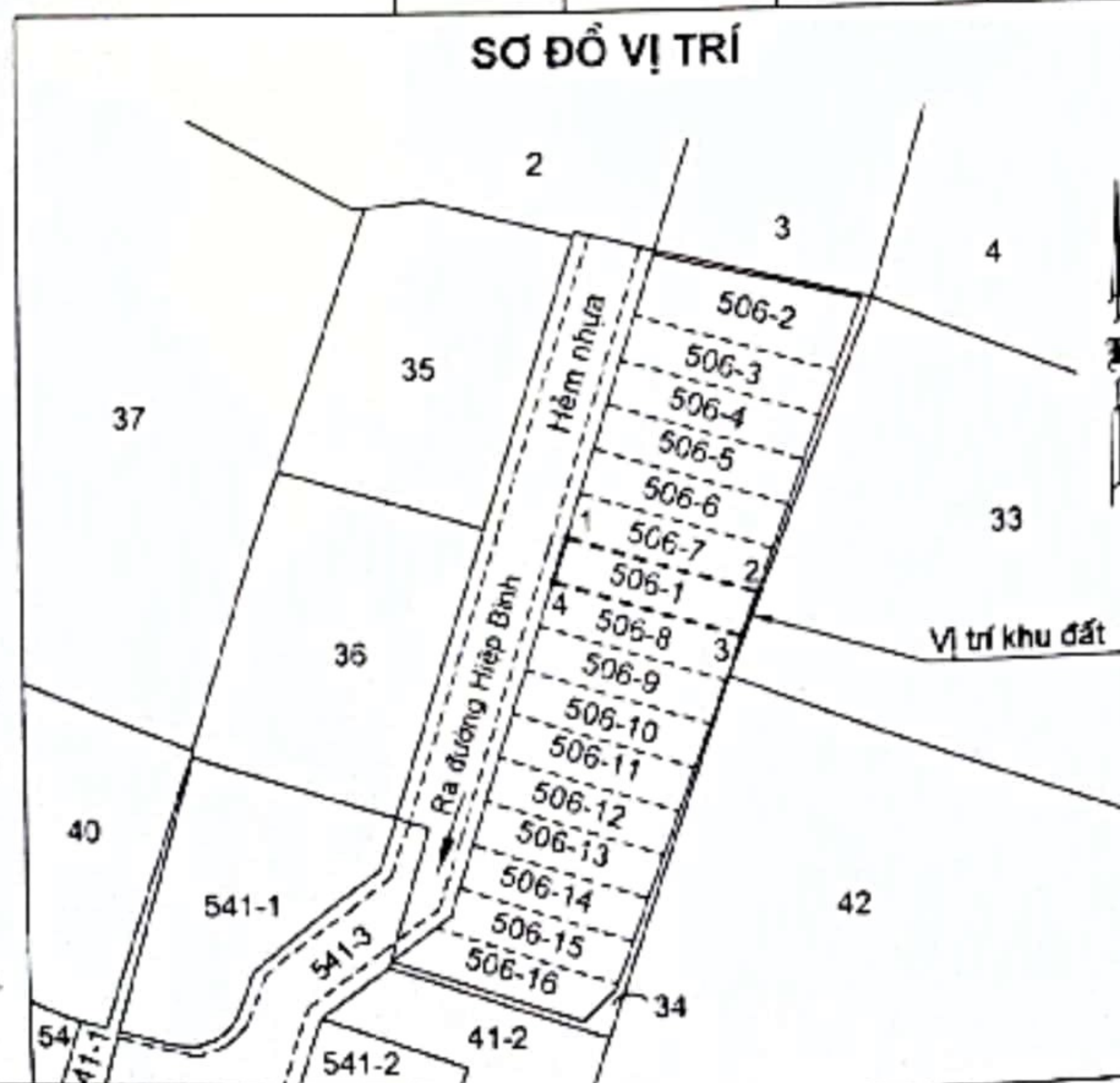
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TOA ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN-2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199672.70	606359.62	17.61
2	1199667.58	606375.47	4.12
3	1199663.71	606375.06	17.43
4	1199668.80	606358.38	4.10
1	1199672.70	606359.62	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lô giới hẻm nhà dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNĐ và TSKGLVĐ
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:

Thửa đất số: Một phần thửa số 506.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)

*Diện tích theo hiện trạng: 72.0 m²
- Sử dụng riêng: 72.0 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 72.0 m²
+ Diện tích đất ở: 72.0 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
506	506-1		72.0	114.6
	506-2			75.5
	506-3			74.8
	506-4			74.1
	506-5			73.4
	506-6			72.7
	506-7			71.2
	506-8			70.5
	506-9			69.7
	506-10			69.0
	506-11			68.2
	506-12			67.5
	506-13			66.7
	506-14			66.7
	506-15			71.9
	506-16			

Cộng: 72.0 m²

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 10 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
Số: 3082-7/20/BN-CNTĐ
Ngày 10 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HĐ: 94B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

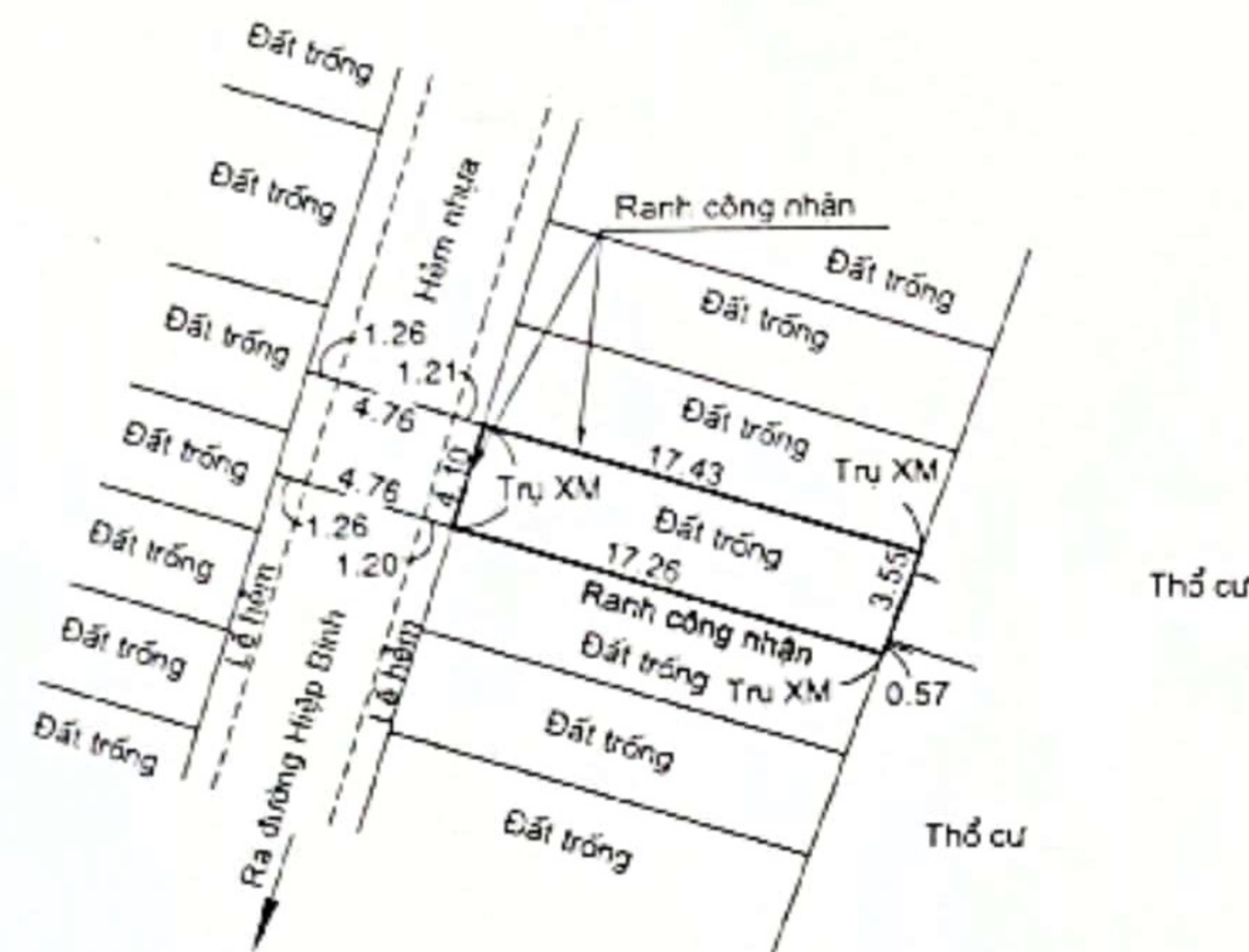
Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

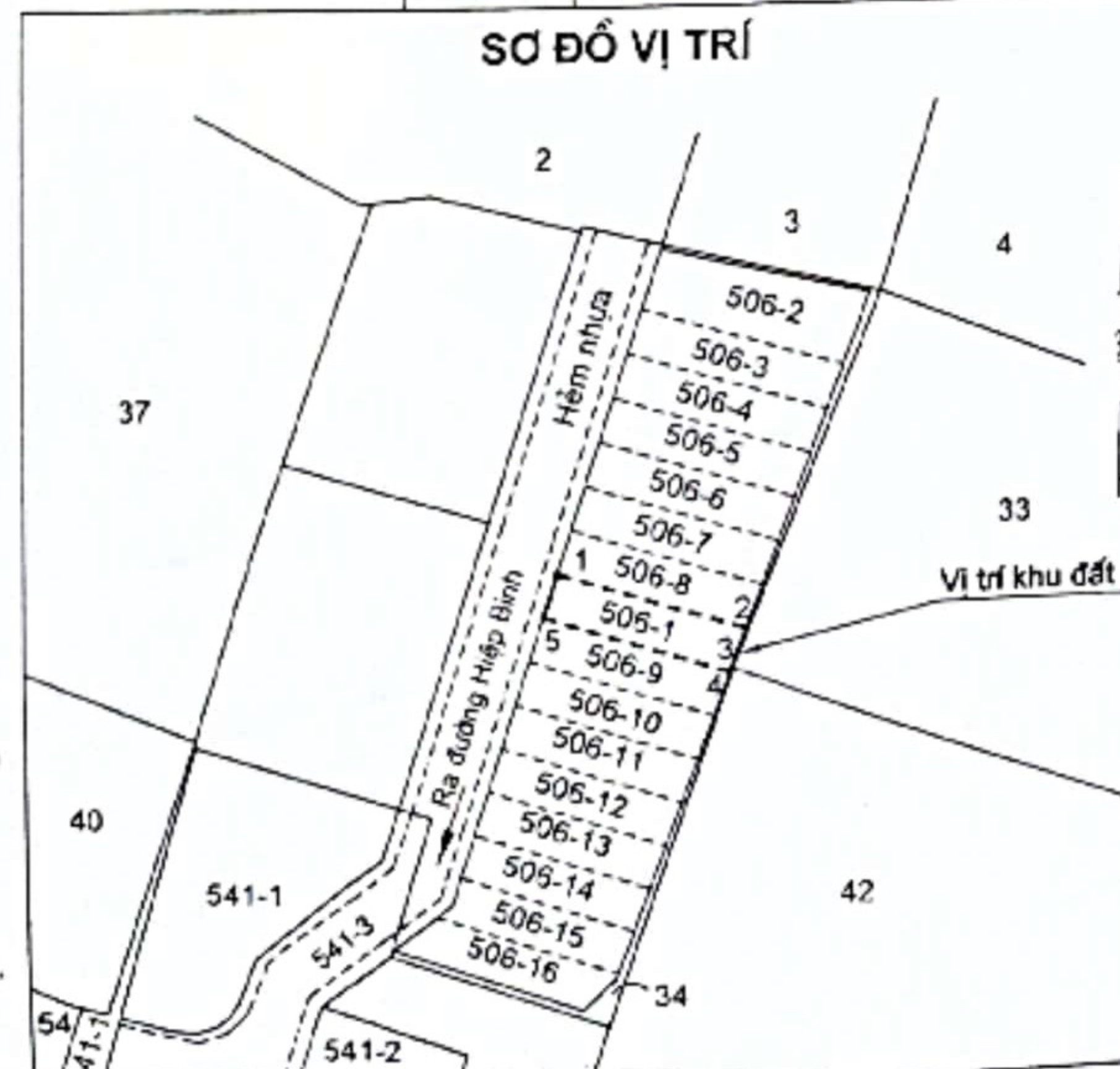
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KẾ TOẠ ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN - 2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199668.80	606358.38	17.43
2	1199663.71	606375.06	3.55
3	1199660.38	606373.84	0.57
4	1199659.84	606373.64	17.26
5	1199664.99	606357.14	4.10
1	1199668.80	606358.38	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và TSKGLVĐ.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:
Thửa đất số: Một phần thửa số 506.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)
*Diện tích theo hiện trạng: 71.2 m²
- Sử dụng riêng: 71.2 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 71.2 m²
+ Diện tích đất ở: 71.2 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
506	506-1		71.2	
	506-2			114.6
	506-3			75.5
	506-4			74.8
	506-5			74.1
	506-6			73.4
	506-7			72.7
	506-8			72.0
	506-9			70.5
	506-10			69.7
	506-11			69.0
	506-12			68.2
	506-13			67.5
	506-14			66.7
	506-15			66.7
	506-16			71.9
Cộng			71.2 m ²	

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
SỐ: 3082-8/20/BK-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HĐ: 94B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDB, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

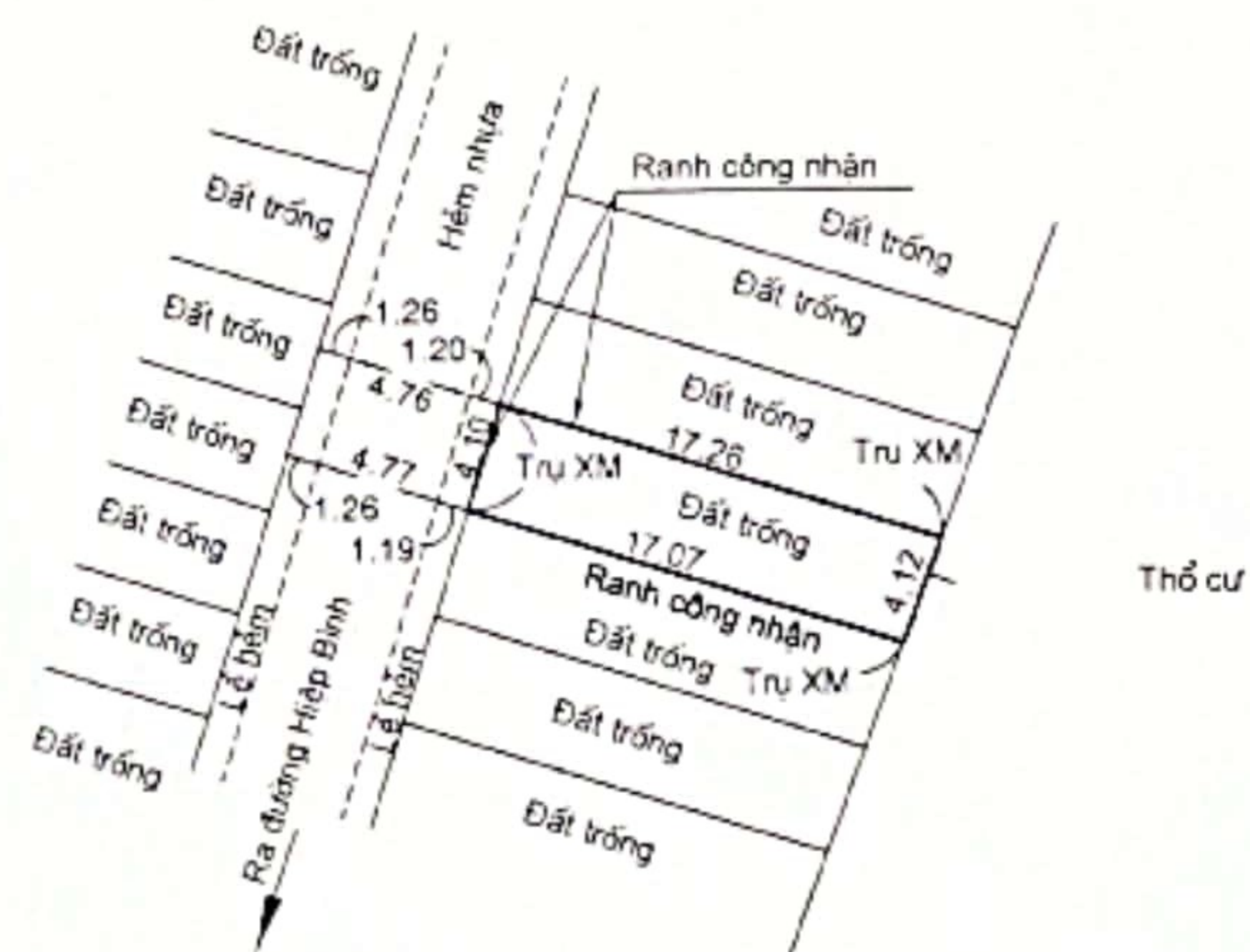
Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

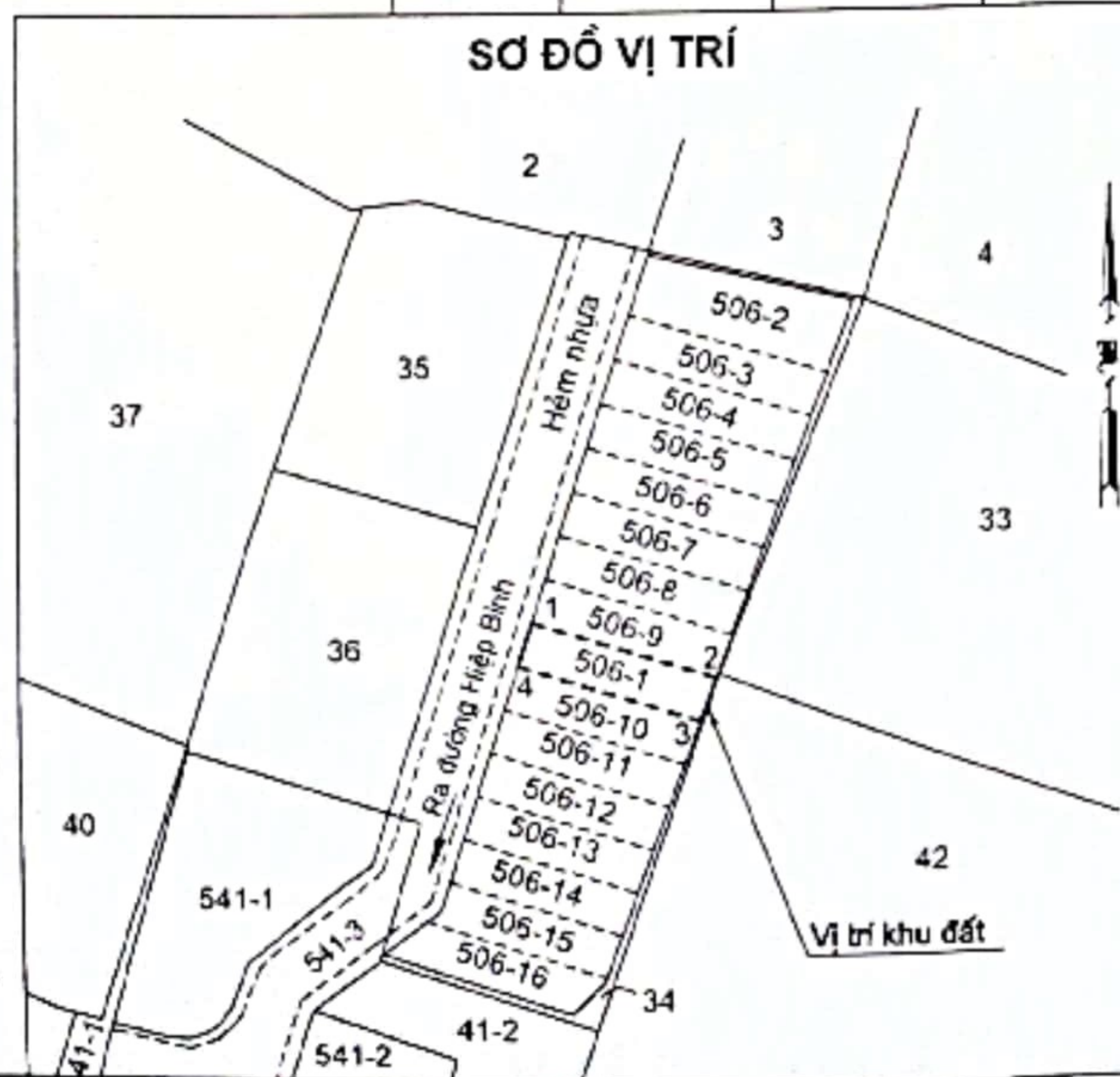
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Tọa độ VN-2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199664.89	606357.14	17.26
2	1199659.84	606373.64	4.12
3	1199655.97	606372.22	17.07
4	1199660.98	606355.90	4.10
1	1199664.89	606357.14	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNĐ và TSKGLVD.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:
Thửa đất số: Một phần thửa số 506.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)
*Diện tích theo hiện trạng: 70.5 m²
- Sử dụng riêng: 70.5 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 70.5 m²
+ Diện tích đất ở: 70.5 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
506	506-1		70.5	
	506-2			114.6
	506-3			75.5
	506-4			74.8
	506-5			74.1
	506-6			73.4
	506-7			72.7
	506-8			72.0
	506-9			71.2
	506-10			69.7
	506-11			69.0
	506-12			68.2
	506-13			67.5
	506-14			66.7
	506-15			66.7
	506-16			71.9
Cộng:			70.5 m ²	

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
Số: 3082-9/20/BN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HĐ: 94B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

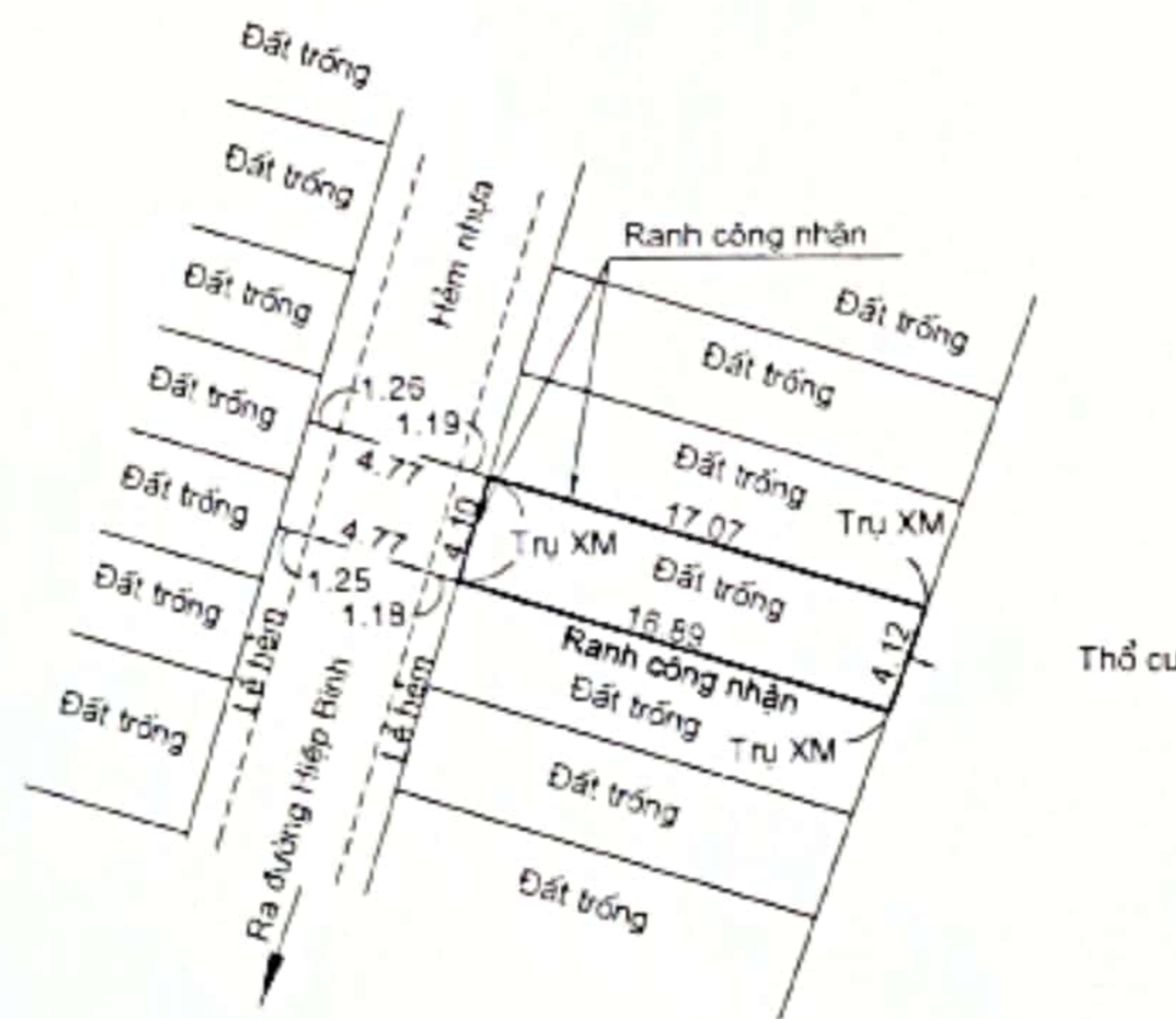
Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

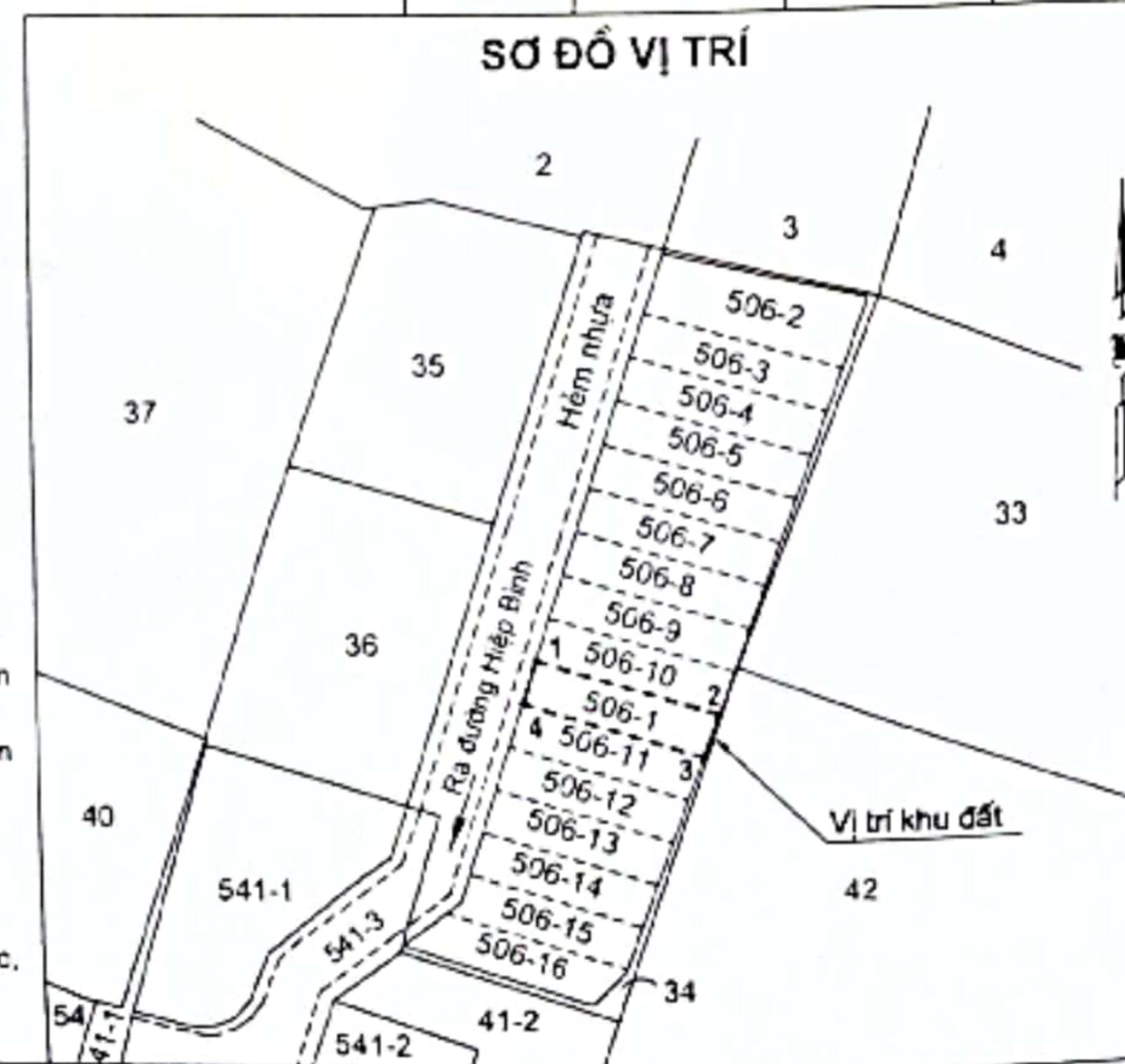
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TOẠ ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Tọa độ VN-2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199660.98	606355.90	17.07
2	1199655.97	606372.22	4.12
3	1199652.11	606370.80	16.89
4	1199657.07	606354.66	4.10
1	1199660.98	606355.90	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh)
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNĐ và TSKGLVĐ.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:

Thửa đất số: Một phần thửa số 506.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)

*Diện tích theo hiện trạng: 69.7 m²
- Sử dụng riêng: 69.7 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 69.7 m²
+ Diện tích đất ở: 69.7 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
506	506-1		69.7	114.6
	506-2			75.5
	506-3			74.8
	506-4			74.1
	506-5			73.4
	506-6			72.7
	506-7			72.0
	506-8			71.2
	506-9			70.5
	506-10			69.0
	506-11			68.2
	506-12			67.5
	506-13			66.7
	506-14			66.7
	506-15			66.7
	506-16			71.9
Cộng:			69.7 m ²	

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
Số: 3082-10/20/BN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HĐ: 94B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
NAM BẮC

NGƯỜI SĐĐ, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

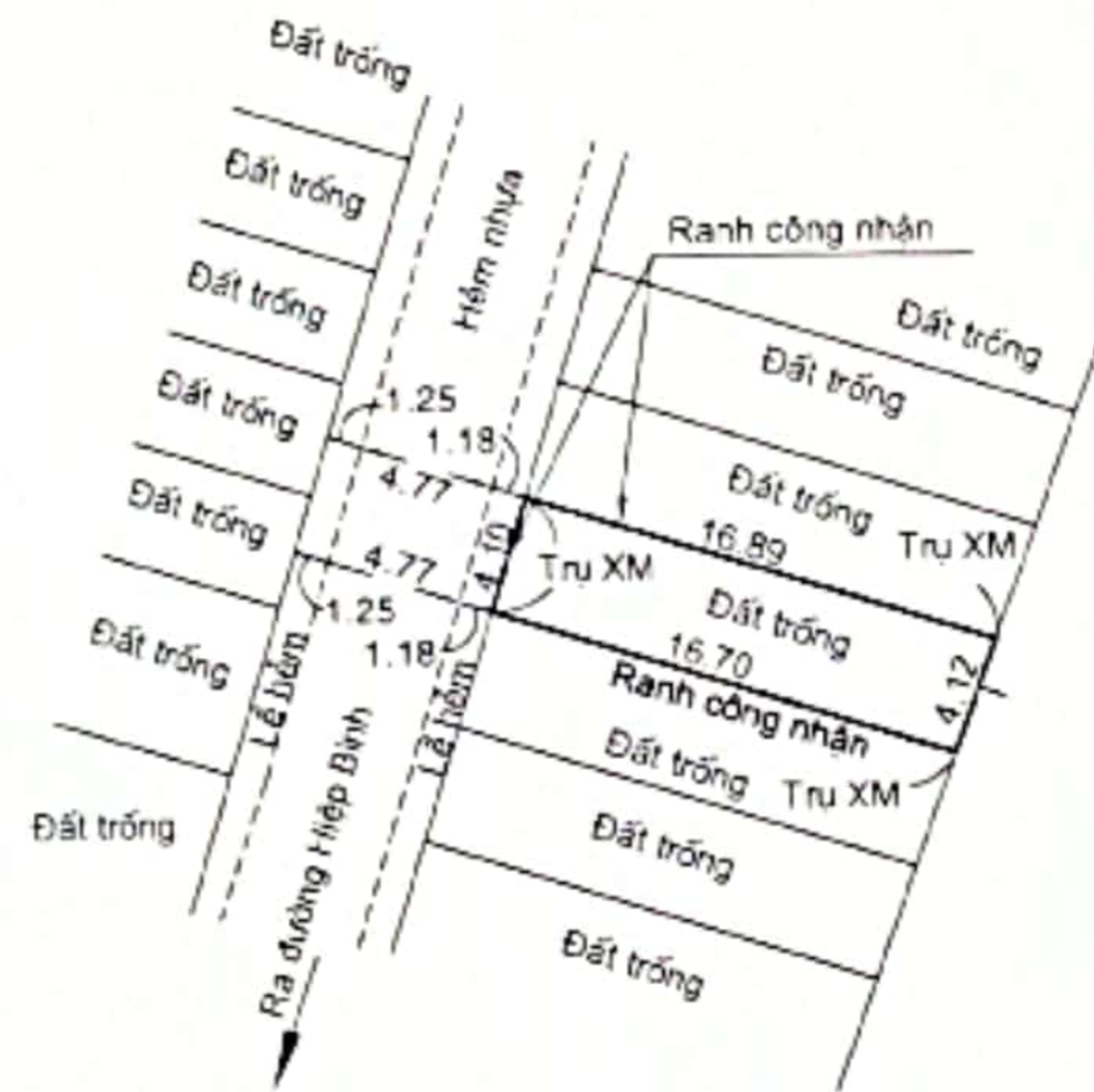
Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

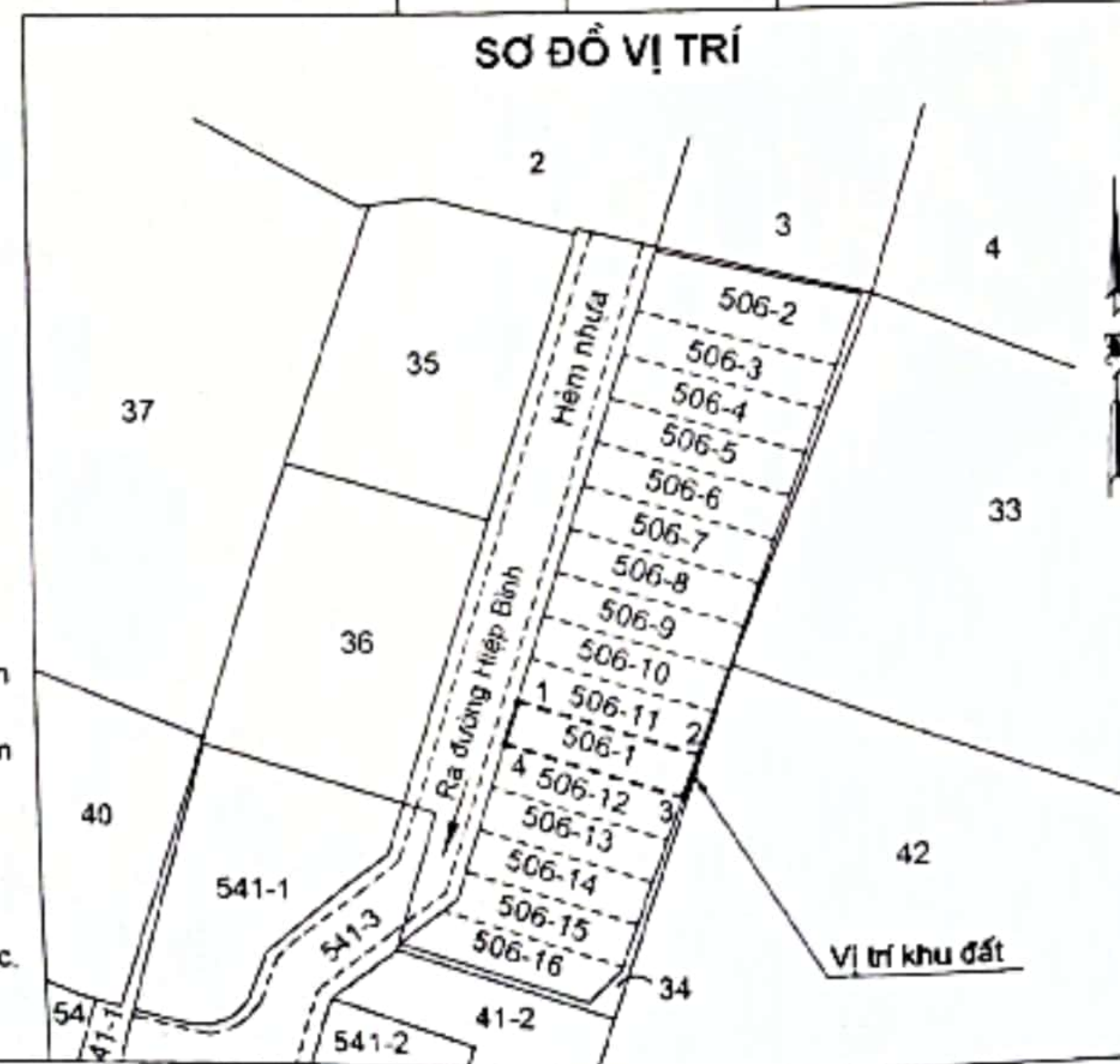
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TOA ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN-2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199657.07	606354.86	16.89
2	1199652.11	606370.80	4.12
3	1199648.24	606369.37	16.70
4	1199653.17	606353.41	4.10
1	1199657.07	606354.86	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và TSKGLVĐ.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:
Thửa đất số: Một phần thửa số 506.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)
*Diện tích theo hiện trạng: 69.0 m²
- Sử dụng riêng: 69.0 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 69.0 m²
+ Diện tích đất ở: 69.0 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
506	506-1		69.0	114.6
	506-2			75.5
	506-3			74.8
	506-4			74.1
	506-5			73.4
	506-6			72.7
	506-7			72.0
	506-8			71.2
	506-9			70.5
	506-10			69.7
	506-11			68.2
	506-12			67.5
	506-13			66.7
	506-14			66.7
	506-15			66.7
	506-16			71.9
Cộng:			69.0 m ²	

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
Số: 3082-11/20/BN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HD: 94B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

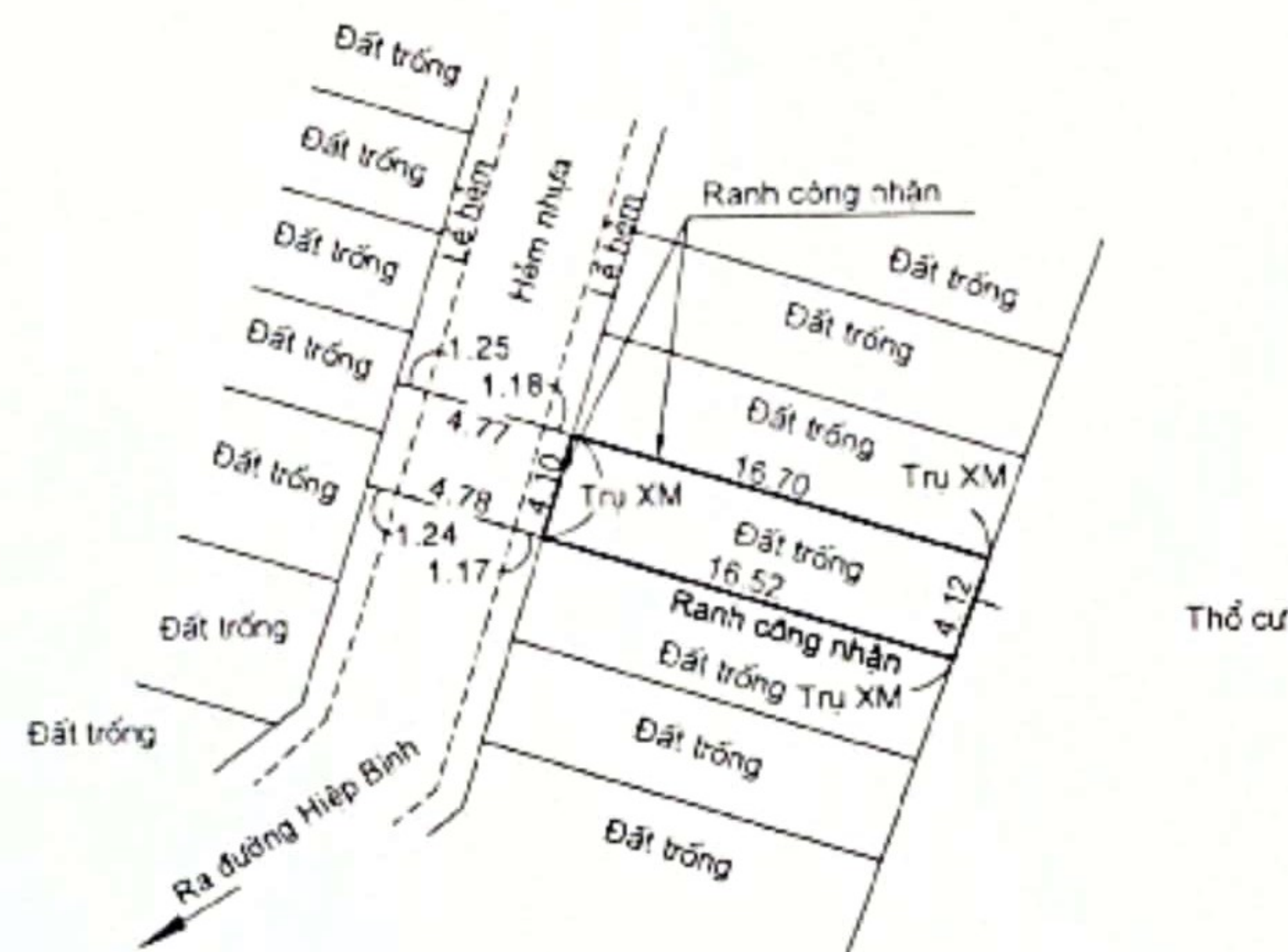
Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

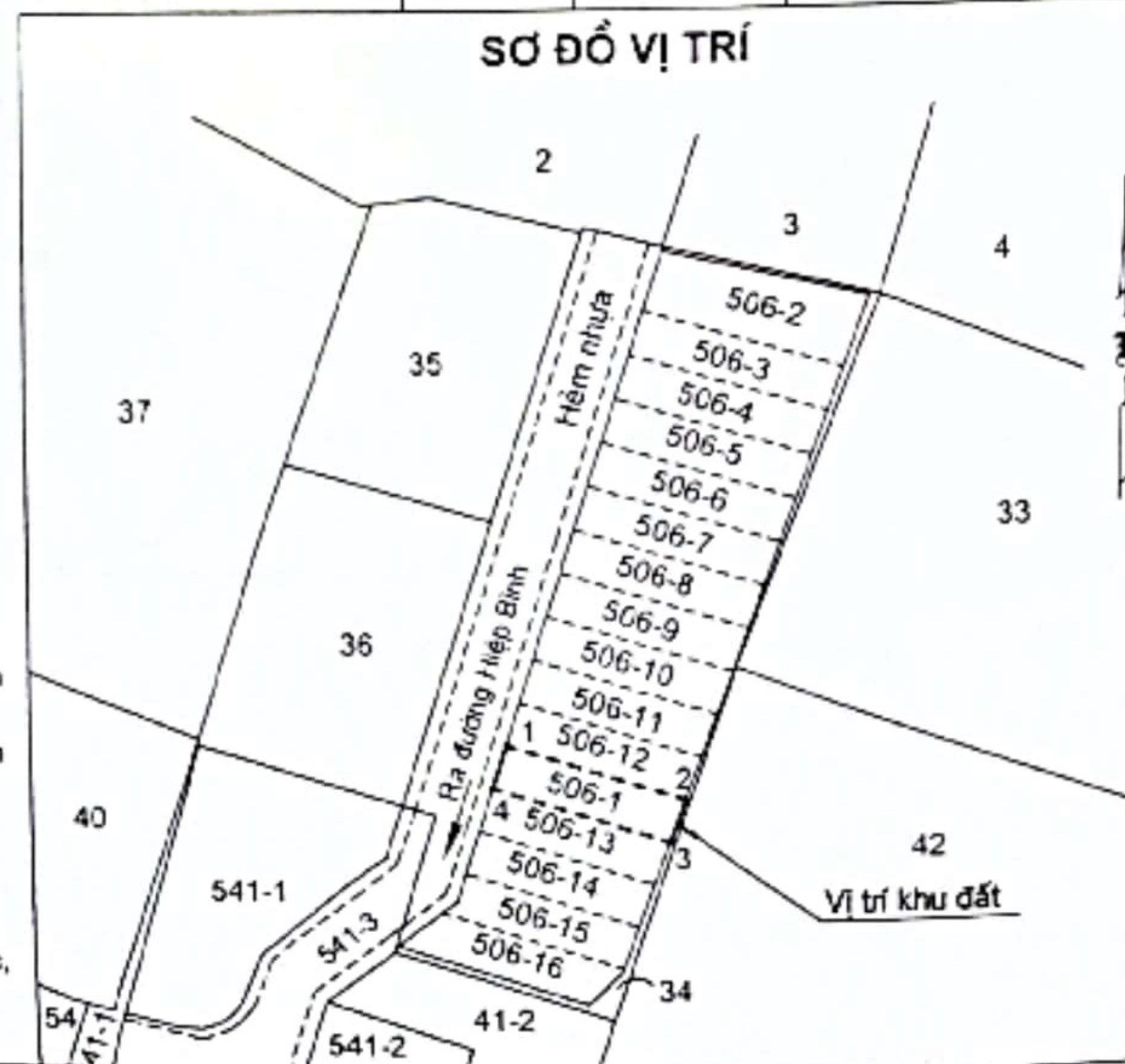
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TOẠ ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ VN-2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199653.17	606353.41	16.70
2	1199643.24	606369.37	4.12
3	1199644.37	606367.95	16.52
4	1199649.26	606352.17	4.10
1	1199653.17	606353.41	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhôc nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHND và TSKGLVD.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:

Thửa đất số: Một phần thửa số 506.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)

*Diện tích theo hiện trạng: 68.2 m²
- Sử dụng riêng: 68.2 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 68.2 m²
+ Diện tích đất ở: 68.2 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
506	506-1		68.2	114.6
	506-2			75.5
	506-3			74.8
	506-4			74.1
	506-5			73.4
	506-6			72.7
	506-7			72.0
	506-8			71.2
	506-9			70.5
	506-10			69.7
	506-11			69.0
	506-12			67.5
	506-13			66.7
	506-14			66.7
	506-15			66.7
	506-16			71.9
Cộng:			68.2 m ²	

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
Số: 3082-12/20/BN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HĐ: 94B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]

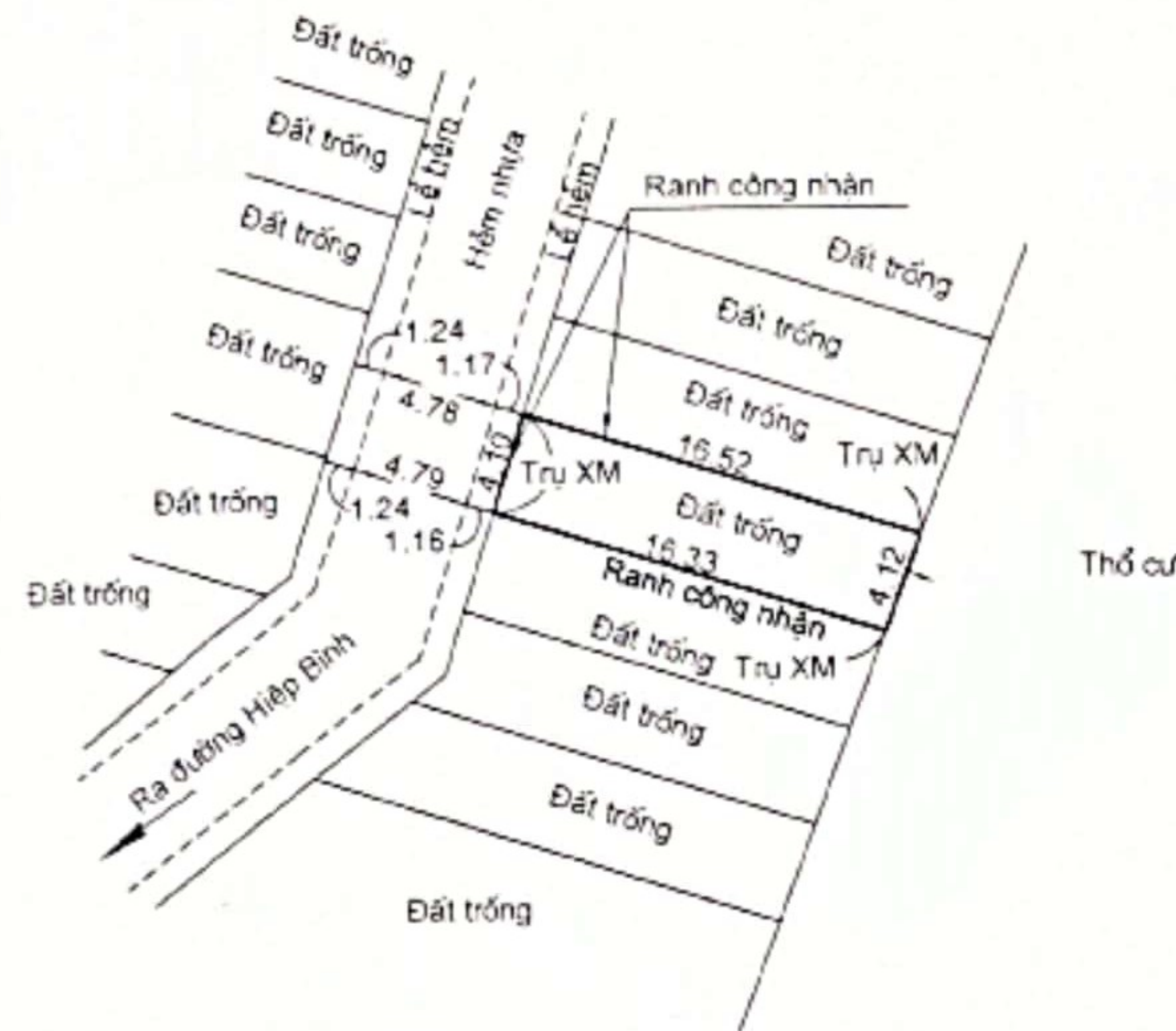
Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

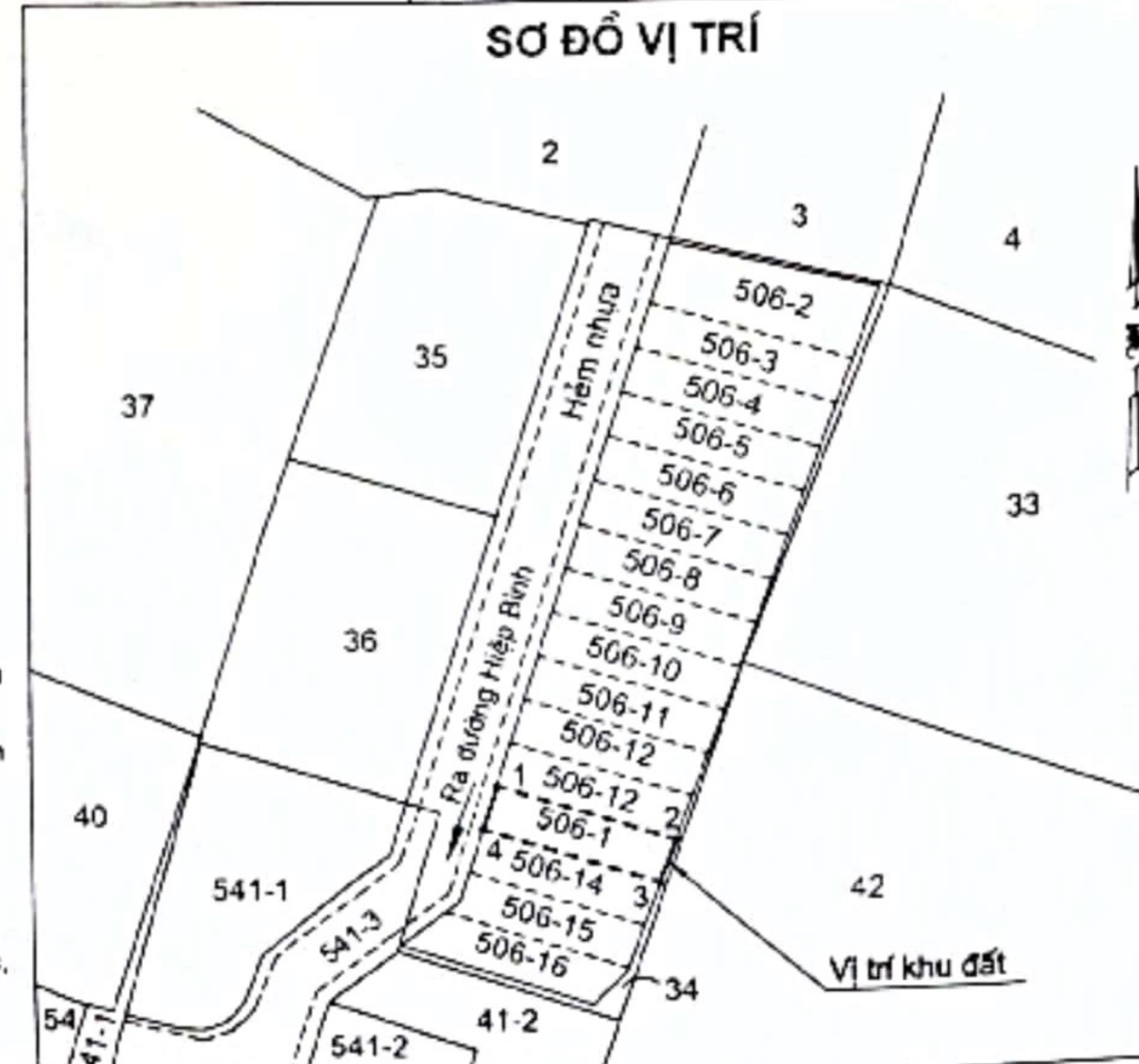
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TOA ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Tọa độ VN-2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199649.26	606352.17	13.52
2	1199644.37	606367.95	4.12
3	1199640.51	606366.53	13.33
4	1199645.35	606350.93	4.10
1	1199649.26	606352.17	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và TSKGLVĐ.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:

Thửa đất số: Một phần thửa số 506.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)

*Diện tích theo hiện trạng: 67.5 m²

- Sử dụng riêng: 67.5 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²

*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²

*Diện tích được công nhận: 67.5 m²

+ Diện tích đất ở: 67.5 m²

*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²

*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
506	506-1		67.5	
	506-2			114.6
	506-3			75.5
	506-4			74.8
	506-5			74.1
	506-6			73.4
	506-7			72.7
	506-8			72.0
	506-9			71.2
	506-10			70.5
	506-11			69.7
	506-12			69.0
	506-13			68.2
	506-14			66.7
	506-15			66.7
	506-16			71.9
Cộng:			57.5 m ²	

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
Số: 3082-13/20/BN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HĐ: 94B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

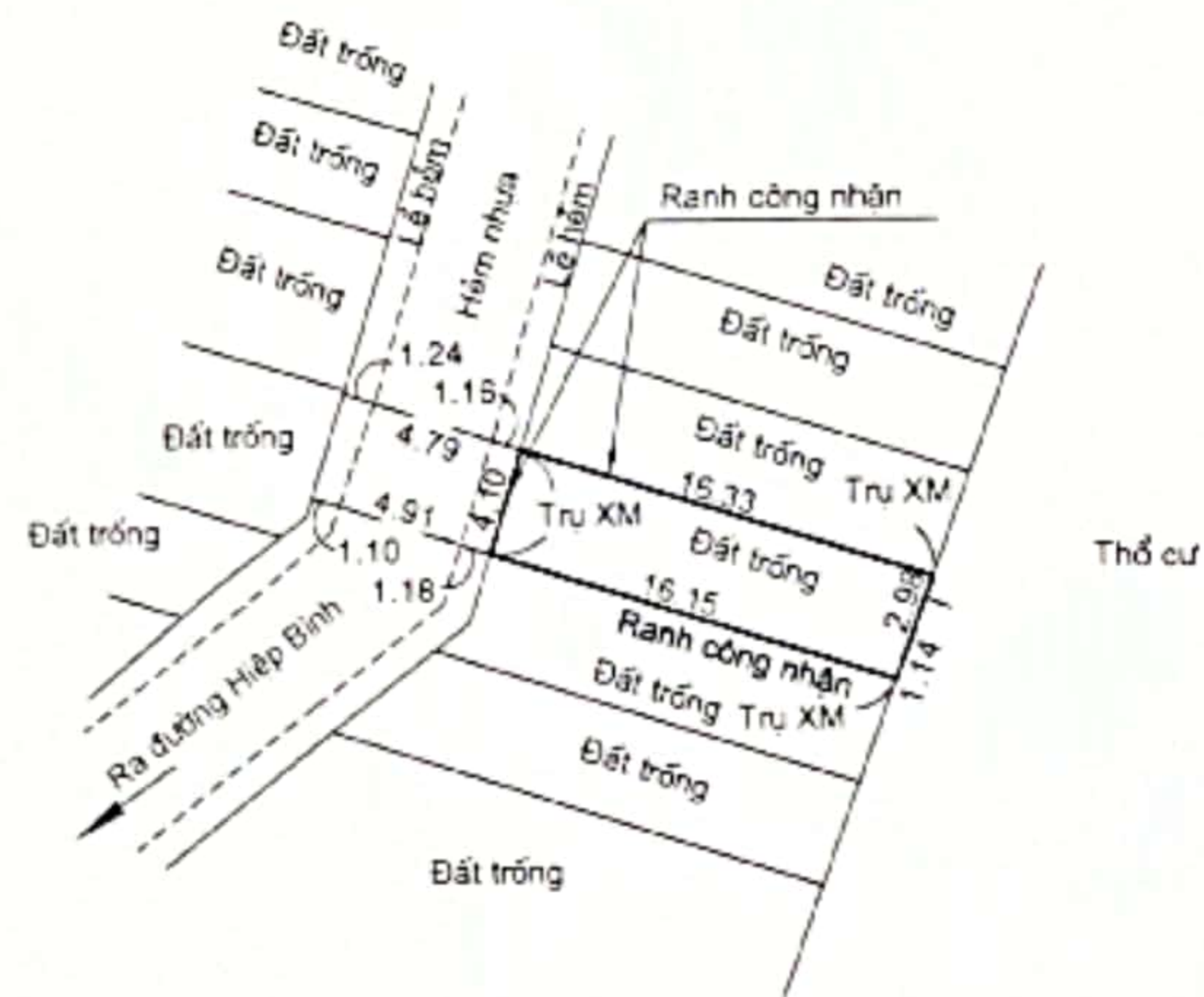
Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

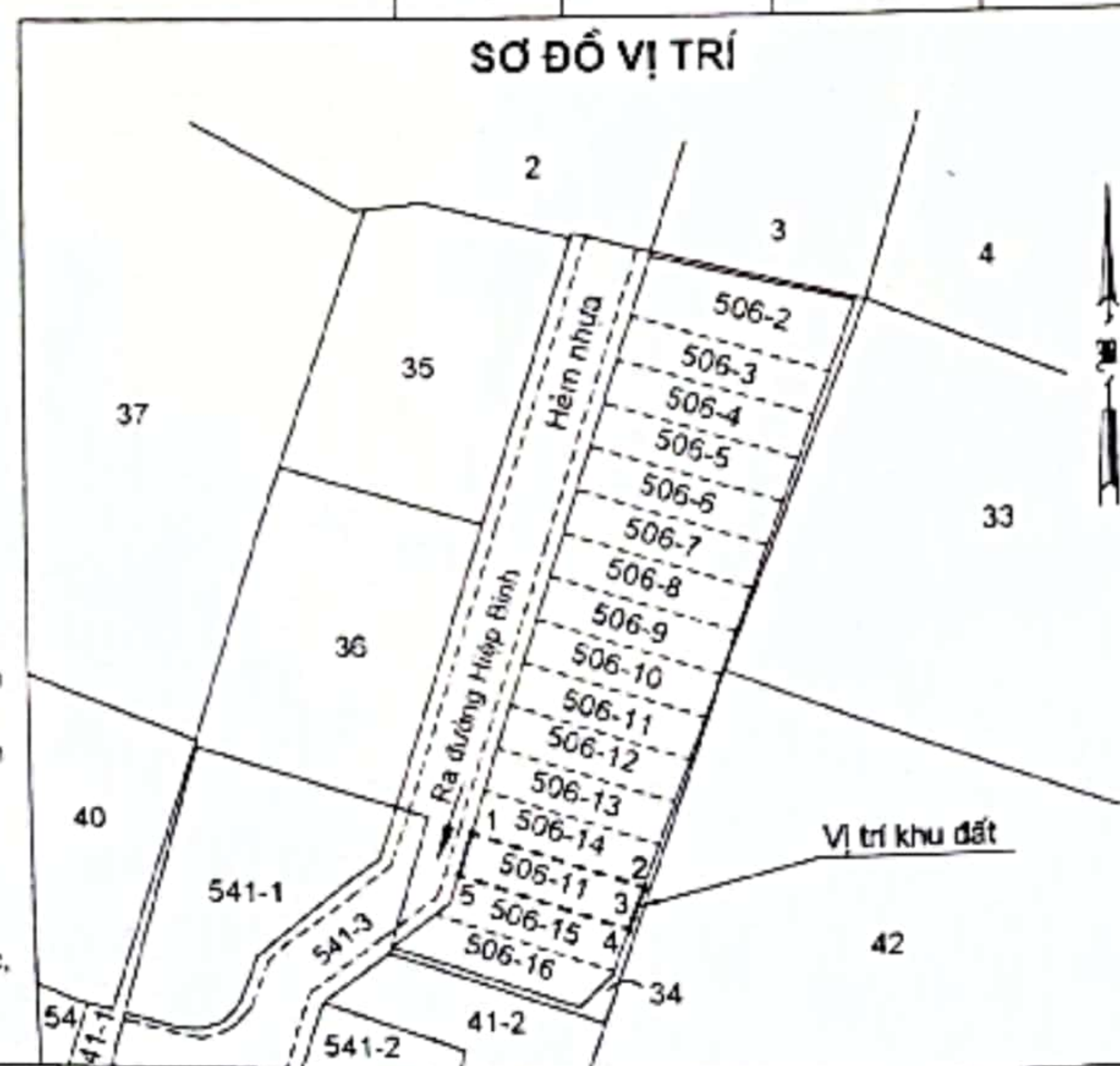
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TOA ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Tọa độ VN - 2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199645.35	606350.93	16.33
2	1199640.51	606366.53	2.98
3	1199637.71	606365.50	1.14
4	1199636.64	606365.11	16.15
5	1199641.44	606349.69	4.10
1	1199645.35	606350.93	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lộ giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHN và TSKGLVĐ.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:
Thửa đất số: Một phần thửa số 506.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)
*Diện tích theo hiện trạng: 66.7 m²
- Sử dụng riêng: 66.7 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 66.7 m²
+ Diện tích đất ở: 66.7 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
506	506-1		66.7	
	506-2			114.6
	506-3			75.5
	506-4			74.8
	506-5			74.1
	506-6			73.4
	506-7			72.7
	506-8			72.0
	506-9			71.2
	506-10			70.5
	506-11			69.7
	506-12			69.0
	506-13			68.2
	506-14			67.5
	506-15			66.7
	506-16			71.9
Cộng:			66.7 m ²	

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
Số: 3082-14/2016-BN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HD: 94B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Họ và tên người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú



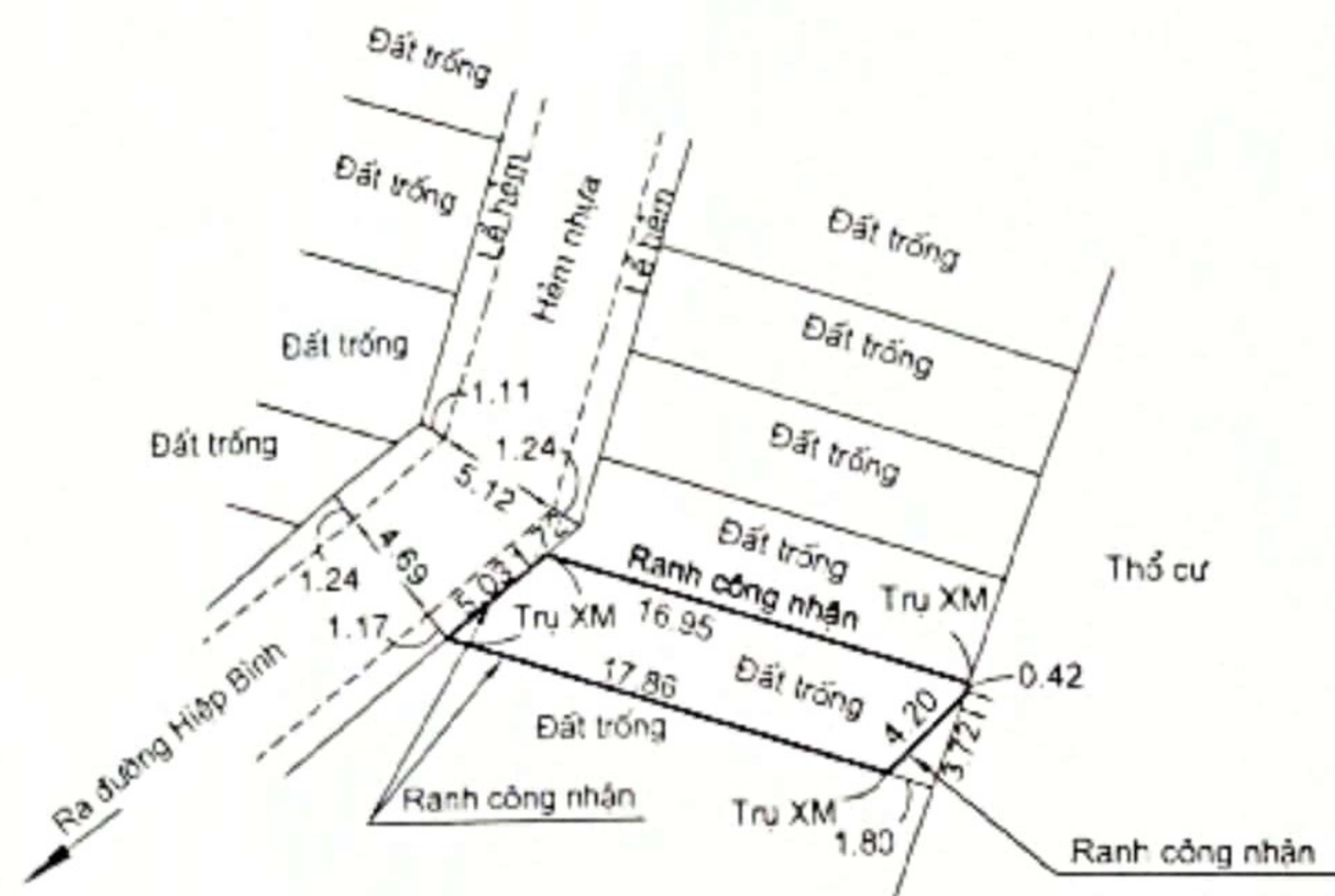
Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

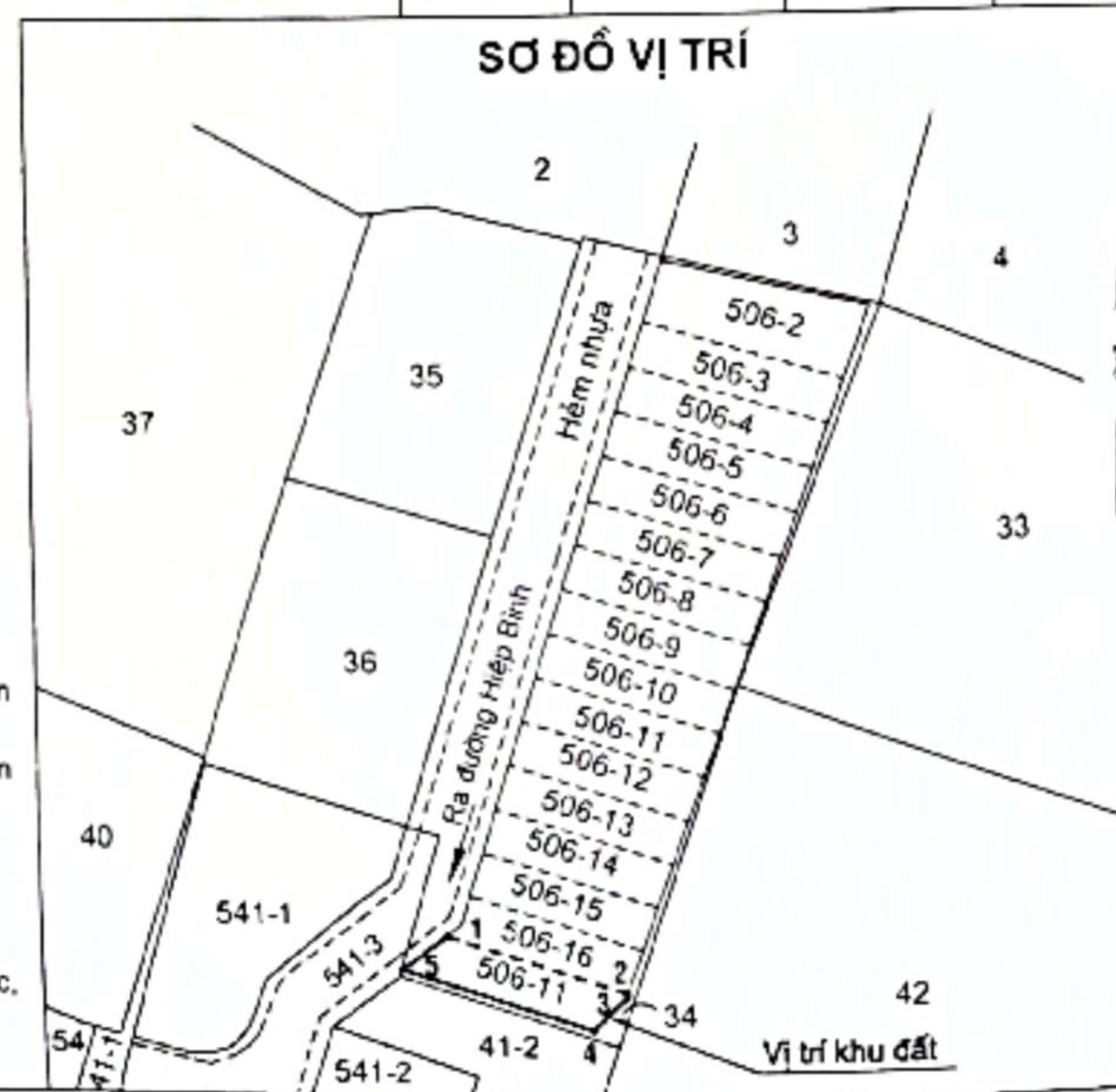
BẢN VẼ SƠ ĐỒ NHÀ ĐẤT



BẢNG LIỆT KÊ TOẠ ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Tọa độ VN-2000		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1199637.83	606347.50	16.95
2	1199632.77	606363.68	0.42
3	1199632.38	606363.54	4.20
4	1199529.44	606360.54	17.86
5	1199634.79	606343.50	5.03
1	1199637.83	606347.50	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Ghi chú:

- Ranh giới: khu đất do chủ sử dụng hướng dẫn
- Lô giới hẻm nhựa dự kiến theo hiện hữu (theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện trạng (hiện hữu) theo đồ án quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỷ lệ 1/2000, khu dân cư phía Đông Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, duyệt theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.
- Bản vẽ này không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNC và TSKGLVD.
- Bản vẽ này chỉ ghi nhận hiện trạng vị trí khu đất, nhà ở tại thời điểm đo đạc. Khi người sử dụng đất thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hiện trạng đất, tài sản gắn liền với đất

a/ Thông tin về tài sản gắn liền với đất:
(Không có công trình trên đất)

b/ Thông tin về đất:
Thửa đất số: Một phần thửa số 506.
Tờ bản đồ số: 67 phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(Theo tài liệu năm 2005)
*Diện tích theo hiện trạng: 71.9 m²
- Sử dụng riêng: 71.9 m²
- Sử dụng chung: 0.0 m²
*Diện tích không phù hợp quy hoạch: 0.0 m²
*Diện tích được công nhận: 71.9 m²
+ Diện tích đất ở: 71.9 m²
*Diện tích không được công nhận: 0.0 m²
*Phân loại vị trí: -/-

BẢNG CHỈ DẪN DIỆN TÍCH

(Theo tài liệu năm 2005)

Thửa	Thửa phân chiết	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	
			Sử dụng	Còn lại
506	506-1		71.9	114.6
	506-2			75.5
	506-3			74.9
	506-4			74.1
	506-5			73.4
	506-6			72.7
	506-7			72.0
	506-8			71.2
	506-9			70.5
	506-10			69.7
	506-11			69.0
	506-12			68.2
	506-13			67.5
	506-14			66.7
	506-15			65.7
	506-16			65.7
Cộng:			71.9 m ²	

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN THỦ ĐỨC

NGƯỜI KIỂM TRA
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC
DUYỆT
Số: 3082-16/20/BN-CNTĐ
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Bùi Anh Minh

Lê Xuân Tùng

Số HĐ: 94B/HDNN-NB/20

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM BẮC

NGƯỜI SDD, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
(Hoặc người đại diện cho tổ chức)

NGƯỜI ĐO VẼ

KIỂM TRA KỸ THUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2020
Đã kiểm tra và đồng ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

Đặng Hoàng Phúc

Đàm Văn Thắng

Võ Đức Phú

Đặng Văn Diệu

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN
